

**UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LŨ**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**BIỆN PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP
CỦA SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN KINH TẾ CHÍNH
TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LŨ**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: THS. ĐỖ THỊ YÊN

Đơn vị: BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

NINH BÌNH, 2022

**UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LŨ**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**BIỆN PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA
SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ
MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LŨ**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Đỗ Thị Yên

Đơn vị: Bộ môn lý luận chính trị

Các thành viên:

1. Nguyễn Thị Thu Thủy

Thạc sỹ KTCT, BMLLCT

2. Nguyễn Thuý Mai

Thạc sỹ KTCT, BMLLCT

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu
(họ tên, chữ ký)

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(họ tên, chữ ký)

NINH BÌNH, 2022

MỤC LỤC

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	1
2. Tính cấp thiết của đề tài	3
3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài	6
4. Đối tượng nghiên cứu của đề tài	7
5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài	7
6. Cách tiếp cận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của đề tài	7
7. Cấu trúc đề tài nghiên cứu	7

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA BIỆN PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ	9
--	---

1.1. Cơ sở lý luận của biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin	9
--	---

<i>1.1.1. Một số khái niệm và vấn đề lý luận cơ bản về biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin</i>	9
--	---

1.1.1.1. Khái niệm phương pháp, phương pháp dạy học	9
---	---

1.1.1.2. Khái niệm biện pháp, biện pháp dạy học	11
---	----

1.1.1.3. Bản chất của tính tích cực cá nhân	12
---	----

1.1.1.4. Khái niệm tích cực hóa hoạt động học tập	15
---	----

1.1.1.5. Vấn đề tích cực hóa người học và quá trình học tập	17
---	----

1.1.1.6. Biện pháp nâng cao tích cực hóa học tập	19
--	----

<i>1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin</i>	20
--	----

1.1.2.1. Khái quát về môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin; (Mục tiêu, nội dung, chương trình, giáo trình, phương pháp dạy học....)	20
--	----

1.1.2.2. Những biểu hiện của tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin	22
--	----

1.1.2.3. Những tiêu chí đánh giá tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin của sinh viên	24
--	----

1.1.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng cơ bản đến tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.....	25
1.2. Cơ sở thực tiễn của biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường ĐH Hoa Lư	28
<i>1.2.1. Khái quát về tổ chức dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư</i>	<i>28</i>
<i>1.2.2. Thực trạng tính tích cực học tập và biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư</i>	<i>31</i>
1.2.2.1. Thực trạng về tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin	31
1.2.2.2. Thực trạng biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư	35
1.2.2.3. Sự cần thiết của nâng cao tính tích cực học tập, đề xuất biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.....	37
Kết luận chương 1	40
Chương 2. BIỆN PHÁP VÀ THỰC NGHIỆM BIỆN PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ	41
2.1. Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư	41
<i>2.1.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.....</i>	<i>41</i>
2.1.1.1. Đảm bảo mục tiêu đào tạo.....	41
2.1.1.2. Đảm bảo tính hệ thống	42
2.1.1.3. Đảm bảo tính tương tác, tham gia và hợp tác	44
2.1.1.4. Đảm bảo tính thực tiễn.....	44
<i>2.2.2. Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.....</i>	<i>45</i>

2.2.2.1. Kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin	45
2.2.2.2. Đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ.....	49
2.2.2.3. Đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực	51
2.2.2.4. Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học	81
2.2.2.5. Đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học	90
2.2. Thực nghiệm biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.....	92
2.2.1. Khái quát chung về thực nghiệm	92
2.2.1.1. Khảo sát thực nghiệm	92
2.2.1.2. Mục đích thực nghiệm	92
2.2.1.3. Đối tượng, địa điểm và thời gian thực nghiệm	92
2.2.1.4. Nội dung thực nghiệm.....	92
2.2.2.5. Quy trình thực nghiệm	93
2.2.2. Phân tích kết quả thực nghiệm	93
2.2.2.1. Kết quả trước thực nghiệm.....	93
2.2.2.2. Kết quả sau thực nghiệm lần 1	94
2.2.2.3. Kết quả sau thực nghiệm lần 2	99
2.2.2.4. Kết luận chung về thực nghiệm	107
Kết luận chương 2	108
PHẦN KẾT LUẬN.....	110
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN	112
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	113
Phụ lục 01: Mẫu phiếu điều tra, khảo sát.....	115
Phụ lục 02: Bộ đề thi trắc nghiệm khách quan kết thúc học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin.....	121
Phụ lục 03: Danh sách bảng điểm tổng hợp đánh giá học phần các lớp thực nghiệm và đối chứng môn phần kinh tế chính trị Mác – Lênin.....	147

HỆ THỐNG BẢNG THỐNG KÊ VÀ SƠ ĐỒ TRONG ĐỀ TÀI

Bảng 1.1: Thống kê số liệu điều tra thể hiện sự nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của môn học	32
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ thể hiện sự nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của môn học	32
Bảng 1.2. Thống kê số liệu điều tra về nhu cầu, hứng thú học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên.	32
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ thể hiện về nhu cầu, hứng thú học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên.	32
Bảng 1.3. Thống kê số liệu điều tra mức độ thực hiện tự học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên	33
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ thể hiện mức độ thực hiện tự học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên	33
Bảng 1.4. Thống kê kết quả học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên. Nguồn: Số liệu thống kê từ phần mềm đào tạo của nhà trường.	34
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hóa kết quả học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên.....	34
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ đánh giá của thầy, cô về mức độ tích cực học tập của sinh viên trong học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.....	35
Bảng 2.1. Thống kê đánh giá kết quả học tập của sinh viên lớp TN1 và ĐC1 sau thực nghiệm lần 1	95
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ so sánh kết quả học tập của sinh viên lớp TN1 và ĐC1 sau thực nghiệm lần 1.....	96
Bảng 2.2: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.....	96
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.....	97
Bảng 2.3: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ.	97

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ.	97
Bảng 2.4: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực.	98
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực.	98
Bảng 2.5: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học.	98
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học.	99
Bảng 2.6: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.	99
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.	99
Bảng 2.7. Thống kê đánh giá kết quả học tập của sinh viên lớp TN2 và ĐC2 sau thực nghiệm lần 2.	100
Sơ đồ 2.7. Sơ đồ so sánh kết quả học tập của sinh viên lớp TN2 và ĐC2 sau thực nghiệm lần 2.	101
Bảng 2.8: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.	101
Sơ đồ 2.8: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.	102
Bảng 2.9: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ.	102
Sơ đồ 2.9: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ.	103
Bảng 2.10: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực.	103

Sơ đồ 2.10: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực.	103
Bảng 2.11: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học...	104
Sơ đồ 2.11: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học.	104
Bảng 2.12: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.....	104
Sơ đồ 2.12: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.	105
Bảng 2.13: Bảng thống kê đánh giá của giảng viên về biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên.	105
Bảng 2.14: Bảng thống kê đánh giá của giảng viên về biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ.	106
Bảng 2.15: Bảng thống kê đánh giá của giảng viên về biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực.....	106
Bảng 2.16: Bảng thống kê đánh giá của giảng viên về biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học.....	106
Bảng 2.17: Bảng thống kê đánh giá của giảng viên về biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.....	107

BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
ĐHHL	Đại học Hoa Lư
TN	Thực nghiệm
TN ₁	Thực nghiệm 1
TN ₂	Thực nghiệm 2
ĐC	Đối chứng
ĐC ₁	Đối chứng 1
ĐC ₂	Đối chứng 2
SV	Sinh viên

TRANG THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU:

Đề tài "Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư" được nhóm tác giả thực hiện trong năm 2022. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là làm sáng tỏ một số vấn đề về dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin và đề xuất biện pháp nhằm nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. Trong đề tài nhóm tác giả đã: Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản của biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin; điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin; đề xuất một số biện pháp cơ bản nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Tổ chức thực nghiệm để đánh giá hiệu quả các biện pháp đã đề xuất trong đề tài và qua hai lần thử nghiệm đã chứng minh được tính hiệu quả, giá trị tích cực của các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư. Đề tài góp phần quan trọng vào việc nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin; là tài liệu tham khảo hữu ích, có giá trị cho giảng viên dạy học các môn Lý luận chính trị nói chung, môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin nói riêng của nhà trường.

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Vấn đề nâng cao tính tích cực học tập của người học nói chung, tính tích cực học tập của người học trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin nói riêng được nhiều nhà giáo dục trong nước và quốc tế quan tâm ở nhiều góc độ khác nhau. Nhiều công trình khoa học đã đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp đến các phương pháp, biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học trong dạy học, trong đó phải kể đến một số công trình tiêu biểu, liên quan đến đề tài nghiên cứu có thể tham khảo như sau:

Sách “*Phương pháp giảng dạy Kinh tế chính trị ở các trường đại học*” của tập thể tác giả Trường Đại học Tổng hợp Leningrad, trình bày hệ thống nguyên tắc cơ bản của lý luận dạy học áp dụng vào phương pháp giảng dạy phương pháp dạy học môn Kinh tế chính trị học. Cuốn sách viết phương pháp giảng dạy bắt nguồn từ những nguyên tắc “giáo học pháp” ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy môn Kinh tế chính trị. Nội dung kiến thức Kinh tế chính trị được tác giả đề cập là “Sự tuần hoàn và chu chuyển của tư bản”, “lợi nhuận và giá cả sản xuất”. Trên cơ sở nghiên cứu bản chất nguyên tắc dạy học Kinh tế chính trị, tác giả nhấn mạnh nếu bài giảng thiếu liên hệ với tính hiện đại thì không tránh khỏi dẫn tới việc giảng xa rời thực tế đời sống; nếu thiếu sự giải thích khoa học sâu sắc không thể làm cho sinh viên lĩnh hội, ứng dụng tài liệu ấy vào thực tiễn đúng đắn. Vì vậy, người thầy phải có phương pháp dạy học để khái quát hóa tài liệu thực tiễn, vạch ra được các quy luật bên trong của các quá trình kinh tế [12; tr. 54-56].

Sách “*Tổ chức quá trình học tập Kinh tế chính trị*” của tác giả M.C.Chéc - Nen - Cô, IU.I. Pan - Kin bàn đến các nội dung, yêu cầu nguyên tắc dạy học môn Kinh tế chính trị hình thành cho sinh viên hiểu biết sâu sắc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và kỹ năng vận dụng kiến thức trong hoạt động thực tiễn sau này. Theo tác giả, trong từng phần kiến thức người dạy cần tiến hành cho học viên thảo luận, liên hệ với những vấn đề phức tạp của thời đại hiện nay; thực hiện nguyên tắc học tập liên hệ với cuộc sống; cung cấp tài liệu thực tế phong phú, thay đổi hình thức tác động vào người học hiệu quả [9; tr. 110-118].

Sách “*Phương pháp giảng dạy Kinh tế chính trị ở các trường đại học và cao đẳng*” của Nguyễn Việt Dũng, Vũ Hồng Tiến, Nguyễn Văn Phúc trình bày vấn đề chung về phương pháp giảng dạy Kinh tế chính trị và những nguyên tắc cơ bản cần vận dụng vào quá trình giảng dạy môn Kinh tế chính trị. Nghiên cứu chỉ rõ giảng viên khi truyền đạt kiến thức môn học phải đảm bảo tính khoa học,

tính chính xác cao; nội dung bài giảng phải phản ánh được những thành tựu lý luận mới nhất về Kinh tế chính trị gắn với thực tiễn kinh tế xã hội, đường lối, chính sách, biện pháp kinh tế của Đảng, Nhà nước [10; tr. 43].

Sách “Dạy học Kinh tế chính trị theo phương pháp dạy học tích cực”. Nhà xuất bản Đại Học Sư Phạm, 2009, tác giả Trần Thị Mai Phương, cho rằng căn cứ vào mục tiêu và nội dung của học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin đòi hỏi việc học tập và giảng dạy học phần này phải gắn với thực tiễn đời sống kinh tế- xã hội, gắn với đường lối, chính sách kinh tế của Nhà nước, vừa có tác dụng giáo dục tư tưởng, rèn luyện tư duy kinh tế đồng thời tạo được sự tích cực, chủ động trong học tập của sinh viên. Cho nên, việc lựa chọn phương pháp giảng dạy và học tập có vai trò quan trọng, quyết định cho sự thành công của hoạt động giảng dạy và học tập các học phần. Khi vận dụng nguyên tắc tự giác và tích cực không chỉ đòi hỏi sự tích cực, sáng tạo từ giảng viên mà còn cần đến sự tự giác và tích cực của sinh viên. Chính vì vậy, sự vận dụng nguyên tắc tự giác và tích cực trong giảng dạy học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin là một trong những biện pháp đem lại hiệu quả tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập học phần này [13; tr.129].

Tại trường Đại học Hoa Lư, tìm ra các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã được nhiều giảng viên quan tâm. Trong đó, phải kể đến một số bài viết, đề tài của các tác giả Đoàn Sỹ Tuấn: “*Bước đầu vận dụng kỹ thuật công não trong dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường đại học Hoa Lư*” (Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Đổi mới phương pháp nâng cao chất lượng dạy học ở trường Cao đẳng Sư phạm Ninh Bình. 3/2004); “*Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin ở các trường Đại học, Cao đẳng*”. (Tạp chí Dạy và học ngày nay; Số tháng 1-2018, tr 155-159. Mã số ISSN: 1859-2694 Tác giả: Đoàn Sỹ Tuấn); đề tài khoa học cấp trường Ths. Bùi Duy Bình (Chủ nhiệm) “*Sử dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học Phân học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác Lênin ở Trường đại học Hoa Lư*” ...

Nhìn chung, các công trình trong nước, quốc tế ở trên và một số công trình nghiên cứu khác chủ yếu tập trung nghiên cứu tính tích cực học tập, tính tích cực học tập trong dạy học môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin đã đề cập, nhấn mạnh cần vận dụng các nguyên tắc dạy học, gắn lý luận với thực tiễn, thực tế đời sống; phải vận dụng các phương pháp dạy học tích cực như phương pháp đàm thoại tìm tòi, nêu vấn đề, dụng kỹ thuật công não....

Tuy nhiên, sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định số 3056/2019/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 về đổi mới chương trình, giáo trình môn học đã đặt ra những vấn đề “thiếu vắng” trong các công trình trước đó. Từ đó, đặt ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và làm sâu sắc thêm. Cho đến nay, chưa có một đề tài nghiên cứu nào hệ thống hóa cơ sở lý luận của tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin; khảo sát, đánh giá khách quan, toàn diện về thực trạng về tính tích cực học tập môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin theo chương trình, giáo trình mới ban hành; do đó chưa đưa ra được những biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Vì vậy, nhóm tác giả lựa chọn đề tài “***Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư***” để nghiên cứu.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Một là, tính tích cực học tập và nâng cao tính tích cực học tập của người học được Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, nhiều nhà giáo dục quan tâm.

Tính tích cực học tập và biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học là vấn đề được nhiều nhà giáo dục cổ kim, Đông Tây nghiên cứu, bàn luận, đề xuất và tìm cách thực hiện. Trong thời đại cách mạng khoa học công nghệ, toàn cầu hoá, xã hội tri thức trên thế giới và quá trình đổi mới đất nước ngày càng sâu rộng, đang đặt ra những yêu cầu đối với giáo dục Việt Nam: Giáo dục cần phải giải quyết mâu thuẫn giữa tri thức nhân loại tăng lên nhanh chóng và thời gian đào tạo không thể kéo dài, cần phải đào tạo một lớp người vừa đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới đất nước, vừa có khả năng hòa nhập và cạnh tranh quốc tế. Trong bối cảnh đó, đổi mới nội dung và phương pháp dạy học, tìm kiếm những biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học, phát huy mạnh mẽ tính tích cực học tập theo tinh thần "Học tập - một kho báu tiềm ẩn" lại trở nên cần thiết hơn; phù hợp với không gian và thời gian của việc đào tạo trong xã hội hiện đại, là nhiệm vụ có ý nghĩa cực kỳ to lớn và luôn mang tính thời sự trong hoạt động Giáo dục và Đào tạo nước nhà.

Đảng, Nhà nước ta xác định Giáo dục và Đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nhiều Văn kiện, Nghị quyết của Đảng; Luật giáo dục; Chiến lược phát triển giáo dục đều nhấn mạnh nhiệm vụ cấp thiết, tất yếu của nền giáo dục Việt Nam phải đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao tính tích cực học tập của người học. Cụ thể: Kết luận Số: 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư “Về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”, xác định: “Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục

quốc dân.. Phương pháp giảng dạy và học tập phải sinh động, mềm dẻo, có thực tiễn và phù hợp với từng cấp; tạo được sự hứng thú và có trách nhiệm cho người dạy và người học; người học thích đọc hơn, có trách nhiệm phải học; người dạy có hứng thú hơn, có trách nhiệm cao hơn”[1]. Nghị quyết Số 37-NQ/TW, ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị khóa XII “Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”, xác định rõ: “Công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị còn hạn chế về chất lượng, trùng lặp về nội dung, chương trình, giáo trình; chậm đổi mới về phương pháp”. Chỉ thị Số: 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”, xác định: Đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương pháp học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng phù hợp với từng đối tượng, phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và phương pháp công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ... Đổi mới phương pháp dạy học lý luận chính trị, ứng dụng các phương pháp hiện đại, hấp dẫn người học, tạo hứng thú tìm tòi, nghiên cứu. Đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá thực chất kết quả học tập lý luận chính trị theo hướng thực chất. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong học tập lý luận chính trị. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xác định: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”. v.v.. Nghị quyết 29-NQ/TW năm 2013 về chính sách đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học. Luật Giáo dục 2019, số 43/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2019, Khoản 2, Điều 7, xác định: Phương pháp giáo dục phải khoa học,

phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên...

Như vậy, để đáp ứng những đòi hỏi của đất nước, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong bối cảnh mới, Đảng, Nhà nước & ngành Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra nhiều chủ trương, định hướng đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Tuy nhiên, đổi mới phương pháp dạy học chậm được triển khai có hiệu quả trong thực tiễn. Biện pháp thực hiện của các cấp giáo dục chưa sát, chưa cụ thể dẫn đến chậm đổi mới phương pháp dạy học, hạn chế tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, ảnh hưởng lớn tới chất lượng dạy học.

Hai là, tầm quan trọng của môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 3 môn học các môn Khoa học Mác- Lênin, một trong 5 môn học các môn Lý luận chính trị bắt buộc được đưa vào dạy học trong các trường đại học, cao đẳng. Môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin có mục tiêu là trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của môn học trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên lý luận. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Góp phần xây dựng lập trường, tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.

Ba là, môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin đang thực hiện đổi mới chương trình, giáo trình môn học; dạy học theo phương thức đào tạo tín chỉ.

Thực hiện Kết luận 94-KL/TW năm 2014 tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân do Ban Bí thư, ngày 19/7/2019 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 3056/2019/QĐ-BGDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị. Vì vậy, cho đến nay, môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một học phần bắt buộc, cùng với các môn khoa học khác trong tổ hợp các môn khoa học thuộc khối kiến thức khoa học Mác – Lênin, có ý nghĩa nền tảng cho toàn bộ các môn Lý luận chính trị, cung cấp cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho người học, đang trong quá trình thực hiện hiện đổi mới chương

trình, giáo trình môn. Vì nhiều nguyên nhân nên hiện nay có một bộ phận không nhỏ sinh viên vẫn chưa coi trọng và tích cực học tập môn học. Trong khi đó, những thành quả của tâm lý học cho thấy, hoạt động của người học có vai trò quyết định trong việc hoàn thành các năng lực và phẩm chất. Những năng lực trí tuệ, năng lực chuyên môn, các phẩm chất nghề nghiệp, thuộc tính nhân cách của người học là kết quả của việc người học, bằng hoạt động của chính bản thân mình, chuyển hoá những năng lực và phẩm chất của loài người thành tài sản riêng cho bản thân. Vì vậy, nâng cao tính tích cực học tập của người học được coi là một nguyên tắc của quá trình dạy học; một giải pháp căn bản để nâng cao chất lượng dạy học. Điều này càng có ý nghĩa hơn đối với quá trình học tập của sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng. Nó đảm bảo đúng đắn vị thế của người học, phù hợp với đặc điểm, tâm lý, nhận thức, nhân cách của người học trưởng thành; với mục tiêu, bản chất, nhiệm vụ của quá trình dạy học ở đại học, cao đẳng. Quá trình dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư, cho thấy: Nhà trường đang đào tạo môn học theo học chế tín chỉ, đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập của sinh viên. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hạn chế đổi mới phương pháp dạy học, chính là không tìm ra được các biện pháp đổi mới cụ thể. Việc nâng cao tính tích cực học tập môn học chưa được giảng viên quan tâm đúng mức; sinh viên còn thiếu tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập.

Vì vậy, tìm ra biện pháp nâng cao tính tích cực học tập, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin, thực hiện mục tiêu giáo dục và đào tạo của nhà trường là rất quan trọng, cấp thiết. Từ những lý do trên, chúng tôi lựa chọn: *"Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư"* làm đề tài nghiên cứu khoa học trong năm học 2021- 2022.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Làm sáng tỏ một số vấn đề về dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin và đề xuất biện pháp nhằm nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, đề tài có nhiệm vụ:

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản của biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin
- Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng biện pháp phát huy tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- Đề xuất một số biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. Tổ chức thực nghiệm để đánh giá hiệu quả các biện pháp đã đề xuất trong đề tài.

4. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên.

5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Một số biện pháp cơ bản nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.

6. Cách tiếp cận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của đề tài

6.1. Cách tiếp cận

Nghiên cứu lý thuyết - thử nghiệm - ứng dụng

6.2. Phương pháp nghiên cứu

- Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; lý luận dạy học hiện đại.

- Để thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra, đề tài còn sử dụng tổng hợp nhóm các phương pháp nghiên cứu sau:

Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhằm xây dựng cơ sở lý luận đề tài.

Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp quan sát: quan sát thái độ, sự chú ý, hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- Phương pháp điều tra: sử dụng phiếu hỏi đối với giảng viên, sinh viên nhằm thu thập thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp thực nghiệm: tổ chức thực nghiệm sư phạm để phân tích, đánh giá, so sánh nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng...

7. Cấu trúc đề tài nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục các công trình nghiên cứu khoa học có liên quan, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, đề tài gồm hai chương, cụ thể:

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA BIỆN PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1.1. Cơ sở lý luận của biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin

1.2. Cơ sở thực tiễn của biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường ĐH Hoa Lư

Chương 2

BIỆN PHÁP VÀ THỰC NGHIỆM BIỆN PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

2.1. Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

2.2. Thực nghiệm biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

II. PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA BIỆN PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1.1. Cơ sở lý luận của biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin

1.1.1. Một số khái niệm và vấn đề lý luận cơ bản về biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin

1.1.1.1. Khái niệm phương pháp, phương pháp dạy học

Thuật ngữ "phương pháp" bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp là Methodos có nghĩa là con đường, cách thức để đạt được mục đích nhất định. Tuy nhiên xung quanh vấn đề bản chất của phương pháp trong lịch sử triết học còn nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí là đối lập nhau. Điều này được thể hiện:

Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm về phương pháp. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan cho rằng phương pháp chỉ là sản phẩm thuần túy của tư duy con người. Chủ nghĩa duy tâm khách quan cho rằng phương pháp là cách thức thực hiện của ý niệm tuyệt đối. Điểm giống nhau của cả hai quan niệm trên là coi phương pháp là vấn đề thuần túy của tư tưởng, tư duy, tinh thần.

Quan niệm của chủ nghĩa duy vật trước Mác về phương pháp. Điển hình cho quan niệm này là quan niệm của Francis Bacon và René Descartes. Francis Bacon là người đề ra và coi trọng phương pháp. Khi đề cập đến bản chất của phương pháp, ông cho rằng: Phương pháp là sợi chỉ cấp thiết dẫn đường, là ngọn đèn pha soi đường cho người đi trong đêm tối, là con đường ngắn nhất để đi tới chân lý, đi tới phát minh và sáng tạo. Người có phương pháp sẽ đi đến đích nhanh hơn người không có phương pháp. Từ đó ông đề xuất phương pháp quy nạp mới - quy nạp loại trừ. René Descartes cho rằng phương pháp là con đường đạt đến chân lý bằng phương pháp suy lý, phương pháp nhận thức tuân theo những quy tắc nhất định. Thiếu phương pháp thì người tài cũng không đạt được kết quả, cũng lỡ thời, có phương pháp thì người tầm thường cũng làm được những điều phi thường. Thực ra quan niệm của Francis Bacon và René Descartes về bản chất của phương pháp chỉ là hai thái cực của cùng một sai lầm - quan niệm siêu hình về phương pháp, tách rời hai giai đoạn cảm tính và lý tính của nhận thức khi nhìn nhận về vấn đề phương pháp.

Quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin về bản chất của phương pháp. Trên cơ sở kế thừa có phê phán những tinh hoa tư tưởng nhân loại về bản chất của phương pháp, chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định: "Trong nhận thức đang tìm tòi phương pháp cũng là công cụ, thủ đoạn đứng về mặt chủ quan, qua thủ đoạn đó nó có quan hệ với khách thể". "Phương pháp không phải là hình thức về bên ngoài mà là linh hồn và khái niệm của nội dung". Khẳng định đó cho thấy, phương pháp vừa có tính chủ quan vừa có tính khách quan. Phương pháp, một mặt mang tính chủ quan, vì do con người tìm kiếm, lựa chọn, sử dụng; nhưng mặt khác, lại mang tính khách quan vì nó gắn liền với đối tượng, với khách thể mà con người muốn tác động bằng hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của mình. Sự phù hợp của hai mặt chủ quan và khách quan là điều kiện tiên quyết để có được phương pháp đúng đắn, khoa học.

Như vậy, theo quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin, phương pháp là kết quả sáng tạo của con người từ những nỗ lực chủ quan nhằm tác động có hiệu quả về thế giới đối tượng tuân theo những quy luật của thực tại khách quan. Chính con người - chủ thể nhận thức, hành động và những quy luật khách quan của đối tượng nghiên cứu, tác động và cải tạo là nguồn gốc nảy sinh ra phương pháp. Phương pháp không tồn tại sẵn và độc lập với con người, phương pháp là phương pháp của con người, do con người. Con người đã sáng tạo ra phương pháp nhưng sự sáng tạo đó không phải là do ý chí chủ quan đề ra mà dựa trên cơ sở nhận thức quy luật khách quan của sự vật nhằm tác động để đạt hiệu quả nhất định. Do đó trình độ tư tưởng lý luận của chủ thể chủ quan cũng sẽ quy định và tác động trực tiếp tới sự lựa chọn xác định phương pháp. Phương pháp có nguồn gốc và nội dung từ thực tiễn, đồng thời, được xây dựng trên một cơ sở lý luận, một chủ thuyết nhất định. Vì thế vấn đề phương pháp phải được nhìn nhận từ nhiều lớp quan hệ gắn với nhau như một chỉnh thể bao gồm: Khách quan và chủ quan, đối tượng và khách thể; thực tiễn - lý luận và hành động.

Từ chỉ dẫn của các nhà kinh điển Mác xít, từ những kiến giải về phương pháp mà nhiều người đã đưa ra, chúng tôi đồng ý với quan điểm của GS. Đặng Xuân Kỳ: Phương pháp là toàn bộ những cách thức với tính chất là một hệ thống nguyên tắc xuất phát từ những quy luật tồn tại và vận động của đối tượng, khách thể đã được nhận thức, để định hướng và điều chỉnh hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn của con người, nhằm tác động vào đối tượng, khách thể để thực hiện mục đích đã định. Trong lĩnh vực dạy học "phương pháp dạy học là những hình thức và cách thức hành động của giảng viên và sinh viên trong những điều kiện dạy học xác định nhằm mục đích dạy học".

1.1.1.2. Khái niệm biện pháp, biện pháp dạy học

Phương pháp và biện pháp có mối quan hệ biện chứng với nhau. Giữa phương pháp và biện pháp có một số tiêu chí phân biệt chủ yếu như sau:

+ Phương pháp có bản chất khoa học và khách quan cao hơn biện pháp, còn biện pháp có tính kinh nghiệm và chủ quan hơn phương pháp. Bản chất và chân dung của mọi phương pháp đều khá ổn định dù ở nhiều chủ thể sử dụng khác nhau, trong những trường hợp áp dụng khác nhau, khi dựa vào những phương tiện và nguồn lực khác nhau để tiến hành. Dù ai dùng, ở lớp mấy, sinh viên là những ai, với những nguồn lực gì, tại bài học hay đề tài nào, vào thời điểm nào, thì phương pháp thảo luận vẫn là nó, đúng như chân dung của nó đã được mô tả khoa học trong lý luận dạy học. Song biện pháp thì mỗi người một khác, mỗi lúc và mỗi nơi một khác.

+ Phương pháp là cái chung, biện pháp là cái riêng. Phương pháp là sản phẩm của tư duy và nhận thức khoa học, có tính khái quát cao, có tiện, cấu trúc nội dung, tổ chức, quan hệ, các điều kiện vật lý và tâm lý trên lớp, thành phần sinh viên, phong cách học tập của lớp, đặc biệt kể cả phong cách và tâm trạng của chính giảng viên.

Tóm lại, thuật ngữ biện pháp có nội hàm hẹp, chỉ bao hàm cơ cấu kỹ thuật của phương pháp, mặt khác, có tính độc lập tương đối so với các yếu tố khác của phương pháp. Biện pháp là cách thức và quy trình triển khai thực hiện phương pháp trong thực tiễn, nó có vai trò quyết định đối với sự tồn tại trong hiện thực và hiệu quả của phương pháp. Đặc trưng của biện pháp: Một là, biện pháp có nội hàm hẹp hơn phương pháp; Hai là, biện pháp là cách tiến hành, cách giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó. Trên cơ sở đó chúng tôi cho rằng: Biện pháp là cách thức, kỹ thuật, thủ thuật hành động của con người trong các tình huống hoạt động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển một quá trình cụ thể.

Trong bất kỳ hoạt động nào của con người cũng gắn với phương pháp nhất định. Do đó, gắn với nó là một hệ thống các biện pháp. Trong lĩnh vực dạy học gắn với hệ thống phương pháp dạy học là hệ thống các biện pháp dạy học. Như vậy, biện pháp dạy học là hệ thống các cách thức tác động cụ thể của người dạy và người học vào đối tượng dạy học (nội dung dạy học), qua đó thực hiện được nhiệm vụ dạy học. Nói cách khác, biện pháp dạy học là cách thức sử dụng hay áp dụng riêng biệt hoặc phối hợp các yếu tố khác nhau trong dạy học như phương pháp, phương tiện, công cụ, tài liệu, tình huống, môi trường, thời gian, công nghệ, hành chính, quản lý, quan hệ giáo dục, các nhân tố tâm lý, xã hội

của quá trình học tập và người học để tiến hành dạy học, giải quyết các nhiệm vụ dạy học. Xung quanh vấn đề biện pháp dạy học có mấy điểm cần lưu ý:

Thứ nhất: Biện pháp dạy học là cách thức tác động thực tiễn của người dạy và người học lên đối tượng dạy học. Vì vậy, biện pháp là sự hiện thực hoá sức mạnh của phương pháp, là cơ cấu kỹ thuật của phương pháp để thực hiện mục đích dạy học. Không có biện pháp thì phương pháp trở nên trống rỗng, có biện pháp tốt, hiệu quả của phương pháp sẽ cao và ngược lại.

Thứ hai: Có hệ thống biện pháp của người dạy và biện pháp của người học. Các biện pháp của người dạy và người học bị quy định bởi mục đích dạy học, nội dung dạy học, vị thế người dạy và người học trong mối quan hệ giữa người dạy và người học.

Thứ ba: Cơ chế triển khai và trình độ các biện pháp quy định trình độ phương pháp dạy học và hiệu quả dạy học. Đến lượt nó, cơ chế và trình độ các biện pháp quy định bởi công cụ dạy học. Nói cách khác, công cụ dạy học quy định trình độ dạy học. Các công cụ dạy học rất đa dạng, bao gồm các công cụ tâm lý (các tri thức, các khái niệm, phạm trù...) và các công cụ kỹ thuật (biểu đồ, các bảng tư liệu, tranh ảnh, bản đồ...).

Thứ tư: Hệ thống biện pháp dạy học là cấu trúc đa diện, nhiều tầng kết hợp với nhau thành một hệ thống hữu cơ. Trong đó, các biện pháp cụ thể kết hợp với nhau theo logic tuyến tính, tạo nên quy trình chặt chẽ. Vì vậy, trong thực tiễn dạy học phải xác định đầy đủ bình diện các biện pháp, đồng thời, phải thiết lập được quy trình thực hiện các biện pháp đó.

1.1.1.3. Bản chất của tính tích cực cá nhân

Trong khoa học giáo dục, tính tích cực được xem xét từ ít nhất 3 góc độ: 1/ sinh lý hay sinh học nói chung; 2/ tâm lý, ý thức; 3/ xã hội. Tính tích cực hay hoạt động tính là đại lượng đặc trưng cho mức độ và tính chất của mối tương quan giữa cá nhân và môi trường, là sức mạnh quyết định và điều chỉnh mối quan hệ giữa hai phương thức tự thực hiện của cá nhân gồm thích nghi và chế ngự trong môi trường đó, giữa các phương thức hành vi tự phát và các phương thức hành động tự giác của cá nhân khi ứng xử, làm việc, suy nghĩ, quyết định và giải quyết các vấn đề, các hậu quả. Tính tích cực (tích cực tính) hay hoạt động tính (hoạt tính) chỉ là hai từ tiếng Việt khác nhau dịch từ cùng một gốc từ tiếng Anh là Activity. Vì vậy, để thay cho cụm từ tích cực hoá có thể dùng hoạt động hoá người học và quá trình học tập cũng hoàn toàn chính xác - đó là làm cho người học hoạt động nhiều hơn trong học tập và biến quá trình học của họ thành hoạt động học tập.

Tính tích cực tuy được so sánh với tính thụ động song chúng hoàn toàn không đối lập nhau. Chúng chỉ là hai cái mốc trên cùng một thang đo, vì thế sự phân biệt tích cực và thụ động là rất tương đối. Tích cực là ít thụ động, còn thụ động là ít tích cực. Thụ động tối đa = tích cực tối thiểu và đều > 0 xét ở một cá nhân, và ngược lại. Tích cực tối đa và thụ động tối đa là trạng thái phân cực cao nhất, khiến ta có thể có cảm giác tương phản hay đối lập. Khi tính tích cực = 0 thì cá nhân không tồn tại, do đó ý niệm về điều này là không xác đáng khi nói về tính tích cực cá nhân như vậy, bởi lẽ tính tích cực cá nhân là chỉ báo đặc trưng nhất của nhân cách người đang sống.

Tính tích cực cá nhân có nguồn gốc sinh học, tâm lý và xã hội, và nguồn gốc xuất phát là các chức năng cũng như hoạt động sinh học bên trong cá thể. Nó hình thành từ sự tích hợp các chức năng, khả năng và sức mạnh sinh học, tâm lý, xã hội được tích lũy và phát triển ở cá nhân trên cơ sở những kinh nghiệm và giá trị tự tạo trong quá trình tương tác với môi trường. Tính tích cực cá nhân không đơn giản là một trạng thái tâm lý được huy động vào thời điểm hay tình huống nào đấy, nó là một thuộc tính chung cho tất cả những chức năng, khả năng và sức mạnh của cá nhân trên cả ba phương diện: sinh học, tâm lý, xã hội. Nó không chỉ là hiện tượng sinh học, không chỉ là hiện tượng tâm lý, càng không chỉ là hiện tượng xã hội. Những chế định sinh học, tâm lý và xã hội của tính tích cực cá nhân trên thực tế cùng nhau kết hợp để cấu thành hai hình thái cơ bản của tính tích cực: bên trong và bên ngoài.

Tính tích cực ở hình thái bên trong chủ yếu bao hàm những chức năng sinh học, sinh lý, tâm lý, thể hiện rõ ở đặc điểm khí chất, tình cảm, ý chí, các chức năng và đặc điểm nhận thức như mức độ hoạt động trí tuệ, tư duy, tri giác, cảm giác, tưởng tượng, và ở các chức năng vận động thể chất bên trong (các nội quan và các quá trình sinh lý, sinh hoá). Hình thái này tương đương với khái niệm tính tích cực thường được bàn đến trong tâm lý học, có liên quan chủ yếu đến những chế định sinh học và tâm lý. Người ta còn gọi nó bằng thuật ngữ tính tích cực chủ thể, bởi vì nó là biểu kiến, chưa hoàn toàn xác định và chưa được kiểm nghiệm thực tế trong cuộc sống, quan hệ và hoạt động cá nhân, nghĩa là tính tích cực ở hình thái chưa có đối tượng cụ thể, còn ở bên trong chủ thể và hướng ra hiện thực bên ngoài.

Tính tích cực ở hình thái bên ngoài bao hàm các chức năng, khả năng, sức mạnh thể chất và xã hội, thể hiện ở những đặc điểm hành vi, hành động, di chuyển, vận động vật lý và sinh vật, nhất là hành động ý chí, các phương thức tiến hành hoạt động thực tiễn và tham gia các quan hệ xã hội. Hình thái này của

tính tích cực tương đương với khái niệm. Hoạt động trong tâm lý học và lý luận dạy học. Nó là tính tích cực hiện thực, dạng biểu hiện đang tác động, đang định hướng và chi phối đời sống cá nhân cụ thể trong quan hệ với môi trường cụ thể.

Cả hai hình thái của tính tích cực cá nhân hoàn toàn thuộc về phạm trù hoạt động theo nghĩa khoa học đầy đủ của nó. Hình thái bên trong chính là sự kết hợp các chức năng và hoạt động sinh lý, tâm lý của cá nhân. Hình thái bên ngoài là sự kết hợp các hoạt động vật chất, cảm tính, trực quan của cá nhân, dựa vào các phương tiện, công cụ, đối điều kiện vật chất hiện thực. Nói chung, chúng đều là hoạt động: hoạt động tinh thần có nội dung tâm lý là chủ yếu và có tiền đề là các chức năng sinh học, hoạt động vật chất có nội dung xã hội (đặc biệt là giá trị và kinh nghiệm văn hoá) là chủ yếu và cũng có tiền đề là các chức năng sinh học. Từ góc độ phát sinh mà nói, hoạt động tinh thần hình thành sau hoạt động vật chất xét ở một dạng cụ thể nào đó, ví dụ, để có hoạt động tư duy về một sự vật nhất định, người ta phải thử nghiệm và lĩnh hội được hoạt động vật chất về sự vật đó từ trước ở trình độ nhất định. Không bao giờ hoạt động tinh thần lại tự nhiên xuất hiện với hình thức và phương thức rõ ràng (tưởng tượng, tư duy, phân tích) ở cá nhân trước khi cá nhân có chưa từng cảm nắm, tiếp xúc, tác động, thao tác chân tay, tiến hành những kỹ năng nhất định với sự vật đó một cách vật chất. Vì thế, bước ban đầu của tích cực hoá học tập về nguyên tắc là phải phát động được hoạt động vật chất của người học với đối tượng vật chất, sau đó chuyển phương thức hay mô hình vật chất đó vào bình diện bên trong (nhập nội) thành hoạt động trí tuệ hay hoạt động tâm lý nói chung. Sự xuất hiện tự nhiên của hoạt động tâm lý, không trực tiếp gắn với hoạt động vật chất trước đó, có thể xảy ra trong điều kiện chủ thể đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm hoạt động trí tuệ, tâm lý trên những đối tượng khác và những đối tượng tương tự, đã có những yếu tố cơ bản của hoạt động tâm lý rồi. Điều kiện này cho phép cá nhân phán đoán và tiến hành ngay hoạt động tâm lý dựa vào những phương thức đã biết, trừu tượng hoá giai đoạn hoạt động vật chất (thực ra vẫn tiến hành nó ở trong trí não, mà không thực hiện nó bằng hoạt động chân tay). Tuy vậy, hoạt động tâm lý hình thành bằng con đường tắt, tư biện, thuần túy lý luận cũng chỉ được củng cố và thực sự được hình thức hoá sau khi chủ thể phải kiểm nghiệm nó bằng hành động vật chất lúc ứng dụng hoặc thực nghiệm (tức là chuyển ra ngoài).

Trong một số tài liệu có sự giải thích sai lầm quan hệ giữa hai hình thái của tính tích cực cá nhân: tính tích cực bên trong là một cấu trúc tâm lý, còn tính tích cực bên ngoài là hoạt động. Việc quy tính tích cực cá nhân chỉ là một trạng

thái tâm lý cũng là sai lầm. Tính tích cực và hoạt động chỉ là một khái niệm thống nhất: tính tích cực bên trong tức là hoạt động tinh thần (tâm lý), tính tích cực bên ngoài tức là hoạt động vật chất, cảm tính, có hình thức trực quan. Trong chặng đường dài của đời sống cá nhân, tính tích cực (hay hoạt động tính) là một thuộc tính trung tâm của nhân cách, ổn định tương đối, rất khó thay đổi, nó biểu đạt một tính cách và một năng lực nhất định ở một trình độ nào đấy.

Cả hoạt động bên ngoài (hay tính tích cực bên ngoài) lẫn hoạt động bên trong (hay tính tích cực bên trong) đều dựa trên nền tảng cần thiết là tính tích cực sinh học (hay hoạt động sinh học). Nếu không có tính tích cực sinh học thì không bao giờ có được hoạt động cá nhân bất kể ở hình thái bên trong hay bên ngoài. Người ta thường nhấn mạnh vai trò của hứng thú trong nội dung của tính tích cực, coi nó là hạt nhân. Có người đề cao nhu cầu, tình cảm. Một số chỉ chú ý đến tính tích cực trí tuệ và xem nó là cốt lõi của tính tích cực cá nhân. Nếu tiếp cận phạm trù này một cách đầy đủ, cần thừa nhận vai trò tiền đề và quyết định trước hết của tính tích cực sinh học, còn nội dung thực sự của tính tích cực cá nhân gồm có mặt tâm lý (trí tuệ, nhu cầu, tình cảm, ý chí) và một xã hội (kinh nghiệm và giá trị văn hoá thực tiễn). Hạt nhân quan trọng nhất của tính tích cực cá nhân là ý chí và những cấu trúc tâm lý, sinh lý gắn gũi với nó là nhu cầu, khí chất, các chức năng sinh lý khác.

Như vậy, việc xem xét và thừa nhận các quan hệ và liên hệ phụ thuộc trên trong động thái của tính tích cực cá nhân trên đây là con đường cần thiết để thực hiện nghiên cứu và tìm các biện pháp phát triển, nâng cao tính tích cực của người học và quá trình học tập.

1.1.1.4. Khái niệm tích cực hoá hoạt động học tập

Về ngữ nghĩa, tích cực hoá là tác động để làm cho ai đó, sự vật nào đó trở nên năng động hơn, linh hoạt hơn, thể hiện hoạt tính của chúng nhiều và cao hơn so với trạng thái trước đây. Trong lý luận dạy học, tích cực hoá được sử dụng theo nghĩa làm cho tích cực hơn, so sánh với thụ động, trì trệ, nhu nhược (Active so với Passive), hoàn toàn không liên quan đến việc đánh giá đạo đức, hành vi xã hội như tích cực (tốt) và tiêu cực (xấu)- tức là Positive và Negative. Vấn đề tích cực hoá được đặt ra từ lâu, được giải thích từ nhiều lập trường khác nhau, được bày bèn bằng những thuật ngữ khác nhau: tích cực hoá quá trình dạy học; tích cực hoá quá trình nhận thức của sinh viên; phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên; nâng cao tính tích cực, tự giác, chủ động của sinh viên; tích cực hoá hoạt động học tập của sinh viên; hoạt động hoá người học và quá trình học tập; phát huy trí lực của sinh viên; phát huy tính tích cực,

sáng tạo, năng động của người học... Theo tính chất và chức năng của lý luận dạy học thì việc xem xét bản chất của tích cực hoá phải được đặt ra trong một giới hạn nhất định. Trong khuôn khổ dạy học, thậm chí chỉ nói về dạy học chính quy, việc tích cực hoá người giảng viên và công tác giảng dạy của họ là nhiệm vụ trực tiếp của các nhà quản lý trường học, sau đó của ngành giáo dục, của Nhà nước các cấp. Cũng như vậy, tích cực hoá các quan hệ và đời sống xã hội/ nghề nghiệp, các nguồn nhân lực, các tiềm năng đạo đức, văn hoá, tư tưởng, tài chính trong nhà trường cũng không phải là vấn đề của lý luận dạy học. Từ lập trường của nhà giáo và nhà trường, vấn đề tích cực hoá thực chất là chuyện về người học, quá trình học tập, các hoạt động, các quan hệ và đời sống học đường của người học. Vì thế, cần hiểu chính xác tích cực hoá có nghĩa là làm cho người học sống và làm việc tích cực đến mức tối đa so với tiềm năng và bản chất của mỗi người, so với những điều kiện và cơ hội thực tế mà mỗi người có được. Điều đó làm nghĩa rộng lớn và đúng hơn việc quy tích cực hoá chỉ vào lĩnh vực nhận thức, trí lực, lang hái phát biểu, chịu khó suy nghĩ của người học; nó cũng chính xác hơn việc hiểu tích cực hoá một cách chung chung là tích cực hoá dạy học, tích cực hoá quá trình dạy học, cũng như việc hiểu tích cực hoá lạc sang nghĩa tốt và xấu (ví dụ, khi nói tích cực hoá hoạt động học tập thì có hai điều không chính xác: hoạt động học tập từ bản chất là tích cực, không cần phải tích cực hoá nữa; nếu cứ tích cực hoá hoạt động này thì buộc phải hiểu tích cực hoá ở đây là làm tốt hơn, là làm cho hoạt động này lành mạnh, chống tiêu cực trong học tập). Học tập là quá trình và hoạt động phức tạp, phong phú, đa chất lượng, đa thành phần, đa nội dung và giàu giá trị hơn rất nhiều so với nhận thức, thực hành, kể cả so với nhận thức của nhà khoa học. Cơ cấu chung của học tập bao gồm những loại hành động, hành vi hay công việc sau: 1/ Nhận thức; 2/ Giao tiếp; 3/ Làm việc chân tay (thể chất); 4/ Tự quản lý (kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh); 5/ Hoạt động logic (phân tích, mô tả, so sánh, tổng hợp, phán đoán, nêu giả thuyết, đánh giá, đo lường, khái quát hoá); 6/ Các động thái và hành vi biểu cảm, thể hiện cảm xúc, thái độ, ý chí và lập trường giá trị cá nhân; 7/ Hoạt động và quan hệ xã hội, thể hiện kỹ năng văn hoá, hành động và hành vi sinh hoạt, thói quen ứng xử, hoạt động ngôn ngữ trong học tập tích hợp rất nhiều dạng hành vi và hoạt động khác nhau của cá nhân, kể cả các hoạt động sinh lý, tâm lý và xã hội.

Có thể nói, bản chất chung của tích cực hoá biểu hiện ở nguyên tắc sau: gây ảnh hưởng đến người học và quá trình học tập để làm chuyển biến vị thế của họ từ chỗ là chủ thể tiếp nhận học vấn một cách thụ động, một chiều, bảo sao nghe

vậy trở thành chủ thể tích cực, tự lực, tự giác và năng động tiến hành quá trình học tập của mình ở cấp độ hoạt động cá nhân, làm chuyển biến việc học từ chỗ đơn giản là sự học, sự bắt chước, sự tái hiện, sự ghi nhớ, sự ôn luyện máy móc, sự sao chép những bài bản và chân lý cho sẵn, sự chấp nhận và thừa hành những chỉ bảo, điều kiện, yêu cầu và những giáo điều sách vở trở thành hoạt động học tập, tức là có động cơ học tập, có hệ thống hành động học tập với những mục đích xác định, có kỹ năng và phương pháp, phương tiện thích hợp, có sự hoạch định các nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, dựa trên những nguyên tắc, tư tưởng và định hướng giá trị nhất định của cá nhân, tích cực hoá nói chung chính là phát triển và nâng cao tính tích cực cá nhân, tích cực hoá người học và quá trình học tập chính là phát triển và nâng cao tính tích cực của người học, hình thành và phát triển hoạt động học tập của họ.

1.1.1.5. Vấn đề tích cực hóa người học và quá trình học tập

Vấn đề tích cực hóa người học và quá trình học tập là cách diễn đạt đầy đủ nhất nhiệm vụ tích cực hoá trong dạy học và giáo dục. Tuy vậy, có thể nói gọn là phát triển, phát huy hay nâng cao tính tích cực, hoặc hình thành và phát triển hoạt động học tập. Tính tích cực học tập hay hoạt động học tập là dạng phân hoá của tính tích cực cá nhân, có vai trò chuyên biệt như một con đường cơ bản và hiệu quả nhất để người học giải quyết nhiệm vụ sống còn của mình là học tập và đạt được những mục tiêu của mình trong lĩnh vực học tập. Khi tính tích cực cá nhân được huy động và hướng vào một lĩnh vực, một môi trường cụ thể để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể, nhằm những đối tượng và mục tiêu cụ thể thì nó ở trạng thái chuyên biệt có tính chất thường trực (bên trong) và hiện thực (bên ngoài). Những hình thái chuyên biệt của tính tích cực cá nhân tương ứng với những nhiệm vụ sát, khảo sát, ứng dụng, thực nghiệm, đánh giá, thay đổi, đích chuyển đi tương

Giống như thế, tính tích cực học tập là tính tích cực cá nhân được phân hóa và hướng vào việc giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ học tập để đạt các mục tiêu học tập. Nó chính là hoạt động học tập với nghĩa đầy đủ của hoạt động gồm hai hình thái: Xét về cơ cấu, tính tích cực học tập bao gồm những thành tố cơ bản sau: hoạt động nhận thức, hoạt động giao tiếp, sinh hoạt học đường, giao lưu tình cảm và đạo đức trong học tập, hoạt động nghệ thuật-thẩm mỹ, hoạt động xã hội trong học tập. Đương nhiên nó vẫn phải đưa vào tiền đề tính tích cực sinh học, việc phát triển, nâng cao tính tích cực cá nhân và phát triển, nâng cao tính tích cực học tập là những quá trình tương đối khác nhau cả về diễn biến lẫn điều kiện. Nâng cao tính tích cực cá nhân là việc rất khó, không phải

bao giờ cũng thành công, rất lâu dài và phụ thuộc không nhiều vào dạy học nhà trường. Điều đó còn chịu sự chi phối mạnh mẽ, liên tục của hoàn cảnh sống, môi trường xã hội và văn hóa của cá nhân. Để nâng cao tính tích cực cá nhân, không đơn giản chỉ bằng những giờ học, bài học, môn học ở nhà trường. Lĩnh vực học tập chỉ chủ yếu ảnh hưởng đến tính tích cực học tập và đó chỉ là một dạng phân hóa của tính tích cực cá nhân. Phát triển và nâng cao tính tích cực học tập góp phần nâng cao tính tích cực cá nhân xét về lâu dài, nhưng không phải riêng nó quyết định được điều đó mà còn phụ thuộc vào hoạt động cá nhân ở những lĩnh vực khác như giao tiếp, sinh hoạt, lao động nghề nghiệp, thể thao-giải trí. Có hai nhiệm vụ cơ bản trong việc phát triển, nâng cao tính tích cực học tập:

1/ Di chuyển các dạng phân hóa của tính tích cực từ những lĩnh vực khác sang lĩnh vực học tập. Các dạng phân hóa này thực ra vốn là tiềm năng cá nhân, thuộc nội dung tính tích cực cá nhân, ví dụ như hoạt động chơi-giải trí, giao tiếp nhóm bạn, các hành động hoặc động thái lệch chuẩn hay thái quá trong sinh hoạt, đùa nghịch, gây gổ, nhận thức, tìm hiểu hiện thực xung quanh, sử dụng và hưởng thụ những tiện nghi văn hóa. Ở một số trẻ, tính tích cực học tập thiếu hụt trông thấy, nhưng hiện tượng đó chưa chắc do bản tính trẻ thiếu tính tích cực cá nhân, mà phần lớn là do sự mất cân đối, không hợp lý của sự phân hóa các dạng tính tích cực chuyên biệt- nơi đáng phải có tính tích cực cao là học tập thì nó lại thấp, nơi không cần tính tích cực cao như chỗ đàn dúm, quây phá, tiêu xài, đi picnic thì tính tích cực lại quá cao. Nếu di chuyển các dạng chuyên biệt có kết quả, thì sự nâng cao, cải thiện tính tích cực học tập là thực chất, vì đó vốn là tiềm năng nội tại của cá nhân. Có thể nâng cao gấp bội tính tích cực học tập ở một cá nhân nào đó bằng cách di chuyển như thế, thông qua những biện pháp giáo dục cá nhân hóa thích hợp và sự cải thiện môi trường học tập.

2/ Phát triển hay tạo mới dần từng phần của tính tích cực học tập. Sự tích lũy những thay đổi này sẽ dẫn đến phát triển và nâng cao tính tích cực học tập. Những dạng hoạt động và quan hệ trực tiếp tham gia vào quá trình học tập như nhận thức, giao tiếp, vận động cơ thể, vận động tâm lý và sinh lý, hoạt động và giao tiếp ngôn ngữ bao giờ cũng tương ứng với các dạng tính tích cực chuyên biệt ở mức độ phát triển nào đấy. Nếu phát huy dần những dạng tính tích cực bộ phận này thì sẽ đến lúc cải thiện được tính tích cực học tập.

Cơ sở ban đầu để giải quyết khai nhiệm vụ trên là hình thành và phát triển nhu cầu, dần dần từng bộ phận như nhu cầu nhận thức, tình cảm trí tuệ, nhu cầu giao tiếp tiến đến nhu cầu học tập nói chung; tổ chức các môi trường hoạt động và giao tiếp thuận lợi; phát triển các hoạt động và quan hệ gắn liền

với học tập; và cuối cùng là hình thành và phát triển hoạt động học tập thực sự từ trình độ thấp đến cao hơn.

Tính tích cực học tập phát triển theo bề rộng và chiều sâu, từ đó được nâng cao. Có thể hình dung, trước tiên cá nhân có tính tích cực hoạt động học tập ở một hay một vài môn học, ở mức độ hoàn thiện thấp (bậc 1), sau sẽ phát triển tính tích cực sang những môn khác (có hoạt động học tập ở nhiều môn hơn) từ bậc 1 rồi nâng lên bậc 2, đến mức hoàn thiện nhất là có tính tích cực cao ở toàn bộ quá trình học tập (ở môn nào cũng khát khao học tập, biết học, học bền bỉ và học có kết quả tốt). Sự mở rộng và sâu sắc dần của tính tích cực học tập chính là bản chất của việc nâng cao tính tích cực của người học trong quá trình học tập.

1.1.1.6. Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập

Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập là kiểu biện pháp dạy học hướng vào người học, dựa vào người học, kinh nghiệm và hoạt động của chính họ để tập trung tác động vào quá trình học tập nhằm hình thành và phát triển hoạt động học tập, làm cho người học trở thành chủ thể tự giác của quá trình đó. Căn cứ vào nội dung của biện pháp nâng cao tính tích cực học tập, người ta thấy rằng mỗi loại biện pháp có điểm tựa đặc thù riêng, tức là mỗi biện pháp có cái lõi chủ yếu hay then chốt khác nhau. Cái lõi ấy ở biện pháp này là phương pháp nào đó, ở biện pháp kia là phương tiện kỹ thuật nào đó, ở biện pháp khác là cách tổ chức học tập, và ở một biện pháp nữa là tính chất hay logic của tài liệu. Theo cấp độ của biện pháp dạy học, chúng có những loại sau: 1/ các biện pháp ngoại biên (vòng ngoài) dựa vào những nguyên tắc hay phương pháp tổ chức hành chính, quản lý, tài chính, xã hội, kinh tế, công nghệ, văn hóa nhằm bảo đảm hiệu quả tích cực hoá của quá trình dạy học, kể cả tính tích cực của giảng viên trong dạy học; 2/ các biện pháp nghiệp vụ, giới hạn trong quá trình dạy học, hay còn gọi là những biện pháp didactics. Đó là những biện pháp chung và cụ thể; 3/ các biện pháp chuyên biệt, cũng nằm trong quá trình dạy học song chúng tương ứng với những nhiệm vụ và điều kiện chuyên biệt.

Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập là thực hiện cách tiếp cận hướng vào người học, dựa vào người học và hoạt động của người học. Bản chất của cách tiếp cận này gói gọn trong các quan hệ biện chứng giữa hoạt động, giá trị, nhân cách và tiền đề nền tảng cũng như sản phẩm lịch sử của các quan hệ đó là kinh nghiệm. Điều đó có nghĩa quá trình dạy học và nhiệm vụ học tập cần phải tương thích với bản chất của người học, với trình độ phát triển và mức độ phong phú của hoạt động của họ. Nói chung, hoạt động hay tính tích cực học tập hợp

thành bởi hai mặt khác nhau nhưng luôn gắn với nhau ở mỗi cá nhân: 1/ Năng lực học tập - những tri thức và kỹ năng về và để tiến hành các phương thức hoạt động, nói đơn giản hơn, cá nhân có đủ sức, đủ khả năng thực hiện được việc ấy hay không, có học nổi không; 2/ Động cơ học tập - đối tượng hoặc những đối tượng bên ngoài được chủ thể hóa trong các cấu trúc tình cảm, nhu cầu, ý chí, lý trí, hứng thú bên trong cá nhân, tức là cá nhân nhận thấy mục tiêu của mình sau những đối tượng này. Quá trình dạy học và các nhiệm vụ học tập cần phải thích hợp với hai mặt này của tính tích cực học tập. Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập là biện pháp dạy học đảm bảo tương thích giữa dạy và học, hướng vào việc tính tích cực học tập, nâng cao năng lực học tập và động cơ học tập của người học.

1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin

1.1.2.1. Khái quát về môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin; (Mục tiêu, nội dung, chương trình, giáo trình, phương pháp dạy học....)

Chương trình môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin được ban hành theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, năm 2021. Thời lượng giảng dạy môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin bậc đại học khối không chuyên ngành Lý luận chính trị: 2 tín chỉ; được giảng dạy sau khi đã được học môn Triết học Mác – Lênin.

Đối tượng nghiên cứu môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin: là các quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi mà các quan hệ này được đặt trong sự liên hệ biện chứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của phương thức sản xuất nhất định.

Mục tiêu môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin: *Một là*, trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên Lý luận. *Hai là*, trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách

nhiệm xã hội trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. *Ba là*, góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.

Nội dung môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 là “Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin”. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Chức năng của môn học: Kinh tế chính trị Mác- Lênin có các chức năng cơ bản là nhận thức, thực tiễn, tư tưởng và phương pháp luận. Kinh tế chính trị Mác- Lênin có chức năng nhận thức vì nó là một môn khoa học kinh tế, cung cấp hệ thống kiến thức lý luận về sự vận động của các quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi; về sự liên hệ tác động biện chứng giữa các quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng trong những nấc thang phát triển khác nhau của nền sản xuất xã hội; cung cấp hệ thống tri thức mở về những quy luật chi phối sự phát triển của sản xuất và trao đổi gắn với phương thức sản xuất, về lịch sử phát triển các quan hệ của sản xuất và trao đổi của nhân loại nói chung, về nền sản xuất tư bản chủ nghĩa và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nói riêng; cung cấp những phạm trù kinh tế cơ bản, bản chất, phát hiện và nhận diện các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường làm cơ sở lý luận cho việc nhận thức các hiện tượng kinh tế mang tính biểu hiện trên bề mặt xã hội. Kinh tế chính trị Mác- Lênin có chức năng cải tạo thực tiễn, thúc đẩy văn minh của xã hội vì nó giúp cho người lao động cũng như những nhà hoạch định chính sách biết vận dụng những quy luật và tính quy luật chi phối sự vận động của các quan hệ giữa con người với con người trong sản xuất và trao đổi vào trong thực tiễn hoạt động lao động cũng như quản trị quốc gia của mình; giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong quá trình phát triển và luôn tạo động lực để thúc đẩy từng cá nhân và toàn xã hội không những sáng tạo từ đó cải thiện đời sống vật chất tinh thần của toàn xã hội; là cơ sở lý luận khoa học cho việc xây dựng tư duy và tầm nhìn, kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế - xã hội trên mọi lĩnh vực ngành nghề của đời sống xã hội phù hợp với quy luật khách quan, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của xã hội. Kinh tế chính trị Mác-

Lênin có chức năng tư tưởng góp phần tạo lập nền tảng tư tưởng mới cho những người lao động tiên bộ và yêu chuộng tự do, yêu chuộng hòa bình, củng cố niềm tin cho những ai phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Kinh tế chính trị Mác- Lênin góp phần xây dựng lý tưởng khoa học cho những chủ thể có mong muốn xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp, hướng tới giải phóng con người, xóa bỏ dần những áp bức, bất công giữa con người với con người. Kinh tế chính trị Mác- Lênin có chức năng phương pháp luận. Mỗi môn khoa học kinh tế có hệ thống phạm trù và khái niệm khoa học riêng, song để hiểu được một cách sâu sắc, bản chất, thấy được sự gắn kết một cách biện chứng giữa kinh tế với chính trị và căn nguyên của sự dịch chuyển trình độ văn minh của xã hội thì cần phải dựa trên cơ sở am hiểu nền tảng lý luận từ kinh tế chính trị. Kinh tế chính trị Mác- Lênin thể hiện chức năng phương pháp luận, nền tảng lý luận khoa học cho việc nhận diện sâu hơn nội hàm khoa học của các khái niệm, phạm trù của các khoa học kinh tế chuyên ngành trong bối cảnh hiện nay.

1.1.2.2. Những biểu hiện của tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin

- Thứ nhất, là nhu cầu, hứng thú mục đích, động cơ, thái độ, kỷ luật học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin của sinh viên:

+ Mong muốn, khát vọng vươn lên nắm vững tri thức, giải quyết nhiệm vụ học tập. Say mê lao động trí óc, chăm chú nghe giảng, hăng hái phát biểu xây dựng bài, tìm đọc thêm các tài liệu, có trách nhiệm tham gia các hoạt động học tập, tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập, có tâm thế thoải mái trong học tập.

+ Mục đích, động cơ học tập môn học của sinh viên thể hiện ở chỗ nhận thức rõ vị trí, vai trò, ý nghĩa của việc học tập môn học; xác định được học tập môn học là để nắm vững tri thức khoa học, hình thành kỹ xảo, kỹ năng nghề nghiệp, để hình thành, phát triển nhân cách bản thân, trở thành người có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Thái độ, kỷ luật đối với học tập của sinh viên được tập trung thể hiện: Tập trung và hướng đích ở việc hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra, độc lập thật sự, nỗ lực vượt qua khó khăn, sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề học tập. Tự giác, chủ động, độc lập trong học tập. Thể hiện ở việc không vi phạm kỷ luật học tập: lơ là, nói chuyện, làm việc riêng, không học bài, làm bài theo yêu cầu của giảng viên...

- Thứ hai, là có hành động trí tuệ và nghị lực cao trong học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin của sinh viên. Thể hiện:

+ Trong quá trình lĩnh hội tài liệu, ở khả năng hoạt động trí tuệ, hoạt động tư duy như phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, hệ thống hoá: Biết sử dụng các thao tác tư duy để học cái mới chủ động, sáng tạo thông qua giờ học ở lớp, ở nhà, thông qua hoạt động làm bài tập, đề cương ôn tập; Thiết lập được mối quan hệ giữa nội dung mới và tri thức cũ; Hệ thống hoá tri thức đã tiếp thu.

+ Sự ghi nhớ, đánh giá và vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức vào việc giải quyết nhiệm vụ học tập. sinh viên có trí nhớ tích cực: Biết phối hợp các cách ghi nhớ thường xuyên, linh hoạt, hợp lý. Thường xuyên vận dụng những tri thức đó để giải quyết những nhiệm vụ lý luận, thực tiễn đặt ra có hiệu quả.

+ Sự nỗ lực cao trong học tập, khắc phục những trở ngại về thể lực, trí lực và điều kiện học tập, cố gắng học tập không ngừng. Nỗ lực ý chí, tập trung chú ý, sắp xếp nơi học có hiệu quả, có khả năng hợp tác trong học tập. Có kế hoạch đọc sách khoa học, hợp lý: biết cách chọn sách, biết cách ghi chép, thu thập và xử lý thông tin thường xuyên, khoa học...

- Thứ ba, là kết quả học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin của sinh viên.

+ Thể hiện ở khối lượng kiến thức tiếp thu đáp ứng mục tiêu học tập, ở việc tự kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, nhanh chóng tìm ra sai sót để khắc phục.

+ Thể hiện ở kết quả học tập của sinh viên, ở việc lĩnh hội tri thức, nắm vững kỹ năng, khả năng quan sát, ghi nhớ, tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ, tự đánh giá, thế giới quan khoa học, biện chứng...

+ Thể hiện ở điểm số cao sau mỗi lần kiểm tra, hoặc thi. Theo quan điểm dạy học hiện đại dạy học theo phát triển năng lực, kết quả học tập không chỉ thể hiện trên điểm số mà còn được thể hiện ở việc phát triển năng lực, biến đổi hành vi người học theo chiều hướng tích cực; ở việc vận dụng, phát huy giá trị kiến thức đã học trong thực tiễn lâu dài của cuộc sống; ở việc hoàn thiện, phát triển nhân cách, phẩm chất, đạo đức, năng lực người học.

Tóm lại, tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin của sinh viên có vai trò quan trọng, là điều kiện để giúp người học nắm vững hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp; biến nhu cầu của xã hội, của nhà trường thành nhu cầu, động cơ tích cực phấn đấu vươn lên, nhằm đạt mục tiêu dạy học. tính tích cực học tập với các dấu hiệu trên đây luôn có trong sinh viên với những mức độ khác nhau. Nhưng nó chỉ được bộc lộ và phát huy khi sinh viên có động lực và đạt tới lợi ích nhất định; khi giảng viên sử dụng có hiệu quả các biện pháp hợp lý.

1.1.2.3. Những tiêu chí đánh giá tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin của sinh viên

Tiêu chí 1: Tiêu chí thể hiện nhu cầu, hứng thú mục đích, động cơ, thái độ, kỷ luật học tập Kinh tế chính trị Mác – Lênin của sinh viên.

Để đánh giá nhu cầu, hứng thú, động cơ học tập nói chung của sinh viên đối với môn học, chúng tôi xác định bốn mức độ:

Mức độ 1: Rất thích: Nhịp độ học tập cao, sinh viên rất tích cực xây dựng bài, khả năng cộng tác của sinh viên với giảng viên rất cao, tâm thế học tập của sinh viên hoàn toàn thoải mái...

Mức độ 2: Thích: Sinh viên tỏ ra phấn khởi, vui vẻ, có sự cộng tác với giảng viên trong quá trình giảng dạy, tham gia phát biểu xây dựng bài học...;

Mức độ 3: Bình thường: Sinh viên không có biểu hiện thích hoặc không thích...;

Mức độ 4: Không thích: sinh viên tỏ ra thờ ơ với giờ lên lớp, không có sự cộng tác, có những biểu hiện không bằng lòng...;

Để đánh giá nhu cầu, hứng thú, động cơ học tập của sinh viên đối với từng biện pháp đề xuất trong đề tài, chúng tôi phát phiếu điều tra xác định đánh giá của sinh viên theo bốn mức độ: Rất hiệu quả, hiệu quả, bình thường, không hiệu quả, về hiệu quả của từng biện pháp đề xuất hoặc Rất yêu thích, Yêu thích, Bình thường, Không yêu thích. Chỉ tiêu này được đánh giá qua việc khảo sát giờ dạy và kết quả điều tra hứng thú học tập của sinh viên.

Tiêu chí 2: Tiêu chí có hành động trí tuệ và nghị lực cao thể hiện sự căng thẳng trí tuệ, sự nỗ lực học tập, tính tích cực trong quá trình học tập của sinh viên.

Để đánh giá những dấu hiệu căng thẳng trí tuệ, sự nỗ lực học tập, tính tích cực trong quá trình học tập của sinh viên, chúng tôi tiến hành dự giờ, quan sát sinh viên trong giờ dạy và phát phiếu điều tra, kết quả:

Để đánh giá những dấu hiệu căng thẳng trí tuệ, sự nỗ lực học tập, tính tích cực trong quá trình học tập của sinh viên, chúng tôi tiến hành dự giờ, quan sát sinh viên trong giờ dạy, thể hiện ở các tiêu chí: Không khí lớp học; hoạt động học của sinh viên, hoạt động giảng của giảng viên; sự tập trung chú ý, thái độ, mức độ tham gia xây dựng bài của sinh viên...

Ngoài ra, để đánh giá những dấu hiệu căng thẳng trí tuệ, sự nỗ lực học tập, tính tích cực trong quá trình học tập của sinh viên trong dạy học, chúng tôi còn phát phiếu điều tra xác định những biểu hiện của sinh viên về các mặt sau: 1/ Tích cực, nỗ lực hoàn thành nội dung tự học đã được giảng viên giao về

nhà; 2/ Tập trung chú ý theo dõi bài giảng của giảng viên; 3/ Tích cực phát biểu xây dựng bài, hăng hái tham gia vào thảo luận, vào giải quyết các tình huống, các vấn đề giảng viên đưa ra trong giờ học; 4/ Biết nêu ra những thắc mắc hoặc đề nghị trước những vấn đề mà mình chưa hiểu hoặc mình quan tâm.

Chỉ tiêu này đánh giá qua dự giờ, quan sát sinh viên trong giờ dạy và thông qua số lượng sinh viên phát biểu xây dựng bài.

Tiêu chí 3: Tiêu chí thể hiện kết quả học tập cao (xuất phát từ quan điểm tính tích cực học tập chỉ có ý nghĩa thực sự khi đem lại kết quả cao trong học tập).

Chúng tôi xây dựng các đề, bộ đề kiểm tra, đánh giá theo định hướng nội dung đã được đề xuất trong nhóm biện pháp của đề tài. Đề thi được sử dụng theo quy chế quy định của nhà trường về sử dụng bộ đề thi. Câu hỏi thi và hướng dẫn chấm như nhau ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Theo Quyết định 435/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư “Về việc ban hành Quy định về Đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Lư”, việc đánh giá kết quả học tập được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D, F xếp theo 2 loại:

- a) Loại đạt có phân mức
 - Mức độ 1: A (8,5-10,0 điểm)
 - Mức độ 2: B (7,0-8,4 điểm).
 - Mức độ 3: C (5,5 -6,9 điểm).
 - Mức độ 4: D (4,0-5,4 điểm).

b) Loại không đạt

F: dưới 4,0.

Trong các chỉ tiêu trên, chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập của sinh viên mang tính chất định lượng (đánh giá qua chấm điểm bài thi), các chỉ tiêu hứng thú học tập, tính tích cực độc lập của sinh viên trong giờ lên lớp được đánh giá qua dự giờ, khảo sát giờ dạy của giảng viên trong quá trình thực nghiệm.

1.1.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng cơ bản đến tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Thứ nhất: Bản thân sinh viên

Tính tích cực học tập của sinh viên là sự kế thừa những thành tựu mà người học có được về phát triển nhân cách nói chung, thành tựu phát triển tính tích cực học tập nói riêng trong quá trình học tập ở đại học. Sự chuyển tiếp từ tính tích cực học tập của sinh viên đại học đến tính tích cực học tập của sinh viên là quá trình có liên quan đến những khác biệt trong hoạt động học tập của sinh viên đại học và những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động học tập của sinh

viên. Tính tích cực học tập của sinh viên nảy sinh trong quá trình học tập nhưng nó lại chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, có những yếu tố phát sinh lúc học tập, có những yếu tố hình thành từ quá khứ, thậm chí từ lịch sử lâu dài của nhân cách. Nhưng nhìn chung, nó phụ thuộc vào những yếu tố sau:

- Động cơ học tập môn học của sinh viên là sự cụ thể hoá nhu cầu học tập, tồn tại với tư cách là một hệ thống, bao gồm: động cơ chính trị - đạo đức, động cơ nhận thức khoa học, động cơ nghề nghiệp và động cơ lợi ích cá nhân. Động cơ học tập môn học làm tiền đề, cơ sở cho rèn luyện, tạo thành động lực thúc đẩy, định hướng sinh viên tích cực học tập. Động cơ học tập môn học của sinh viên là yếu tố cơ bản nhất, là nội dung tâm lý chủ yếu liên quan chặt chẽ đến thoả mãn nhu cầu và hình thành thái độ học tập. Tính tích cực học tập môn học của sinh viên phụ thuộc chủ yếu vào hệ thống động cơ học tập; khi có hệ thống động cơ học tập đúng đắn, mạnh mẽ và thường xuyên, sinh viên sẽ tích cực học tập, tiếp thu, lĩnh hội các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp; tu dưỡng rèn luyện các phẩm chất, năng lực theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo.

- Ý chí học tập môn học là yếu tố quan trọng cấu thành tính tích cực học tập của sinh viên; là năng lực tự điều khiển, điều chỉnh hoạt động học tập giúp sinh viên hành động vượt qua khó khăn đáp ứng mục tiêu đào tạo; biểu hiện ở sự kiên định mục đích và quyết tâm thực hiện đến cùng theo mục tiêu đào tạo; luôn nỗ lực vươn lên khắc phục mọi khó khăn cả trong đấu tranh động cơ, xác định mục đích, phương pháp, phương tiện học tập và huy động sức lực để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Ý chí học tập môn học điều khiển, điều chỉnh hành vi của sinh viên trong quá trình học tập, giúp sinh viên tích cực nhận thức, nỗ lực, cố gắng vượt qua các khó khăn để thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực học tập, hệ thống tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm, sự trải nghiệm trong cuộc sống, phương pháp, kỹ năng học tập của sinh viên... cũng ảnh hưởng đến tính tích cực học tập của sinh viên. Nhiệm vụ của người giảng viên là phải nắm được năng lực học tập của từng sinh viên, trên cơ sở đó giao nhiệm vụ học tập sao cho phát huy đến mức tối đa hệ thống tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm... có sẵn trong bản thân mỗi sinh viên.

- Các phẩm chất, các giá trị đạo đức, thẩm mỹ, lòng yêu khoa học, tinh thần trách nhiệm... của sinh viên cũng ảnh hưởng đến tính tích cực học tập của sinh viên. Nếu các phẩm chất trên của sinh viên tốt thì sẽ là động lực thúc đẩy sinh viên tích cực học tập.

Thứ hai: Đội ngũ giảng viên dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin
Giảng viên môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin đóng vai trò là người trực

tiếp điều hành, tổ chức quá trình dạy học, do vậy, họ cũng là chủ thể giữ vai trò chủ đạo trong việc nâng cao tính tích cực học tập môn học của sinh viên. Hoạt động học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên luôn diễn ra dưới sự tổ chức, hướng dẫn, điều khiển của giảng viên. Hoạt động dạy của giảng viên và hoạt động học của sinh viên, gắn bó chặt chẽ với nhau, quy định tính tích cực và hiệu quả học tập của sinh viên. Hoạt động của giảng viên môn học có tác động to lớn đến sinh viên, đến sự hình thành tính tích cực học tập của sinh viên. Tính tích cực học tập môn học của sinh viên phụ thuộc rất nhiều vào sự tác động của giảng viên đến sinh viên qua trình độ, phẩm chất, năng lực sư phạm của họ; việc cải tiến phương pháp dạy học, tính khoa học, tính lô gíc chặt chẽ và tính thuyết phục của bài giảng, ngôn ngữ của giảng viên; nhận xét, đánh giá của giảng viên; mối quan hệ giữa giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy học. Điều này đòi hỏi nhà trường, đặc biệt là người giảng viên môn học phải có năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm tốt và cách thức tổ chức hoạt động học tập của sinh viên theo hướng nâng cao tính tích cực học tập của người học.

Thứ ba: Nội dung chương trình, mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá, giáo trình, tài liệu...; môi trường sư phạm nhà trường và môi trường học tập môn học của lớp học.

Nội dung chương trình, mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá, giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất kỹ thuật trường học phục vụ cho dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ... Tính tích cực học tập môn học của sinh viên có mối quan hệ chặt chẽ với chương trình, mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá, giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất kỹ thuật trường học. Mục tiêu dạy học môn học phù hợp với nguyện vọng học tập của sinh viên thì sẽ tạo nên động lực thúc đẩy tính tích cực học tập của sinh viên. Muốn kích thích tính tích cực học tập môn học của sinh viên thì nội dung học tập phải vừa sức sinh viên và phải phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên; phải tạo nên cảm xúc, gây hứng thú cho sinh viên. Hình thức dạy học môn học có ảnh hưởng to lớn tới tính tích cực học tập của sinh viên. Việc tổ chức các hình thức xã hội của dạy học theo nhóm, cá nhân... với những nhiệm vụ học tập phù hợp với khả năng, sở trường của sinh viên sẽ làm cho sinh viên tích cực nhận thức, học tập. Phương pháp dạy học là yếu tố quan trọng kích thích hoặc ức chế tính tích cực học tập của sinh viên, đóng vai trò tổ chức hoạt động, tạo môi trường cho sinh viên tích cực học tập. Phương tiện dạy học có thể hỗ trợ cho giảng viên làm chức năng trực quan và chức năng điều khiển. Kiểm tra, đánh giá có thể giúp sinh viên biết

được kết quả học tập, từ đó nỗ lực nhận thức, học tập để đạt mục tiêu đề ra.

Môi trường sư phạm nhà trường và môi trường học tập của tập thể lớp học: Môi trường sư phạm của nhà trường là môi trường gắn gũi tác động trực tiếp đến việc hình thành và phát triển nhân cách, ảnh hưởng to lớn đến Tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên. Đó chính là toàn bộ những điều kiện tự nhiên, xã hội được các lực lượng giáo dục xây dựng một cách khoa học và sử dụng như những nhân tố quan trọng góp phần tích cực vào hoàn thiện, phát triển nhân cách sinh viên theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo. Nếu nhà trường và tập thể lớp học, luôn quan tâm, chú ý đến việc giáo dục toàn diện, tổ chức các hình thức hoạt động phong trào, các cuộc thi tìm hiểu liên quan đến Kinh tế chính trị Mác - Lênin... thì sẽ thúc đẩy tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin và ngược lại.

Tóm lại, tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên luôn chịu sự tác động, chi phối của nhiều yếu tố, nhưng những yếu tố cơ bản, cốt lõi là thuộc về bản thân sinh viên, giảng viên và nhà trường. Mỗi yếu tố có vị trí, vai trò khác nhau nhưng có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ lẫn nhau tác động đến tính tích cực học tập môn học của sinh viên. Vì vậy, muốn xem xét và nâng cao tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên phải đồng thời tác động vào các yếu tố đó.

1.2. Cơ sở thực tiễn của biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường ĐH Hoa Lư

1.2.1. Khái quát về tổ chức dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động toàn Đảng và toàn dân tộc. Đảng, Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo rất quan tâm đến công tác dạy học chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, Kinh tế chính trị Mác-Lênin nói riêng trong các nhà trường. Việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, Kinh tế chính trị Mác-Lênin nói riêng trong các nhà trường, đặc biệt là thế hệ trẻ, trong đó có sinh viên các trường đại học, cao đẳng được Đảng ta hết sức quan tâm, chú trọng. Trước năm 2002-2003, môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin được giảng dạy tại trường Đại học Hoa Lư, khi đó là Trường Cao đẳng sư phạm Ninh Bình, được thực hiện theo Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin dùng trong các trường đại học và cao đẳng ban hành theo Quyết định số 2054/QĐ-CT-HS ngày

31/8/1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm học 2002-2003, môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin được giảng dạy tại trường Đại học Hoa Lư, khi đó là Trường Cao đẳng sư phạm Ninh Bình, Chương trình môn Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, được thực hiện theo Chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ban hành theo Quyết định Số: 45/2002/QĐ-BGDĐT ngày 29/10/2002, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình các môn: Triết học Mác-Lênin dùng cho khoa ngành khoa học xã hội, nhân văn, tự nhiên, kỹ thuật; Kinh tế chính trị Mác-Lênin dùng cho khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh và Kinh tế chính trị Mác- Lênin dùng cho các ngành không chuyên Kinh tế - Quản trị kinh doanh trong các trường đại học. Theo Quyết định Số: 407/QĐ-TTg ngày 09/4/2007, của Thủ tướng Chính phủ, trường Đại học Hoa Lư được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Ninh Bình. Ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào, có Quyết định số: 52/2008/QĐ-BGDĐT, quy định chương trình các môn Lý luận chính trị. Từ năm học 2008-2009, đến trước năm học 2018-2019, chương trình môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, được thực hiện theo chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ban hành theo Quyết định số: 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào. Từ năm học 2020-2021, đến nay, chương trình môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, được thực hiện theo chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ban hành theo Quyết định số: 4890/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào.

Như vậy, từ năm 2000 đến nay, môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin đã được giảng dạy ở Trường Đại học Hoa Lư 22 năm (Trong đó, 7 năm ở Trường Cao đẳng sư phạm Ninh Bình - khi chưa nâng cấp; 15 năm ở Trường Đại học Hoa Lư - khi trường nâng cấp), với nhiều lần thay đổi về chương trình, giáo trình môn học.

Khái quát về quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở nhà trường cho thấy, một số vấn đề cần chú ý như sau:

Một là, về công tác lãnh đạo, quản lý

Theo quy định của Thủ tướng chính phủ tại Quyết định số 494/QĐ-TTg, mỗi trường học và cao đẳng phải có khoa hoặc bộ môn Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề có tổ bộ môn Chính trị, do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền trực tiếp chỉ đạo. Do đó, Tổ bộ môn chung (2003- 2005), Bộ môn khoa học Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2005 - 2007), Bộ môn Lý luận chính trị (2007 - 2022) chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám Hiệu Trường Cao đẳng

sư phạm Ninh Bình, nay là Trường Đại học Hoa Lư. Theo Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND, ngày 04/4/2014 tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, lao động tỉnh Ninh Bình, Bộ môn Lý luận chính trị chịu trách nhiệm quản lý công tác dạy học các môn Lý luận chính trị. Cán bộ làm nhiệm vụ quản lý dạy học môn học, giảng viên dạy học môn học còn làm công tác kiêm nhiệm, trẻ về tuổi đời và tuổi nghề, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp còn hạn chế, bất cập. Do đó, cũng dẫn đến hạn chế, bất cập, khó khăn trong công tác lãnh đạo, quản lý, dạy học môn học.

Hai là, đội ngũ cán bộ, giảng viên giảng dạy và sinh viên học tập môn học

Đội ngũ cán bộ, giảng viên dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin từng bước được kiện toàn, bổ sung, phát triển. Khi mới đưa môn học vào giảng dạy, nhà trường từ năm 2000 - đến 2013, chỉ có 01 giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ năm 2014 - đến nay, nhà trường tuyển dụng thêm 03 giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Đến nay 3/3 chiếm 100% giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin có trình độ thạc sĩ. Có thể khẳng định rằng, nhóm giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị Mác – Lênin có một đội ngũ giảng viên dạy học, tương đối đủ về số lượng, đảm bảo về năng lực, chất lượng dạy học môn học. Nhưng cũng phải thẳng thắn thừa nhận, là trường đại học địa phương, cách xa các trung tâm đào tạo lớn về giảng viên dạy học môn học, nên việc học tập để nâng cao trình độ của giảng viên gặp không ít khó khăn, giảng viên ít có điều kiện tiếp cận được những vấn đề mới cả trên lĩnh vực chuyên môn tri thức và phương pháp dạy học bộ môn.

Trường là trường đại học địa phương, tuyển sinh trong cả nước, nhưng cơ bản sinh viên vào học là con em trong tỉnh với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội còn nhiều khó khăn. Trong mấy năm gần đây, chất lượng đầu vào còn hạn chế, hầu hết sinh viên có học lực trung bình, trung bình khá ở các trường đại học. Nhà trường đào tạo sinh viên thuộc nhiều chuyên ngành, khối ngành khác nhau: khối ngành sư phạm (Mầm non, Tiểu học..., khối ngành kinh tế kỹ thuật (Kế toán, quản trị kinh doanh...), khối ngành khoa học xã hội và nhân văn (Việt Nam học...). Công tác quản lý sinh viên trong quá trình học tập môn học dưới góc độ quản lý chuyên môn ở nhà trường bên cạnh ưu điểm, tính cực là chủ yếu, có mặt chưa sâu sát, hiệu quả...

Ba là, về chương trình môn học Kinh tế chính trị Mác- Lênin

Về chương trình môn học Kinh tế chính trị Mác- Lênin ban hành theo

Quyết định số: 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Thực hiện quyết định trên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu Trưởng trường Đại học Hoa Lư, đã kí quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học, môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin là môn học bắt buộc, có trong tất cả các chương trình đào tạo của trường Đại học Hoa Lư. Việc thực hiện chương trình môn học được đào tạo theo phương thức đào tạo tín chỉ.

1.2.2. Thực trạng tính tích cực học tập và biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

1.2.2.1. Thực trạng về tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin

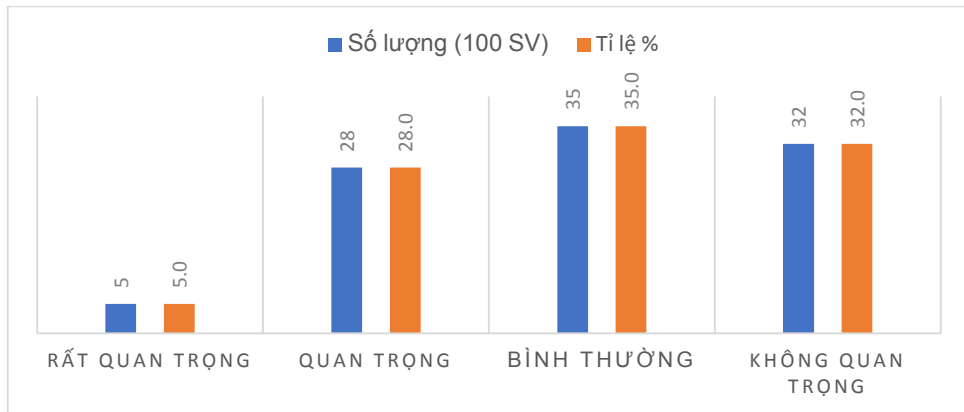
Học tập là quá trình và hoạt động phức tạp, phong phú, đa chất lượng, đa thành phần, đa nội dung và giàu giá trị hơn rất nhiều so với nhận thức, thực hành. Do đó, tính tích cực học tập cũng được thể hiện phong phú, đa diện, nhiều chiều trên nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau nhưng tập trung nhất là biểu hiện qua nhận thức của viên về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc học tập môn học; Nhu cầu, hứng thú, tâm trạng học tập môn học của sinh viên; hoạt động tự học môn học và kết quả học tập của sinh viên... Vì vậy, để xác định thực trạng về tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học ở trường Đại học Hoa Lư, chúng tôi đã: Khảo sát, điều tra 100 sinh viên và 06 cán bộ, giảng viên trực tiếp dạy học môn học ở nhà trường.

(*). Đối với khảo sát, điều tra 100 sinh viên, để đảm bảo khách quan trong quá trình thu thập thông tin chúng tôi, đã chú ý đến tính đa dạng của các khóa đào tạo D13, C27, các chuyên ngành đào tạo. Kết quả cụ thể như sau:

- Nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin:

Mức độ	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng
Số lượng (100 SV)	5	28	35	32
Tỉ lệ %	5.0	28.0	35.0	32.0

Bảng 1.1: Thống kê số liệu điều tra thể hiện sự nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của môn học



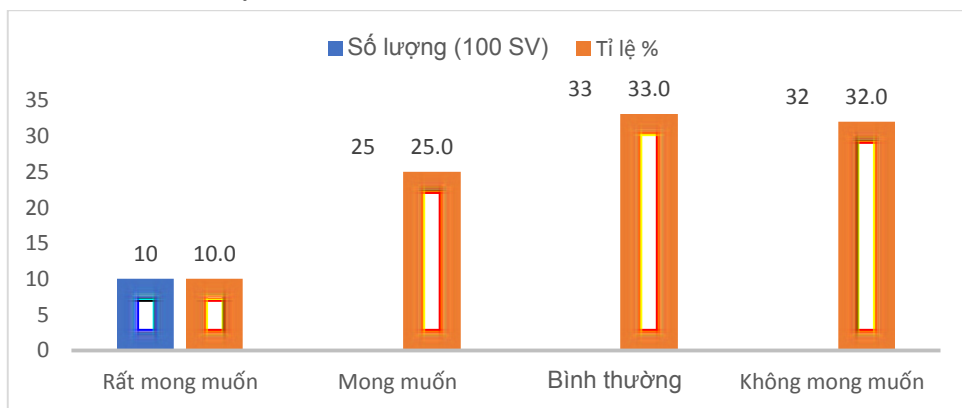
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ thể hiện sự nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của môn học

Như vậy, qua Bảng 1.1 và Sơ đồ 1.1, ta thấy, tỷ lệ sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng môn học (cho rằng môn học là rất quan trọng, quan trọng) còn khá khiêm tốn $(33/100) = 33\%$, trong khi đó vẫn còn tới $(32/100) = 32.0\%$ chưa nhận thức được tầm quan trọng, coi môn học không quan trọng.

- Về tầm nhu cầu, hứng thú học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên

Mức độ	Rất mong muốn	Mong muốn	Bình thường	Không mong muốn
Số lượng (100 SV)	10	25	33	32
Tỉ lệ %	10.0	25.0	33.0	32.0

Bảng 1.2. Thống kê số liệu điều tra về nhu cầu, hứng thú học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên.



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ thể hiện về nhu cầu, hứng thú học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên.

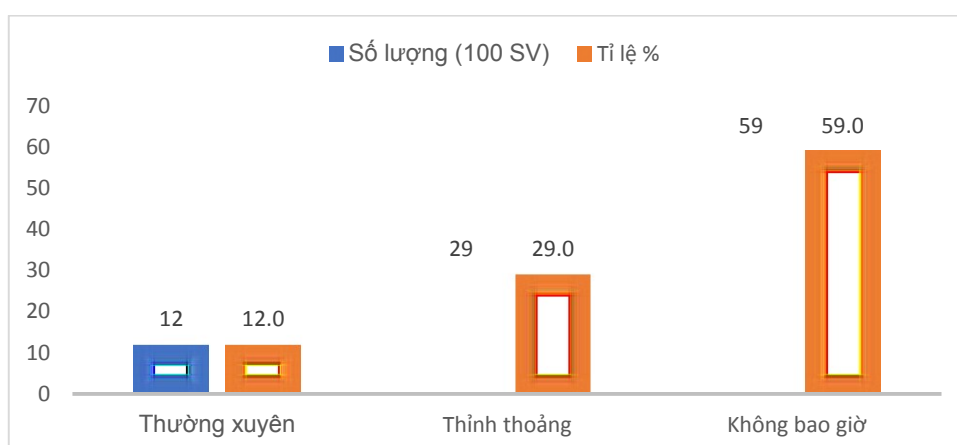
Như vậy, qua Bảng 1.2 và Sơ đồ 1.2, ta thấy, tỷ lệ sinh viên có nhu cầu,

hứng thú còn khá khiêm tốn ($10/100$) = 10%, cho rằng rất mong muốn, ($25/100$) = 25%, cho rằng mong muốn, trong khi đó có ($33/100$) = 33% cho rằng nhu cầu, hứng thú học tập môn học ở mức bình thường, đặc biệt, có tới ($32/100$) = 32% không có nhu cầu, hứng thú học tập môn học. Tỷ lệ này, cơ bản thống nhất, tương dung với tỷ lệ nhận thức về tầm quan trọng của môn học.

- Về mức độ thực hiện hoạt động tự học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên

Mức độ	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Số lượng (100 SV)	12	29	59
Tỷ lệ %	12.0	29.0	59.0

Bảng 1.3. Thống kê số liệu điều tra mức độ thực hiện tự học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ thể hiện mức độ thực hiện tự học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên

Như vậy, qua Bảng 1.2 và Sơ đồ 1.2, ta thấy, tỷ lệ thực hiện tự học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên rất ít ($12/100$) = 12 %, trong khi đó có tới ($29/100$) = 29% thỉnh thoảng thực hiện tự học tập môn học, ($59/100$) = 59 % không bao giờ thực hiện tự học tập môn học. Thực hiện tự học tập của sinh viên là một trong các minh chứng biểu hiện rõ nét nhất tính tích cực học tập của sinh viên, tuy nhiên, trong học tập môn học tại nhà trường hiện nay, hơn 1/2 sinh viên không bao giờ thực hiện tự học môn học. Điều đó, cho thấy hạn chế trong tính tích cực học tập môn học của người học.

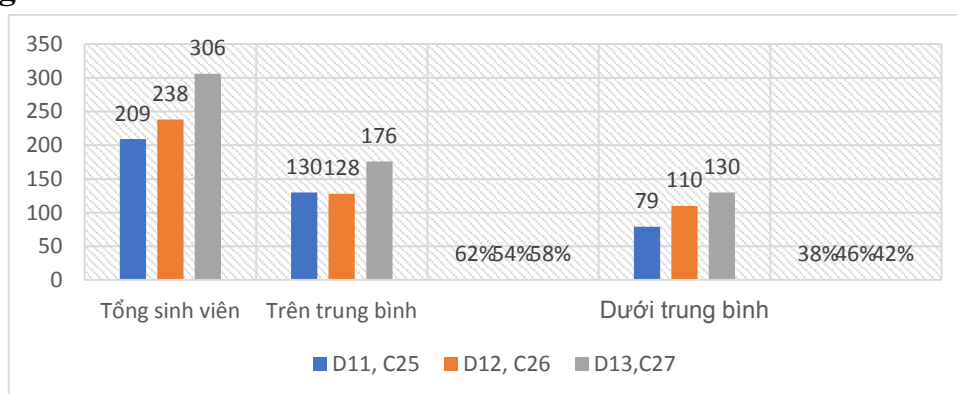
- Về kết quả học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên trong nhà trường hiện nay:

Để có cái nhìn khách quan, trung thực, rõ nét nhất về bức tranh tính tích

cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên trong nhà trường hiện nay, nhóm thực hiện đề tài đã thống kê, hệ thống lại kết quả thi kết thúc môn học của sinh viên trong 3 khóa đào tạo đại học và cao đẳng gần đây. Qua quá trình thống kê, hệ thống lại kết quả thi kết thúc môn học của các khóa (D11; C12; D13) chúng tôi thu được kết quả như sau:

Khóa	Tổng sinh viên	Trên trung bình		Dưới trung bình	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
D11, C25	209	130	62%	79	38%
D12, C26	238	128	54%	110	46%
D13, C27	306	176	58%	130	42%

Bảng 1.4. Thống kê kết quả học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên. Nguồn: Số liệu thống kê từ phần mềm đào tạo của nhà trường.

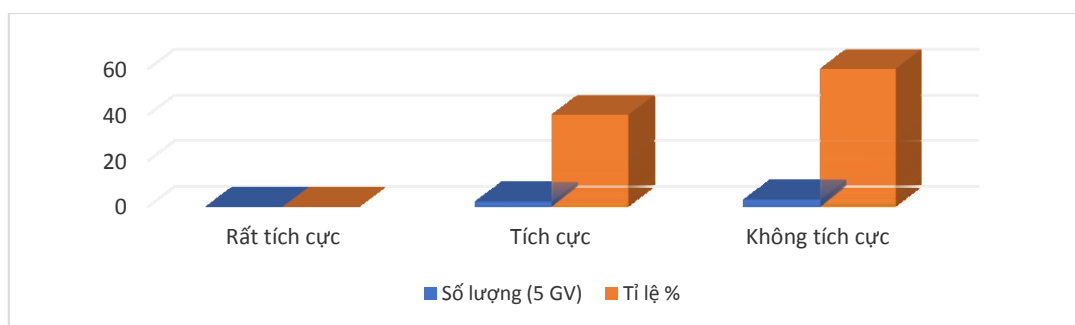


Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hóa kết quả học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên

Như vậy, qua Bảng 1.4 và Sơ đồ 1.4, ta thấy, kết quả học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên trong nhà trường là khá thấp, trung bình hàng năm có 42.0 % sinh viên có kết quả thi kết thúc môn học dưới trung bình. Điều này phản ánh tập trung, rõ nét nhất sinh viên chưa tích cực học tập môn học.

(*). Khảo sát, điều tra, thu thập thông tin của 5 giảng viên trực tiếp dạy học đánh giá về tích cực học tập của sinh viên trong học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. Kết quả cụ thể như sau:

Mức độ	Rất tích cực	Tích cực	Không tích cực
Số lượng (5 GV)	0	2	3
Tỉ lệ %	0.0	40.0	60.0



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ đánh giá của thầy, cô về mức độ tích cực học tập của sinh viên trong học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Như vậy, qua Bảng 1.5 và Sơ đồ 1.5, ta thấy, theo đánh giá của thầy, cô về mức độ tích cực học tập của sinh viên trong học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường là rất hạn chế. Trong 5 thầy, cô được hỏi, 0 có thầy, cô nào cho rằng các sinh viên rất tích cực; chỉ có 02 thầy, cô đánh giá sinh viên tích cực học tập; trong khi đó, có tới 03 thầy, cô cho rằng sinh viên không tích cực học tập môn học. Điều này một lần nữa phản ánh tập trung, rõ nét sinh viên chưa tích cực học tập môn học.

Tóm lại, thông qua các Bảng 1.1 và Sơ đồ 1.1 (Nhận thức sinh viên về tầm quan trọng môn học); Bảng 1.2 và Sơ đồ 1.2 (Nhu cầu, hứng thú học tập của sinh viên); Bảng 1.3 và Sơ đồ 1.3 (Mức độ thực hiện tự học tập); đặc biệt là Bảng 1.4 và Sơ đồ 1.4 (Thống kê kết quả học tập môn học của sinh viên); Bảng 1.5 và Sơ đồ 1.5 (Đánh giá của thầy, cô về mức độ tích cực học tập của sinh viên ở nhà trường), cho thấy, sự thiếu hụt trông thấy, rất đáng lo ngại về tính tích cực học tập của sinh viên trong học tập môn học. Do vậy, đi sâu nghiên cứu về thực trạng và đề xuất các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong học tập môn học ở nhà trường là rất cần thiết và quan trọng.

1.2.2.2. Thực trạng biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

Kinh tế chính trị Mác - Lênin với tư cách là một bộ môn khoa học đã được sớm đưa vào giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng trong cả nước, trong đó có trường Đại học Hoa Lư. Qua quá trình điều tra, trao đổi, phỏng vấn, quan sát, tìm hiểu, chúng tôi thấy rằng các biện pháp phát huy tính tích cực học tập của sinh viên đã được sử dụng trong quá trình giảng dạy môn học ở trường Đại học Hoa Lư là:

- Biện pháp "thuật chuyện" trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Đây là biện pháp thông dụng, được áp dụng trong dạy bộ môn học, nội dung hoạt động chủ yếu của thầy và trò được mô tả như sau. Khi phải dạy một

đơn vị kiến thức trong nội dung môn học, thường thầy kể một hoặc vài câu chuyện mà thầy đã chuẩn bị trước. Sau khi sinh viên nghe xong, thầy dừng lại giải thích, phân tích, bình luận... để làm sáng tỏ nội dung kiến thức. Như vậy, biện pháp "thuật chuyện" ở đây chỉ giới hạn trong phạm vi dùng để luận chứng, chứng minh cho nội dung tri thức trong bài giảng thuyết trình.

- Biện pháp đặt câu hỏi trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Biện pháp này được mô tả như sau: Khi dạy một nội dung kiến thức nào đó trong giáo trình, giảng viên yêu cầu sinh viên đọc bài. Tiếp đó giảng viên đặt câu hỏi hướng trọng tâm vào việc tóm tắt nội dung sách giáo khoa đối với sinh viên vừa đọc hoặc yêu cầu sinh viên khác. Sau khi sinh viên phát biểu thầy nhận xét, bổ sung, chỉnh sửa và kết luận. Cuối cùng thầy đọc cho sinh viên chép ý chính hoặc cũng có thể những lời nhận xét của thầy được nhắc đi nhắc lại nhiều lần là lời sinh viên cần ghi chép. Như vậy, do bị "trói chặt" bởi các đích đã trở thành tập quán trong dạy học truyền thống theo kiểu thầy đọc trò chép những tri thức cơ bản trong giáo trình nên chức năng của các câu hỏi được đặt ra ở đây chỉ đơn thuần là nhằm thuật lại hoặc thừa nhận một cách giản đơn kiến thức trong giáo trình. Như thế khó mà phát huy tính tích cực học tập của sinh viên.

- Biện pháp trích dẫn kinh điển: Đặc trưng của sự thực hiện vận dụng biện pháp này trong dạy học ở đây được mô tả như sau: Sau khi trình bày một nội dung tư tưởng, lý luận trong bài học, giảng viên đưa những lời trích dẫn kinh điển đã có sẵn trong giáo trình nhằm viện dẫn, chứng minh cho những nội dung đã được trình bày. Sinh viên tiếp nhận, ghi chép những trích dẫn kinh điển đó một cách thụ động, khiên cưỡng, thiếu sáng tạo. Từ đó làm giảm đi rất nhiều giá trị tích cực thực sự được tạo ra từ biện pháp trích dẫn kinh điển hợp lý trong định hướng mục tiêu phát huy tính tích cực học tập của người học.

- Biện pháp sử dụng tình huống nêu vấn đề: Đặc trưng của sự thực hiện vận dụng biện pháp này trong dạy học ở đây được mô tả như sau: Sau khi trình bày một nội dung tư tưởng, lý luận trong bài học, giảng viên đưa những tình huống nêu vấn đề nhằm thu hút, hướng sinh viên vào vấn đề học tập. Tuy nhiên, việc sử dụng tình huống nêu vấn đề trong môn học được sử dụng chưa nhiều, chưa hệ thống, bài bản, liên tục, thường xuyên. Việc tập trung đầu tư để xây dựng tình huống nêu vấn đề của giảng viên chưa được quan tâm đầu tư, nên hiệu quả còn hạn chế.

Trên đây là một số biện pháp nâng cao tính tích cực của sinh viên trong học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã được vận dụng vào quá trình dạy học ở trường Đại học Hoa Lư. Các biện pháp này được từng giảng viên vận

dụng một cách linh hoạt với từng nội dung kiến thức trên mỗi lớp dẫn đến những hiệu quả nhất định. Ngoài những biện pháp cơ bản trên đây chưa có biện pháp nào khác được vận dụng vào quá trình dạy học môn học. Điều này cho thấy mức độ thực hiện các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên còn hạn chế, chưa tạo ra một dấu ấn "đậm nét" và kết quả cao trong dạy học bộ môn.

1.2.2.3. Sự cần thiết của nâng cao tính tích cực học tập, đề xuất biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường.

Từ ngày ra đời đến nay, Đảng ta luôn khẳng định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động cách mạng để thực hiện mục tiêu chiến lược này là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta khẳng định việc nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có tính nguyên tắc quan trọng bậc nhất. Trước những biến động của tình hình quốc tế trong những năm gần đây, để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đất nước, một trong những yêu cầu cấp bách là cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu, vận dụng và giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân. Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 27/3/2003 nêu rõ: "Bước sang thế kỷ XXI, đất nước ta có cơ hội lớn, nhưng đang đứng trước những thách thức không nhỏ, tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp, khó lường. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới, cần thấm nhuần sâu sắc, vận dụng sáng tạo những nguyên lý và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị". Kết luận 94-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2014, của Ban Bí thư tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, khẳng định: "Học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân là giáo dục những vấn đề cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng; sát với thực tiễn, không máy móc, giáo điều, khô cứng; gắn với chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Các vấn đề đến nay không còn phù hợp thì không đưa vào nội dung học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân. Phương pháp giảng dạy và học tập phải sinh động, mềm dẻo, có thực tiễn và phù hợp với từng cấp; tạo được sự hứng thú và có trách

nhệm cho người dạy và người học; người học thích đọc hơn, có trách nhiệm phải học; người dạy có hứng thú hơn, có trách nhiệm cao hơn”. Số Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ Chính trị “Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”, xác định: “Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đổi mới hệ thống chương trình, giáo trình, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên. Gắn lý luận với thực tiễn, cập nhật kiến thức mới, khắc phục sự trùng lặp, khép kín, thiếu liên thông giữa các chương trình, các cấp học, bậc học. Tăng cường giáo dục, rèn luyện kỹ năng thực hành, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng hiện đại, phù hợp đối tượng, đồng thời chú trọng nâng cao trình độ, rèn luyện phong cách, trau dồi bản lĩnh chính trị của đội ngũ giảng viên. Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, công tác nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết, kết luận của Đảng theo hướng thiết thực, hiệu quả”. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nêu rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”. Điều này cho thấy tìm ra các biện pháp nâng cao tính tích cực của sinh viên trong học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là mối quan tâm lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới đất nước hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học, cao đẳng. Trong quá trình dạy học môn học, nắm bắt đòi hỏi của đất nước và nhu cầu thực tiễn của nhà trường, các giảng viên đã quan tâm, chú ý nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên và nỗ lực không ngừng tìm ra các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học. Sự quan tâm, chú ý và nỗ lực không ngừng đó của giảng viên đã đưa đến những thành quả nhất định. Với những mức độ và hiệu quả thực hiện khác nhau các giảng viên đã áp dụng một số biện pháp nâng cao tính tích cực học tập, bước đầu đã gây hứng thú, kích

thích tính tích cực nhận thức của sinh viên. Trên nền tảng đó, về cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu dạy học với kết quả đáng khích lệ. Bên cạnh đó vẫn còn hạn chế là: Biện pháp phát huy tính tích cực học tập mà giảng viên sử dụng là rất "mờ nhạt" và hiệu quả thực hiện còn thấp. Tính tích cực học tập của sinh viên chưa cao. Thuyết trình theo kiểu thầy đọc - trò chép trở thành thói quen, tập quán trong dạy học môn học, đã trực tiếp hạn chế hiệu quả của các biện pháp, thủ pháp, thao tác sư phạm mà giảng viên sử dụng nhằm kích thích hoạt động tư duy, gây nguồn cảm hứng sáng tạo, sự say mê nghiên cứu, khám phá, tự tin ở trò. Những kết quả nghiên cứu trong (1.2.2.2. Thực trạng tính tích cực học tập và biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư) cho ta những nhận xét trên, mặt khác cho ta khẳng định: Cần phải nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn học của sinh viên, để nâng cao chất lượng dạy và học môn học.

Nội dung kiến thức của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là hệ thống các quan điểm, phạm trù, quy luật, nguyên lý kinh tế phản ánh quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi mà những quan hệ này được đặt trong sự liên hệ biện chứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của phương thức sản xuất nhất định. Đó là những kiến thức vừa mang tính khái quát, vừa gắn bó chặt chẽ với các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội đang diễn ra hàng ngày của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang hội nhập vào nền kinh tế quốc tế. Những kiến thức này đòi hỏi phải có các biện pháp dạy học sao cho sinh viên vừa nắm được những tri thức lý luận mũi nhọn, chuyên sâu vừa bám sát thực tiễn để giải thích, phân tích các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước một cách khoa học. Đòi hỏi này, nếu sử dụng thuần túy các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn học của sinh viên với mức độ, hiệu quả thấp như hiện nay sẽ không giải quyết được. Như thế, nội dung kiến thức môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin đòi hỏi phải vận dụng các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn học của sinh viên cho phù hợp với nội dung kiến thức và thực tiễn.

Ngày nay, do cách mạng khoa học và công nghệ phát triển, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi nền giáo dục và đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu, là chìa khoá mở cửa đến tương lai. Nguồn lực con người trở thành tài sản quý báu nhất, là động lực của sự phát triển đất nước. Giáo dục và đào tạo phải tạo ra lớp người lao động có chất lượng cao về trí tuệ và kỹ năng, tự chủ, năng động, sáng tạo

trước những tác động của hoàn cảnh thực tiễn; quyết tâm đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ đã lựa chọn, khẳng định và nhân dân ta đã, đang và tiếp tục kiên trì thực hiện. Trong điều kiện đó, việc nâng cao chất lượng dạy và học các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học và cao đẳng, đặc biệt là các cơ sở đào tạo giảng viên trong đó có trường Đại học Hoa Lư được coi như một giải pháp quan trọng. Vì vậy, vận dụng các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên là yêu cầu quan trọng, cấp thiết.

Như vậy, xuất phát từ vị trí, nội dung kiến thức môn học; thực trạng dạy và học môn học ở trường cũng như yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn phát triển đất nước đã quy định sự cần thiết khách quan vận dụng các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên ở trường Đại học Hoa Lư.

Kết luận chương 1

Nhằm tìm ra cơ sở khoa học, cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên ở trường Đại học Hoa Lư, nhóm tác giả thực hiện đề tài đã đi sâu nghiên cứu tập trung làm rõ: 1/. Cơ sở lý luận của biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin: Phương pháp, phương pháp dạy học; Biện pháp, biện pháp dạy học; Bản chất của tính tích cực cá nhân; Quan niệm về tích cực hoá hoạt động học tập; Vấn đề tích cực hoá người học và quá trình học tập; Các biện pháp tích cực hoá học tập; 2/. Thực trạng tính tích cực học tập, tính tích cực học tập của sinh viên, biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường. Những vấn đề đó là cơ sở để luận chứng sự cần thiết phải đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu, đề xuất các biện pháp có hiệu quả nhằm nâng cao tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên.

Chương 2

BIỆN PHÁP VÀ THỰC NGHIỆM BIỆN PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

2.1. Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

2.1.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

2.1.1.1. Đảm bảo mục tiêu đào tạo

Dạy học là con đường, phương tiện quan trọng nhất, giúp nhà trường thực hiện mục tiêu dạy học. Mục tiêu dạy học là cái đích hướng đến của quá trình đào tạo, nó quy định nội dung, phương pháp, phương tiện, biện pháp... dạy học. Mọi nỗ lực của chủ thể quản lý, của giảng viên và sinh viên trong tổ chức, vận hành quá trình dạy học xét đến cùng là nhằm thực hiện mục tiêu dạy học có chất lượng và hiệu quả. Vì vậy, trong quá trình dạy học, lựa chọn nội dung, phương pháp, phương tiện, biện pháp... phải phù hợp, đảm bảo mục tiêu dạy học. Đảm bảo mục tiêu dạy học là nguyên tắc cơ bản, quan trọng hàng đầu để đề xuất biện pháp dạy học. Để bảo đảm mục tiêu dạy học, khi xây dựng các biện pháp dạy học môn học phải đảm bảo các yêu cầu:

Phân tích sâu sắc mục tiêu của chương trình đào tạo môn học để xác định được những thành phần mục tiêu cốt lõi và mối quan hệ của nó với các mục tiêu thành phần khác của chương trình đào tạo; trên cơ sở đó xác định chính xác định hướng cơ bản và kết quả dạy học bắt buộc cho toàn bộ chương trình.

Trên cơ sở phân tích mục tiêu chương trình đào tạo, thiết kế mục tiêu dạy học cho các đơn vị chương trình bài học. Mục tiêu dạy học của từng đơn vị chương trình bài học phải bao quát được các lĩnh vực học tập của sinh viên và đảm bảo chắc chắn rằng, khi thực hiện tổng số các mục tiêu dạy học các bài học thì mục tiêu của chương trình đào tạo môn học được thực hiện. Bên cạnh đó, giảng viên xác định các mục tiêu dạy học từng bài học đúng kỹ thuật để tạo điều kiện cho kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học được thuận lợi, chính xác.

Dựa vào mục tiêu dạy học của từng đơn vị chương trình bài học và đặc điểm chung của sinh viên (đặc biệt là đặc điểm về kinh nghiệm của sinh viên), giảng viên thiết kế nội dung dạy học phù hợp cho đơn vị chương trình bài học đó. Căn cứ nội dung dạy học đã thiết kế và đặc điểm chung của sinh viên để xác định các biện pháp dạy học một cách phù hợp. Khi đảm bảo các yêu cầu

trên, các biện pháp dạy học sẽ giữ vai trò là con đường vận động của nội dung dạy học đã được giảng viên thiết kế. Sự vận động của nội dung dạy học được định hướng và tiến đến các mục tiêu dạy học đã xác định. Khi mục tiêu dạy học của từng đơn vị chương trình bài học và tổng các đơn vị chương trình môn học được thực hiện, có nghĩa mục tiêu của chương trình môn học được thực hiện. Như vậy, xây dựng các biện pháp dạy học sẽ đảm bảo được mục tiêu dạy học của chương trình môn học.

Do đó, khi đề xuất biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác Lênin các trường đại học phải đảm bảo, phù hợp với mục tiêu từng bài học nói riêng và mục tiêu môn học nói chung. Mọi biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học các trường đại học đi ngược, hoặc chệch hướng mục tiêu bài học, môn học đều mất đi ý nghĩa, giá trị đích thực của nó. Để đúng hướng, phù hợp, đảm bảo mục tiêu môn học, các biện pháp cần làm cho sinh viên thực sự tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc nắm bắt có tính hệ thống về Kinh tế chính trị Mác Lênin, những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lênin, những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của nước ta, góp phần xây dựng con người mới.

2.1.1.2. Đảm bảo tính hệ thống

Khi đề xuất các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học phải đảm bảo tính hệ thống. Tính hệ thống của các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học, nghĩa là nó phải được xây dựng trên những cơ sở nền tảng thống nhất, nhất quán và sắp xếp một cách logic, khoa học, hợp lý. Tính hệ thống của các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học, được quy định trước hết bởi tính hệ thống của bản thân Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Mặt khác, còn được quy định bởi tính hệ thống của quá trình dạy học môn học, của môn học, và tính hệ thống của các nhân tố cấu thành tính tích cực học tập của sinh viên. Điều đó được tập trung thể hiện: Trong quá trình dạy học môn học thì các nhân tố của quá trình dạy học (mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hoạt động của người dạy và người học...), các bước của tiến trình dạy học nằm trong mối quan hệ biện chứng được sắp xếp một cách hệ thống theo một trật tự, logic nhất định. Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một bộ môn khoa học, Chương trình môn học (mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ môn học...), Giáo trình môn học (hệ thống các bài dạy, kiến thức của các bài dạy) được sắp xếp một cách logic, khoa học, hợp lý. Các nhân tố cấu thành tính tích cực

học tập của sinh viên (Nhu cầu, động cơ, thái độ, kỷ luật đối với tự học; nỗ lực cao trong trí tuệ và hành động tự học, kết quả tự học...) nằm trong mối quan hệ logic. Như vậy, tính hệ thống của Kinh tế chính trị Mác - Lênin, quá trình dạy học môn học, của môn học – với tư cách là một bộ môn khoa học, đặc thù tri thức môn học và các nhân tố cấu thành tính tích cực học tập của sinh viên, là những nhân tố cốt lõi quy định việc đề xuất các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học phải đảm bảo tính hệ thống. Nguyên tắc này đòi hỏi việc xây dựng các biện pháp dạy học phải bảo đảm các yếu cầu:

Bảo đảm tính chất toàn vẹn trong thiết kế mục tiêu học tập của bài học, bao quát 3 lĩnh vực chung học tập, cả quá trình lẫn kết quả hay thành tựu học tập là: Nhận thức; kỹ năng, năng lực hoạt động thực tiễn và thái độ, tình cảm.

Bảo đảm mối quan hệ giữa các thành tố cấu thành tính hệ thống của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Đó là tính hệ thống của chương trình, của các bài học, trong từng bài học; bản thân nội tại đối tượng nghiên cứu môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin...

Bảo đảm tính tương tác – các nguồn lực vật chất và con người, sự tham gia và hợp tác của mọi người. Các nguồn lực vật chất và con người không được tĩnh tại, một chiều, thụ động, mà phải năng động, tích cực, ảnh hưởng, tác động qua lại lẫn nhau làm bộc lộ sức mạnh thể chất và tâm lý người học. Ba thành tố chính của quá trình dạy học: Giảng viên (và hoạt động của giảng viên); nội dung dạy học và sinh viên (cùng với hoạt động của sinh viên) luôn có sự tương tác, tác động qua lại lẫn nhau. Giảng viên giữ vai trò là người kiến tạo môi trường học tập, tạo điều kiện để sinh viên thực hiện các hoạt động. sinh viên đóng vai trò là chủ thể tự giác, tích cực và độc lập thực hiện hoạt động học tập chiếm lĩnh nội dung dạy học.

Bảo đảm tác động đồng bộ đến các thành phần tính tích cực học tập của sinh viên. Tính hệ thống tính tích cực học tập của sinh viên đòi hỏi các biện pháp dạy học, với tư cách là những tác nhân kích thích đến tính tích cực học tập của sinh viên cũng phải bảo đảm tính hệ thống. Các biện pháp dạy học phải bảo đảm phù hợp với nhu cầu, trình độ nhận thức, đặc điểm học tập của sinh viên, phải có giá trị tạo môi trường, điều kiện cho các sinh viên có thể phát huy nội lực học tập vốn có của mình (phát huy được tính trội của phong độ, kỹ năng, giá trị và thói quen của bản thân) để đạt được mục tiêu dạy học chung.

Làm rõ được mối quan hệ logic, biện chứng các nội dung dạy học; dự kiến được cấu trúc và tính chất của các hoạt động mà sinh viên phải thực hiện. Đòi

mới hình thức tổ chức dạy học, tăng cường phương pháp dạy học tích cực. Khi thiết kế các hoạt động dạy học thì trọng tâm và điểm xuất phát là hoạt động của sinh viên. Từ hoạt động của sinh viên mới dự kiến cách thức hoạt động của giảng viên, tức là thiết kế phương pháp dạy học cụ thể. Lựa chọn các phương tiện và học liệu hỗ trợ triệt để cho các mục đích hoạt động của giảng viên; có vai trò công cụ quan trọng trong hoạt động của sinh viên, tức là có tính tương tác cao chứ không chỉ để minh họa và chứa đựng thông tin; tiện sử dụng, phổ biến, thông thường, giản dị của phương tiện...

2.1.1.3. Đảm bảo tính tương tác, tham gia và hợp tác

Tương tác các nguồn lực vật chất và con người không được tĩnh tại, một chiều, thụ động mà phải thường xuyên ở trạng thái năng động, tương đối tích cực, tác động qua lại lẫn nhau, làm bộc lộ những tiềm năng, kinh nghiệm, giá trị, sức mạnh thể chất và tâm lý người học. Tham gia và hợp tác, mọi người học đều ở trong sự phụ thuộc lẫn nhau, có những nỗ lực cá nhân vì mình và cũng vì người khác, lợi cho mình và cũng làm cho người khác có lợi, ai cũng phải theo học vì một mình không thể hiểu và biết tất cả và ai cũng có cái gì đó để cho người khác học hỏi khi họ cần. Tính có vấn đề của dạy học và các tình huống dạy học – nếu quá trình và nội dung học tập không có ý nghĩa gì với người học, vô ích, trung tính, vô thưởng vô phạt, nhạt nhẽo hoặc đối kháng với tình cảm, ý chí của người, thì sẽ không diễn ra hoạt động học tập, nếu người học có hoạt động thì đó cũng là những hoạt động khác, không cần thiết và cũng không mong muốn. Trên thực tế và về mặt lý thuyết, các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập, không thể không dựa vào nguyên tắc này.

2.1.1.4. Đảm bảo tính thực tiễn

Khi đề xuất các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học phải bảo đảm tính thực tiễn. Các biện pháp dạy học được xây dựng phải phù hợp với thực tiễn dạy học ở các trường đại học về môi trường và điều kiện dạy học. Muốn bảo đảm tính thực tiễn, việc xây dựng các biện pháp dạy học phải tuân thủ các yêu cầu:

Xác định được những điểm chung nhất của các biện pháp dạy học để thiết kế các hoạt động của giảng viên, sinh viên theo các giai đoạn của quá trình dạy học; triển khai việc dạy học theo định hướng tổ chức các hoạt động học tập của sinh viên; xác lập quy trình dạy học sử dụng các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học.

Phải xuất phát từ người học, hướng đến người học, phát triển năng lực người học: Các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên, một

mặt, phải phù hợp với nhận thức, trình độ người học; tạo động cơ, hứng thú học tập; huy động, sử dụng kinh nghiệm sống, kinh nghiệm học tập của người học; sử dụng phương pháp dạy học, phương tiện dạy học tích cực, biện pháp thích hợp với mục tiêu, nội dung học tập và người học... Mặt khác, phải lấy người học làm trung tâm; coi trọng khả năng, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thuyết trình, năng lực khai thác nguồn tài liệu học tập; phát triển năng lực tự học; tạo môi trường học tập để sinh viên tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau...

Phải xuất phát từ mục tiêu, nội dung, yêu cầu và điều kiện thực tế dạy học môn học ở các trường đại học; từ trình độ, năng lực của sinh viên – những người tiếp nhận, thực hành và giảng viên – những người kiến tạo, hướng dẫn thực hành các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên. Chú ý thỏa đáng đến các điều kiện đảm bảo tính khả thi của các biện pháp dạy học: nguồn lực con người, thời gian, nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất...

Phải bảo đảm nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; các biện pháp phải xuất phát, phù hợp, được áp dụng vào thực tiễn và cải tạo thực tiễn; phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện tài chính của nhà trường. Phải coi hiệu quả, sức mạnh cải tạo thực tiễn, sự nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên đó là cơ sở, căn cứ để lựa chọn các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học.

2.2.2. Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

2.2.2.1. Kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin

a) Cơ sở của biện pháp:

Các nhà nghiên cứu tâm lý học cho rằng, nội dung tính tích cực của cá nhân sinh viên rất phong phú, đa dạng, nhưng ở nhiều sinh viên tính tích cực học tập thiếu hụt trông thấy. Nguyên nhân căn bản của tình trạng trên là do mất cân đối, phân hóa một cách không hợp lý các dạng tích cực chuyên biệt, nơi đáng phải có tính tích cực cao là học tập thì nó lại thấp, nơi không cần tích cực cao như chỗ đàn đúm, quây phá... thì tính tích cực lại quá cao. Do đó, di chuyển các dạng tích cực chuyên biệt có kết quả, hướng trọng tâm vào giải quyết nhiệm vụ học tập môn học, thì sự nâng cao, cải thiện gấp bội tính tích cực học tập của người học là thực chất, vì đó là tiềm năng nội tại của cá nhân. Mặt khác, cấu trúc thành phần tính tích cực học tập của người học là rất phong phú và người học chỉ có cơ sở, điều kiện phát huy tính tích cực học tập khi có phát triển hay tạo mới dần từng phần của tính tích cực học tập. Do đó, di chuyển các dạng

phân hóa của tính tích cực từ các lĩnh vực khác sang lĩnh vực học tập, phát triển hay tạo mới dần từng phần của tính tích cực học tập là biện pháp quan trọng hàng đầu nhằm phát huy nội lực, nâng cao tính tích cực học tập của người học.

Đối với, môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin thường được xem là bộ môn khoa học với những kiến thức khá phong phú, khó, trừu tượng và khô khan, thì việc tạo hứng thú cho người học lại cần được quan tâm nhiều hơn và dĩ nhiên cũng khó tạo sự hứng thú hơn. Nhiều sinh viên không có hứng thú khi tham gia các giờ học Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Điều này phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó có cả yếu tố khách quan. Tuy nhiên, ở đây chỉ muốn bàn đến vấn đề trên trong quan hệ tương tác người dạy - người học. Có thể khẳng định rằng, đó không phải lỗi tại Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Nó phụ thuộc nhiều vào người dạy, vào cách dạy Kinh tế chính trị Mác - Lênin; và phần nào đó là phụ thuộc vào người học Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Các nhà nghiên cứu tâm lý học cũng cho rằng, hứng thú là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng nào đó, nó có ý nghĩa đối với cuộc sống và có khả năng mang lại khoái cảm cá nhân trong quá trình hoạt động. Trong bất cứ công việc gì, nếu có hứng thú làm việc, con người sẽ có cảm giác dễ chịu với hoạt động, làm nảy sinh khát vọng hành động một cách có sáng tạo. Ngược lại, nếu không có hứng thú, dù là hoạt động gì cũng sẽ không đem lại hiệu quả cao. Đối với các hoạt động nhận thức, sáng tạo, hoạt động học tập, khi không có hứng thú, kết quả sẽ không là gì hết, thậm chí xuất hiện cảm xúc tiêu cực. Vì vậy, việc tạo hứng thú cho người học được xem là yêu cầu bắt buộc đối với bất cứ ai làm công tác giảng dạy, đối với bất cứ bộ môn khoa học nào.

b) Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp:

- Để nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của người học trước hết cần khai thác, kế thừa, huy động, phát huy, nhóm họp tổng hợp sức mạnh phong phú, đa dạng của tính tích cực cá nhân vì mục đích học tập. Muốn vậy, trong quá trình dạy học, giảng viên cần làm cho sinh viên nhận thức rõ, mỗi sinh viên có nhiều nhiệm vụ khác nhau, nhưng học tập là nhiệm vụ trung tâm, cơ bản, then chốt, cốt lõi nhất; biết gạt bỏ những tác động ngoại cảnh, tập trung, chú ý vào quá trình học tập; cố gắng, nỗ lực, phấn đấu không ngừng giải quyết các nhiệm vụ học tập. Đồng thời, trong quá trình dạy học, giảng viên phải vừa tạo ra không khí thân thiện, dân chủ, thoải mái trong học tập, vừa phải duy trì kỷ luật, kỷ cương, tính nghiêm túc trong quá trình học tập của sinh viên...

- Mặt khác, giảng viên phải biết kiên trì, nhẫn nại phát triển hay tạo mới dần từng phần các nhân tố cấu thành tính tích cực học tập (Nhu cầu, động cơ,

thái độ, khát vọng; kỹ năng học tập; ý chí học tập; nỗ lực cao trong hành động và trí tuệ; kết quả học tập...). Để phát triển hay tạo mới dần từng phần các nhân tố cấu thành tính tích cực học tập, cần kích thích nhu cầu, động cơ, mục đích, tâm thế, thái độ học tập... của sinh viên; giúp sinh viên hình thành các kỹ năng như kỹ năng nhận thức, kỹ năng hành động, kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập; bồi dưỡng, rèn luyện ý chí học tập...cho sinh viên. Trong đó, kích thích nhu cầu, động cơ học tập... của sinh viên có vị trí, vai trò quan trọng hàng đầu. Người dạy truyền “cảm hứng”, tạo ra sự “tập nhiễm” yêu mến, tâm huyết, sự say mê, nhiệt tình nghiên cứu, tìm hiểu, tiếp cận tri thức môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin đến người học; gắn môn học với hiện thực cuộc sống, làm cho tri thức môn học gắn với thực tiễn sinh động; tạo không khí lớp học nhẹ nhàng, vui vẻ, không căng thẳng, áp lực; lấy ví dụ thành công, phù hợp, đúng đắn, điển hình, sinh động và nếu có thể, thêm yếu tố hài hước; bồi dưỡng tinh thần nhiệt tình cầu tri thức, khuyến khích người học nghiêm túc kiểm nghiệm những tri thức đã có, đảm bảo bản thân sức mạnh khoa học khơi dậy nhiệt tình cầu tri thức; hình thành thói quen phát hiện mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết, học cách nêu vấn đề đối với những nội dung của bài học; rèn luyện ý thức luôn đặt câu hỏi vì sao trước những vấn đề đã có đáp án hoặc kết luận; làm chủ được giờ học, thấy được tín hiệu ngược chiều từ người học để chủ động thay đổi, điều chỉnh nhịp độ giờ giảng...Việc kích thích động cơ, tạo hứng thú học tập cho sinh viên có thể vận dụng trong khi mở đầu, kết thúc, và trong suốt tiến trình tiết giảng.

- Quy trình thực hiện kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn học.

Bước 1: Trước khi đi vào mỗi buổi học, giảng viên phải nhấn mạnh mục tiêu học tập, cấu trúc logic nội dung kiến thức và phương pháp tiếp cận cơ bản cần đạt. Khéo léo nhắc nhở ý thức, tinh thần học tập; tạo ra không khí vừa thân thiện, cởi mở, hài hoà, vừa nghiêm túc, nề nếp, kỷ luật trong học tập.

Bước 2: Xác định nội dung cần kích thích nhu cầu, động cơ, hứng thú học tập của sinh viên. Không phải nội dung nào, lúc nào, thời điểm nào cũng cần kích thích nhu cầu, động cơ, hứng thú học tập của sinh viên. Thông thường cần lựa chọn những nội dung quan trọng, có khả năng sinh viên sẽ gặp khó khăn, trở ngại trong quá trình học tập.

Bước 3: Lựa chọn biện pháp, cách thức phù hợp kích thích nhu cầu, động cơ, hứng thú học tập cho sinh viên. Tùy theo mỗi nội dung, sẽ có các biện pháp kích thích nhu cầu, động cơ, hứng thú học tập của sinh viên khác nhau.

Bước 4: Tiến hành kích thích nhu cầu, hứng thú học tập của sinh viên bằng biện pháp đã lựa chọn. Đây là bước quan trọng nhất, mang tính chất thực hành biện pháp, có ý nghĩa quyết định chất lượng, hiệu quả thực hiện biện pháp.

c) Ý nghĩa, giá trị của biện pháp:

Đây là biện pháp có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, nó hướng trực tiếp đến khái thác, phát huy nội lực tổng hợp của tính tích cực cá nhân, góp phần khắc phục tình trạng mất cân đối, không hợp lý của sự phân hóa tính tích cực cá nhân trong định hướng mục tiêu nâng cao tính tích cực học tập của người học. Mặt khác, biện pháp cũng định hướng, soi đường cho việc kiến trúc, tạo dựng, phát triển hay tạo mới các thành tố ban đầu cấu thành tính tích cực học tập, sự tương quan, gắn kết giữa động cơ học tập và năng lực học tập - để trên cơ sở đó phát huy tính tích cực học tập của người học.

Chẳng hạn, vận dụng biện pháp này để kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học “Chương 2: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường” [2; tr. 34], trong môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin như sau:

Bước 1: Trước khi đi vào dạy học “Chương 2: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường” [2; tr. 34], trong môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, giảng viên nhấn mạnh mục tiêu học tập, cấu trúc logic nội dung kiến thức và phương pháp tiếp cận cơ bản cần đạt của chương. Khéo léo nhắc nhở ý thức, tinh thần học tập; tạo ra không khí vừa thân thiện, cởi mở, hài hoà, vừa nghiêm túc, nề nếp, kỷ luật trong học tập.

Bước 2: Xác định nội dung cần kích thích nhu cầu, động cơ, hứng thú học tập của sinh viên. Đó là lý luận về giá trị, lượng giá trị, quy luật giá trị của kinh tế hàng hoá; là vấn đề kinh tế thị trường...

Bước 3: Lựa chọn biện pháp, cách thức phù hợp kích thích nhu cầu, động cơ, hứng thú học tập cho sinh viên. Đối với nội dung trên, sẽ có nhiều cách kích thích nhu cầu, động cơ, hứng thú học tập của sinh viên khác nhau. Cách thức mà nhóm nghiên cứu lựa chọn ở đây, là bắt đầu từ một tình huống mà hằng ngày các sinh viên vẫn gặp, nhưng không chú ý, hoặc có chú ý nhưng chưa có điều kiện, tri thức để giải thích được.

Bước 4: Tiến hành kích thích nhu cầu, hứng thú học tập của sinh viên bằng biện pháp đã lựa chọn. Đây là bước quan trọng nhất, mang tính chất thực hành biện pháp, có ý nghĩa quyết định chất lượng, hiệu quả thực hiện biện pháp.

- Có thể bắt đầu từ một tình huống mà hằng ngày các sinh viên vẫn gặp, khi đi mua hàng hoá có giá cả cao (giả định là 3.000.000), mà sinh viên chỉ có,

mang theo duy nhất lượng tiền nhỏ hơn (giả định là 1.000.000; và không có các điều kiện đảm bảo khác), thì người bán hàng hoá có bán cho em không? Vì sao? Cái gì quy định việc trao đổi đó không thể diễn ra.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy, trong mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, có một nội dung quan trọng là kinh tế thị trường. Vậy, quan niệm của Kinh tế chính trị Mác- Lênin về thị trường, nền kinh tế thị trường, các chủ thể tham gia thị trường... như thế nào? Các quan điểm đó ngày nay có ý nghĩa như thế nào với việc xác định mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội...

Với cách làm như trên, sẽ kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học “Chương 2: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường”.

2.2.2.2. Đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ

a) Cơ sở của biện pháp

Một trong các mục tiêu trung tâm, cốt lõi của của công tác đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ hiện nay là thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới phương pháp dạy học sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và nâng cao tính tích cực học tập của người học.

Lý luận dạy học hiện đại đã chỉ rõ đặc trưng của các phương pháp dạy học tích cực là: Dạy và học thông qua tổ chức các hoạt động học tập của sinh viên; Dạy và học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học; Tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác; Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò.

Từ đặc trưng của các phương pháp dạy học tích cực, cho thấy, để nâng cao tính tích cực học tập của người học, thì việc đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, dạy học theo hệ thống tín chỉ là tất yếu. Trong đó, cần chú trọng việc tổ chức các hoạt động học tập của sinh viên. Từ dạy học thụ động sang dạy học tích cực, giảng viên không còn đóng vai trò đơn thuần là người truyền đạt kiến thức, giảng viên trở thành người *gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn, trọng tài, thiết kế, tổ chức, hướng dẫn* các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm nhỏ để sinh viên tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của chương trình.

Như vậy, trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư, để nâng cao tính tích cực học tập của người học thì cần phải đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, dạy học theo hệ thống tín chỉ; chú trọng việc tổ chức các hoạt động học tập của sinh viên.

b) Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Đổi mới hình thức tổ chức dạy học; thiết kế bài giảng môn học theo hướng tổ chức các hoạt động học tập cho sinh viên; tạo điều kiện tối đa cho sinh viên tham gia vào các hoạt động học tập. Trong hoạt động chuẩn bị bài giảng, việc giảng viên chú trọng đổi mới thiết kế bài giảng môn học là một trong những biện pháp góp phần nâng cao tính tích cực học tập của người học, nâng cao hiệu quả dạy học. Trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin việc thiết kế đề cương bài giảng theo hình thức thiết kế các hoạt động học tập của người học cần phải thể hiện rõ:

- Chuỗi hoạt động học của sinh viên thể hiện tiến trình sự phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng. Các hoạt động học xoay quanh việc giải quyết câu hỏi/vấn đề chính của bài giảng đặt ra, chú trọng gắn kết lý luận môn học với thực tiễn.

- Mỗi hoạt động học gắn với những nhiệm vụ học tập giao cho sinh viên, thể hiện rõ nội dung, phương thức hoạt động và kết quả đạt được mà sinh viên phải hoàn thành. Có thể sử dụng một số câu hỏi/bài tập/tình huống thực hiện nhiệm vụ học tập để tổ chức hoạt động học cho sinh viên.

- Các hoạt động học phải thể hiện rõ mục tiêu, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và phương tiện, thiết bị công nghệ dạy học...được sử dụng để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Các hoạt động học cần thể hiện rõ phương án kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của sinh viên. Có thể sử dụng một số câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập để kiểm tra, đánh giá năng lực học tập của sinh viên trên lớp và hoạt động thực tiễn, trải nghiệm.

c) Ý nghĩa, giá trị của biện pháp

Thông qua đổi mới hình thức tổ chức dạy học; tổ chức các hoạt động học tập cho sinh viên; thiết kế bài giảng môn học theo hướng tổ chức các hoạt động học tập cho sinh viên; tạo điều kiện tối đa cho sinh viên tham gia vào các hoạt động học tập, người học sẽ tập trung, chú ý hơn trong học tập; tham gia tích cực vào quá trình học tập, tìm tòi tri thức, phương pháp, cách thức học tập; kết quả học tập do tham gia tích cực vào các hoạt động học tập và tự học, đem lại niềm vui, sự tự tin, làm chủ trong học tập của sinh viên.

Việc thực hiện biện pháp này được thể hiện thông qua việc tăng cường tổ chức các hoạt động học tập cho sinh viên trong các biện pháp khác.

2.2.2.3. Đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực

a. Đổi mới phương pháp thuyết trình – theo hướng sử dụng các hình thức thuyết trình phù hợp nâng cao được tính tích cực học tập của người học...

- Cơ sở của biện pháp:

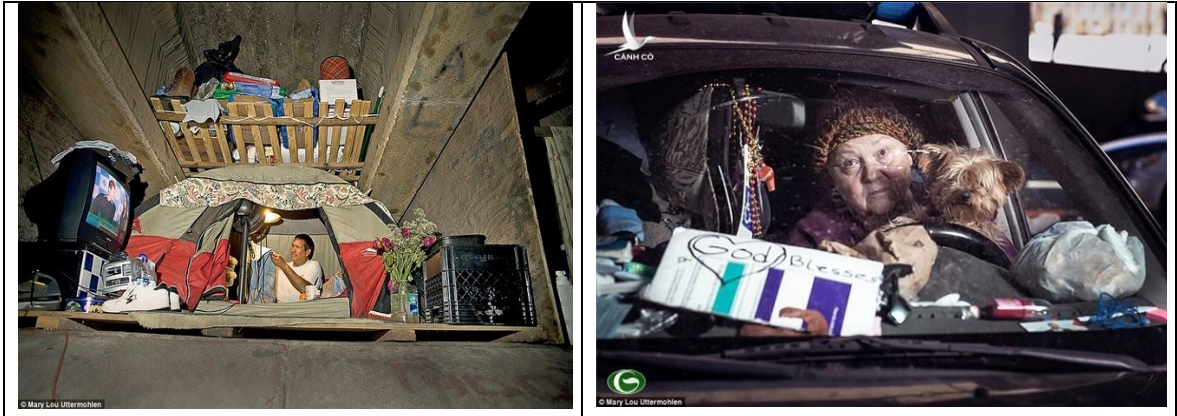
Phương pháp thuyết trình là phương pháp chủ yếu được giảng viên sử dụng trong dạy học. Phương pháp thuyết trình cho phép giảng viên truyền đạt có hiệu quả những nội dung lý luận tương đối khó, trừu tượng, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà sinh viên không dễ dàng tự tìm hiểu được. Phương pháp thuyết trình cho phép giảng viên trình bày một mô hình mẫu của tư duy logic về cách đề cập và lý giải một vấn đề khoa học, về cách dùng ngôn ngữ để diễn đạt những nội dung tri thức phức tạp, trừu tượng một cách rõ ràng, chính xác và súc tích. Từ hình mẫu tư duy khoa học của thầy giáo sẽ giúp cho sinh viên phát triển trí tuệ, hình thành phương pháp nhận thức mới đáp ứng một trong những yêu cầu cơ bản của bậc đào tạo đại học là học phương pháp tư duy. Phương pháp thuyết trình còn cho phép trong một thời gian hạn chế giảng viên có thể truyền đạt một lượng thông tin lớn cùng một lúc cho nhiều sinh viên. Đồng thời giảng viên có thể nhanh chóng đưa những thành tựu khoa học mới nhất và những sự kiện kinh tế chính trị đang nảy sinh để bổ sung cho nội dung bài giảng thêm phong phú, sâu sắc. Mục đích nhiệm vụ của giảng dạy môn kinh tế chính trị không chỉ nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, tư duy kinh tế; thế giới quan, phương pháp luận khoa học, mà còn giáo dục niềm tin và tình cảm sâu sắc trong quá trình lĩnh hội tri thức. Với phương pháp thuyết trình cho phép giảng viên tiếp xúc trực tiếp với sinh viên, truyền cho các em những tư tưởng, tình cảm lành mạnh, cao đẹp của mình, thông qua đó niềm tin và hoài bão được nhân lên. Mặt khác, bằng sự “thần kì” của ngôn ngữ thể hiện qua ngữ điệu, âm thanh khi giảng bài, người giảng viên có khả năng lôi cuốn, kích thích sự tập trung chú ý, phát triển trí nhớ và óc tưởng tượng của sinh viên. Chính vì vậy, phương pháp thuyết trình đã và đang được sử dụng thường xuyên, rộng rãi trong quá trình giảng dạy môn kinh tế chính trị. Tuy nhiên, phương pháp thuyết trình theo kiểu truyền thống cũng đã bộc lộ những hạn chế của nó, cản trở đến hiệu quả nhận thức những tri thức khoa học nói chung và những tri thức môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin nói riêng. Vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin thì sự cần thiết phải đổi mới phương pháp thuyết trình. Đổi mới phương pháp thuyết

trình trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin không có nghĩa là thay đổi phương pháp thuyết trình bằng phương pháp hoàn toàn khác biệt mà làm cho phương pháp này có nội dung phong phú hơn, phát triển hơn, phát huy khả năng tư duy tiếp cận tri thức môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin ở sinh viên; làm cho sinh viên có hứng thú hơn khi tiếp xúc nội dung mỗi bài giảng của giảng viên.

- *Nội dung của biện pháp*: Đổi mới phương pháp thuyết trình – theo hướng sử dụng các hình thức thuyết trình phù hợp nâng cao được tính tích cực học tập của người học...

Thuyết trình theo kiểu thuật chuyện. Hình thức này xuất phát từ yêu cầu của quá trình nhận thức, nó đòi hỏi trong quá trình giảng dạy, giảng viên phải đưa ra những biểu tượng cụ thể về những sự kiện và hiện tượng có thể phản ánh được những phạm trù và quy loại kinh tế. Đó chính là cơ sở của sự bền vững trong nhận thức. Trong kinh tế chính trị, tri giác và biểu tượng của sinh viên được hình thành trong quá trình học tập nhờ vào sự tổng kết những câu chuyện, sử dụng đồ dùng trực quan và tất cả phương thức cụ thể hóa.. Trong đó hình thức thuyết trình theo thuật kể chuyện là việc giảng viên có thể dựa vào những sự kiện kinh tế xã hội, câu chuyện hoặc tác phẩm “văn học, phim ảnh...” làm tư liệu để khái quát, xây dựng lý luận, rút ra kết luận... Hình thức này được Mác sử dụng rất thành công trong quá trình trình bày tất cả các chương của bộ “*Tư bản*”. Chẳng hạn, trong chương 24 quyển 1 của “*Tư bản*” C.Mác đã đặc biệt sử dụng rộng rãi hình thức thuật chuyện lịch sử để phơi bày sự đẫm máu của cái gọi là tích lũy nguyên thủy tư bản chủ nghĩa. Ngày nay, nhờ sự phát triển của kinh tế, khoa học, kỹ thuật và các phương tiện thông tin đã tạo tạo điều kiện cho giảng viên kinh tế chính trị sử dụng nội dung các tài liệu sách, báo, tư liệu, phim... để làm phong phú bài giảng và khắc sâu kiến thức cho sinh viên.

Ví dụ 1: Nói về sự phân hoá giàu nghèo, một trong các mặt trái của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế thị trường, giảng viên có thể đưa ra câu chuyện được viết trên Báo Dân trí “Đằng sau sự giàu có hào nhoáng của nước Mỹ, người ta vẫn thấy ẩn khuất sau đó là mảng tối với những người vô gia cư tạm bợ trong các khu nhà ổ chuột và cuộc sống bấp bênh không biết tới ngày mai”. Nữ nhiếp ảnh gia Mary Lou Utermohlen di chuyển khắp nước Mỹ để ghi hình những người vô gia cư cùng khu ổ chuột xập xệ ngay giữa lòng quốc gia hoa lệ. Chùm ảnh về khu ổ chuột được ghi từ Florida tới Louisiana, cho người xem cảm nhận về góc khuất hay mảng tối đáng buồn ẩn sau vẻ hào nhoáng giàu sang.



Ví dụ 2: Giảng viên có thể dựa vào các bộ phim để thuật chuyện nói về sự phân hoá giàu nghèo khốc liệt qua một số bộ phim Châu Á. Những tác phẩm hào nhoáng về giới tài phiệt đã vẽ trước mắt người xem viễn cảnh về một đất nước trong mơ, nơi đáng sống của biết bao người. Nhưng chúng ta lại quên mất một điều rằng, đằng sau ánh đèn phồn hoa ấy, là những gia đình, mảnh đời vẫn còn chìm trong đói khổ, cơ cực. Hãy cùng điem qua một số bộ phim Châu Á về phân biệt giàu nghèo dưới đây để có cái nhìn rõ nét hơn về cuộc sống khốc liệt này.

“1. Squid Game – Trò Chơi Con Mực (2021); Parasite – Ký Sinh Trùng (2019): xã hội Hàn Quốc đang tồn tại sự phân biệt quá lớn giữa giai cấp giàu nghèo và khoảng cách này đang dần khiến tính mạng, cuộc sống của những người nghèo dần trở nên rẻ rúng.

2. Shoplifters – Gia Đình Đạo Tặc (2018): Nhật Bản – một trong những đất nước siêu cường của Châu Á cũng không thể kìm hãm được sự phân biệt giai cấp giữa các tầng lớp trong xã hội. Với thông điệp nhân văn, cùng các thước phim ẩn tượng, Shoplifters đã tạo nên tiếng vang lớn tại các liên hoan phim quốc tế.

3. Snowpiercer – Chuyến Tàu Băng Giá (2013): Trái Đất đã đóng băng. Những người sống sót cuối cùng phải cố gắng sinh tồn trên một con tàu khổng lồ chạy quanh thế giới, chật vật để cùng tồn tại trước sự cân bằng mong manh. Khoang tàu là nơi trú ẩn của người dân sau hậu tận thế, khi người nghèo trở thành nô lệ cung phụng cho người giàu và phải chấp nhận làm lữ ở cuối khoang và chấp nhận mọi bất công.

Thuyết trình - mô tả, phân tích: Thuyết trình dưới hình thức mô tả có phân tích là chỉ ra những đặc điểm, khía cạnh, các mặt riêng biệt của hiện tượng và quá trình kinh tế cùng các mối liên hệ của chúng. Trên cơ sở đó đưa ra những chứng cứ logic, lập luận chặt chẽ để rút ra bản chất của các hiện tượng. Việc mô tả-phân tích trong giảng dạy kinh tế chính trị có thể được thực hiện bằng nhiều

hình thức khác nhau như sử dụng: công thức, sơ đồ, mô hình hóa, số liệu thống kê... *Ví dụ 1*, thông qua việc thuyết trình mô tả, phân tích đầy đủ vận động của công thức lưu thông hàng hoá giản đơn (H-T-H), vận động của công thức chung tư bản (T-H-T); so sánh vận động công thức lưu thông hàng hoá giản đơn (H-T-H) và công thức chung tư bản (T-H- T'), chúng ta có thể chỉ ra bản chất công thức chung của tư bản. *Ví dụ 2*, thông qua việc thuyết trình mô tả, phân tích vận động đầy đủ của công thức chung tư bản (T-H- T'), chúng ta có thể chỉ ra bản chất của quá trình sản xuất giá trị thặng dư. *Ví dụ 3*, thông qua việc thuyết trình mô tả, phân tích theo hình thức sơ đồ hoá phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối, giảng viên có thể so sánh tìm ra điểm giống nhau và khác nhau của hai phương pháp, trên cơ sở đó nắm rõ bản chất của từng phương pháp sản xuất giá trị thặng dư đó.

Thuyết trình dưới hình thức “luận chiến”- phê phán. Kinh tế chính trị nghiên cứu và vạch ra các vấn đề liên quan trực tiếp đến lợi ích kinh tế thiết thân của các giai cấp và mọi người trong xã hội. Cho nên, trong mỗi luận điểm kinh tế đều bao hàm lợi ích của một giai cấp nhất định. C. Mác nói:”Trong địa hạt kinh tế chính trị, sự nghiên cứu tự do và khoa học gặp nhiều kẻ địch hơn là trong các lĩnh vực nghiên cứu khác. Tính chất đặc biệt của vấn đề mà khoa kinh tế chính trị nghiên cứu, đã làm cho những tình cảm sôi nổi nhất, hèn hạ nhất của lòng người, tất cả mọi sự điên cuồng của lợi ích riêng xông ra chống lại nó”. Tính giai cấp, tính Đảng của kinh tế chính trị đòi hỏi quá trình giảng dạy kinh tế chính trị luôn gắn liền với việc phê phán những quan điểm tầm thường phản khoa học của giai cấp tư sản. Chẳng hạn, khi phân tích những phạm trù: tiền lương, lợi nhuận, địa tô các học giả tư sản không dám thừa nhận tính chất bóc lột của xã hội tư sản. Ngay cả những đại biểu ưu tú và vĩ đại nhất của các nhà kinh tế tư sản như A. Smith, David Ricardo cũng chỉ coi tiền lương là giá cả của lao động và do đó nhà tư sản không bóc lột gì cả. Vì vậy, khi giảng dạy vấn đề này giảng viên cần chỉ ra những sai lầm, thiếu cơ sở khoa học của luận điểm trên để khẳng định rằng: tiền lương trong chủ nghĩa tư bản không phải và không thể là giá cả của lao động, mặc dù nó biểu hiện như là giá trị hay giá cả của sức lao động, nó thể hiện mối quan hệ bóc lột của tư bản đối với lao động. Ngày nay, do thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đã làm cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa có sự biến dạng nhất định, dựa vào đó nhiều học giả tư sản cho rằng chủ nghĩa tư bản đang phát triển thành chủ nghĩa tư bản toàn dân.

Ví dụ 1, luận chiến, phê phán quan điểm chủ nghĩa tư bản phát triển đang mang lại phúc lợi chung cho toàn xã hội, giảng viên có thể thực hiện, dẫn dắt như sau: ở nhiều nước tư bản phát triển bên cạnh việc xuất hiện những nước tư bản mới: sở hữu nhà nước, sở hữu cổ phần...thì điều đáng chú ý là một bộ phận người lao động có cổ phần trong các công ty cổ phần tư bản chủ nghĩa, xu hướng này ngày càng tăng, đời sống ngày càng được cải thiện... Như vậy, chủ nghĩa tư bản phát triển đang mang lại phúc lợi chung cho toàn xã hội. Để phê phán tính chất hời hợt và lừa bịp của luận điểm này giảng viên cần đưa ra những tài liệu, dẫn chứng thực tiễn để chứng minh rằng: giá trị cổ phần của người lao động chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ so với tổng tư bản xã hội. Ví dụ ở Anh: tổng giá trị cổ phần của 20% số người lao động có cổ phần chỉ chiếm 5% giá trị tư bản xã hội... tất cả những điều đó do quan hệ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất quy định.

Ví dụ 2, luận chiến, phê phán những khuyết tật, hạn chế của chủ nghĩa tư bản, giảng viên có thể dựa vào trích đoạn trong bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" như sau: "Cùng với khủng hoảng kinh tế - tài chính là khủng hoảng năng lượng, lương thực, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự suy thoái của môi trường sinh thái,... đang đặt ra những thách thức vô cùng lớn cho sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Các cuộc khủng hoảng đang diễn ra một lần nữa chứng minh *tính không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái* của nó. Theo nhiều nhà khoa học phân tích, các cuộc khủng hoảng hiện nay không thể giải quyết được một cách triệt để trong khuôn khổ của chế độ tư bản chủ nghĩa. Các phong trào phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ tại nhiều nước tư bản phát triển trong thời gian qua càng làm bộc lộ rõ sự thật về bản chất của các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa. Thực tế là các thiết chế dân chủ theo công thức "dân chủ tự do" mà phương Tây ra sức quảng bá, áp đặt lên toàn thế giới không hề bảo đảm để quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân - yếu tố bản chất nhất của dân chủ. Hệ thống quyền lực đó vẫn chủ yếu thuộc về thiểu số giàu có và phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tư bản lớn. Một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân số, nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới 3/4 nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn xã hội. Đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào "99 chống lại 1" diễn ra ở Mỹ đầu năm 2011 và nhanh chóng lan rộng ở nhiều nước tư bản. Sự rêu rao *bình đẳng về quyền* nhưng không kèm theo

sự bình đẳng về điều kiện để thực hiện các quyền đó đã dẫn đến dân chủ vẫn chỉ là hình thức, trống rỗng mà không thực chất. Trong đời sống chính trị, một khi quyền lực của đồng tiền chi phối thì quyền lực của nhân dân sẽ bị lấn át. Vì vậy mà tại các nước tư bản phát triển, các cuộc bầu cử được gọi là "tự do", "dân chủ" dù có thể thay đổi chính phủ nhưng không thể thay đổi được các thể lực thống trị; đằng sau hệ thống đa đảng trên thực tế vẫn là sự chuyên chế của các tập đoàn tư bản"[16]. Qua đó, luận chiến, phê phán tính không bền vững, những hạn chế, khuyết tật của chủ nghĩa tư bản.

b) Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin

** Khái quát về phương pháp đàm thoại tìm tòi*

Phương pháp đàm thoại là phương pháp trong đó người dạy đặt ra hệ thống câu hỏi để người học trả lời, hoặc người học có thể tranh luận với nhau và với cả người dạy; qua đó người học lĩnh hội được nội dung bài học.

Phương pháp đàm thoại có nhiều hình thức. Căn cứ vào mục đích sư phạm của phương pháp đàm thoại, người ta phân biệt: Đàm thoại gợi mở, đàm thoại tổng kết, đàm thoại củng cố, đàm thoại kiểm tra. Căn cứ vào tính chất hoạt động nhận thức, người ta phân biệt: Đàm thoại tái hiện, đàm thoại giải thích – minh họa, đàm thoại tìm tòi – phát hiện. Phương pháp đàm thoại tìm tòi là một hình thức của phương pháp đàm thoại còn được gọi là đàm thoại phát hiện, giải quyết vấn đề hay đàm thoại Orixtic.

Phương pháp đàm thoại tìm tòi là phương pháp tổ chức đối thoại, trao đổi ý kiến tranh luận giữa người dạy với cả lớp hoặc giữa người học với nhau, nhằm giải quyết một vấn đề xác định thông qua đó người học được củng cố, mở rộng, bổ sung kiến thức, có được tri thức mới, cách nhận thức mới, cách giải quyết vấn đề mới. Trong đó, giáo viên dùng một hệ thống câu hỏi được sắp xếp một cách hợp lý để hướng người học từng bước phát hiện ra bản chất của sự vật, tính quy luật của hiện tượng đang tìm hiểu, kích thích sự ham muốn hiểu biết.

Phương pháp đàm thoại phát hiện được vận dụng rộng rãi trong dạy học nhất là đối với những nội dung học tập phức tạp, đòi hỏi phải nghiên cứu, tìm tòi, khám phá, phát hiện. Giá trị tích cực của phương pháp này là: Trong đàm thoại tìm tòi, người dạy là người tổ chức sự tìm tòi, người học là người tự lực phát hiện kiến thức mới. Người học được giáo viên đặt vào vị trí tự lực tìm tòi chân lý. Kết thúc quá trình đàm thoại tìm tòi, giáo viên khéo léo bổ sung, phát triển, hoàn thiện vấn đề trên cơ sở, nền tảng ý kiến trao đổi, tranh luận của người học. Từ đó người học không những nắm được nội dung chủ yếu của bài

học mà còn học được cả phương pháp nhận thức, cách giải quyết một vấn đề nhận thức và cách diễn đạt tư tưởng bằng ngôn ngữ nói. Đồng thời, người học hứng thú, tự tin, có niềm vui sướng của sự nhận thức và khám phá, sự phát triển về tư duy, vì thấy kết luận mà giáo viên vừa nêu có đóng góp quan trọng của chính mình. Như vậy, phương pháp đàm thoại tìm tòi có tác dụng kích thích, bồi dưỡng tích cực, độc lập, sáng tạo, tinh thần tự học, tự nghiên cứu khám phá, năng lực tìm tòi, phát hiện các vấn đề khoa học cho người học; giúp người học tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả học tập của chính mình và người dạy thu nhận được những tín hiệu ngược từ kết quả học tập của người học để kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

** Sự cần thiết vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi*

Trong chương trình, giáo trình, nội dung môn học có nhiều vấn đề, nhiều nội dung phức tạp, trừu tượng sinh viên không thể tiếp cận ngay được, đòi hỏi phải có quá trình tìm tòi, nghiên cứu, phát hiện, giải quyết vấn đề mới đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ học tập.

Trong xu thế đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới dạy học các môn lý luận chính trị nói riêng, đổi mới phương pháp dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin được đặt ra như một yêu cầu khách quan. Vì vậy, cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi để khai thác những giá trị tích cực của nó góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học.

Mặt khác, sinh viên ở nhà trường là người có năng lực trí tuệ, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và rộng mở, có năng lực giải quyết những nhiệm vụ trí tuệ ngày một khó khăn, có nhu cầu khám phá, hiểu biết và học tập. Tuy nhiên, trong học tập môn học hiện nay, còn một bộ phận chưa thực sự tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu, tìm tòi, khám phá môn học.

Tóm lại, yêu cầu về chương trình, giáo trình, nội dung môn học; về đổi mới phương pháp dạy học và đặc điểm sinh viên trong học tập môn học ở nhà trường đòi hỏi phải vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, trong đó có đàm thoại tìm tòi nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn học trong điều kiện nhà trường đang triển khai thực hiện chuyển đổi phương thức đào tạo.

** Quy trình vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi*

Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin có nhiều khâu như: Lựa chọn nội dung; xây dựng hệ thống câu hỏi; thiết kế đề cương bài giảng vận dụng phương pháp; tổ chức trong thực tiễn dạy học... Quy trình vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học môn học, được xây dựng như sau:

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi.

Bước 2: Thiết kế trong đề cương bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi vào dạy học nội dung đã được lựa chọn.

Bước 3: Tổ chức thực hiện đề cương bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong thực tiễn dạy học môn học.

Đây là ba bước “then chốt” quy trình thống nhất biện chứng của sự vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học môn học. Thực hiện đúng quy trình sẽ đảm bảo tính khoa học, sự thành công của vận dụng trong dạy học môn học.

Ví dụ 1: Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi dạy học tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa [2; tr.40].

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi. Đó là tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. Đây vừa là một nội dung quan trọng, vừa là nội dung khá trừu tượng, phức tạp trong chương trình môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Bước 2: Thiết kế trong đề cương bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi vào dạy học những nội dung đã được lựa chọn. Bám sát giáo trình, giảng viên đặt ra hoặc định hướng để sinh viên tự đặt ra và trả lời hệ thống câu hỏi liên quan đến nội dung nghiên cứu:

Ai là người đầu tiên phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa?; Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là gì? Cho ví dụ minh họa?; Tại sao nói, phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là “chìa khóa” giải thích hàng hóa có hai thuộc tính?; Việc phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa có ý nghĩa thế nào?

Bước 3: Tổ chức thực hiện đề cương bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong thực tiễn dạy học môn học. Bám sát đề cương bài giảng, giảng viên tổ chức đàm thoại. Thông qua trả lời của sinh viên và sự “neo chốt” của giảng viên, sinh viên sẽ nắm nội dung và kỹ năng tiếp cận nội dung.

- Ai là người đầu tiên phát hiện ...lao động sản xuất hàng hóa?	C.Mác là người đầu tiên phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá.
- Tính chất hai mặt của lao động sản	Lao động cụ thể là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định,

<p>xuất hàng hóa là gì? Cho ví dụ minh họa?</p>	<p>mỗi lao động cụ thể có mục đích, phương pháp, đối tượng lao động, công cụ lao động và kết quả lao động riêng.</p>			
	<p>Lao động trừu tượng là lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá chỉ xét là sự hao phí sức lao động nói chung (hao phí sức trí óc, sức bắp thịt) không kể hình thức cụ thể nhất định.</p>			
<p>- Tại sao nói, phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là “chìa khóa” giải thích hàng hóa có hai thuộc tính?</p>	<p>Lao động cụ thể tạo ra →</p>	<p>giá trị sử dụng của hàng hóa</p>		
	<p>Lao động trừu tượng tạo ra →</p>	<p>giá trị của hàng hóa</p>		
	<p>Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa</p>	<p>Hai thuộc tính của hàng hóa</p>		
	<p>Quyết định</p>	<p>↑</p>		
<p>- Việc phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa có ý nghĩa khoa học thế nào?</p>	<p>Kết luận: - Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa quyết định tính hai thuộc tính của hàng hóa. - Hàng hóa có hai thuộc tính vì lao động sản xuất hàng hóa có tính chất hai mặt, trong đó lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng, lao động trừu tượng tạo ra giá trị hàng hóa.</p>			
	<p>- Là chìa khóa giải thích hàng hóa có hai thuộc tính. - Đem đến cho lý thuyết lao động sản xuất một cơ sở khoa học, là cơ sở nghiên cứu những vấn đề kinh tế phức tạp ..như sự vận động trái ngược khi khối lượng của cải vật chất ngày tăng lên, đi liền với khối lượng giá trị ngày càng giảm xuống; mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hóa; nguy cơ khủng hoảng; hàng hóa sức lao động ...</p>			

Ví dụ 2: Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi dạy học nội dung hàng hóa sức lao động - chìa khoá giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản [2; tr. 86-88].

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi. Đó là hàng hóa sức lao động - chìa khoá giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản. Đây vừa là một nội dung quan trọng, vừa là nội dung khá trừu tượng, phức tạp trong chương trình môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Bước 2: Thiết kế trong đề cương bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi vào dạy học những nội dung đã được lựa chọn. Bám sát giáo trình, giảng viên đặt ra hoặc định hướng để sinh viên tự đặt ra và trả lời hệ thống câu hỏi liên quan đến nội dung nghiên cứu:

- Để làm rõ mệnh đề hàng hóa sức lao động - chìa khoá giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản, nếu không biết được “công thức chung tư bản”, chúng ta có làm rõ được không? Vì sao?

- Để làm rõ mệnh đề hàng hóa sức lao động - chìa khoá giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản, nếu không nắm vững được “mâu thuẫn công thức chung tư bản” chúng ta có làm rõ được không? Vì sao?

- Để làm rõ mệnh đề hàng hóa sức lao động - chìa khoá giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản, nếu không nắm được khái quát bản chất “hàng hóa sức lao động”, chúng ta có làm rõ được không? Vì sao?

Bước 3: Tổ chức thực hiện đề cương bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong thực tiễn dạy học môn học. Bám sát đề cương bài giảng, giảng viên tổ chức đàm thoại. Thông qua trả lời của sinh viên và sự “neo chốt” của giảng viên, sinh viên sẽ nắm nội dung và kỹ năng tiếp cận nội dung.

- Công thức chung tư bản” là gì?

Công thức chung tư bản : $T - H - T'(1)$. $T' = T + \Delta t$. Công thức (1) là công thức chung tư bản vì mọi tư bản đều vận động theo công thức này.

- Mâu thuẫn công thức chung tư bản được thể hiện như thế nào?

Theo lý luận về giá trị, giá trị hàng hoá là lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá; do đó giá trị chỉ được tạo ra trong sản xuất. Lưu thông dưới bất kỳ hình thức nào dù ngang giá, hay không ngang giá, dù có những kẻ luôn mua rẻ bán đắt cũng không tạo ra giá trị.

Nhìn vào công thức trên, ta thấy, một mặt, giả định (T) bỏ trong két, (H) bỏ trong kho thì nhà tư bản cũng không thu được (T'); mặt khác, nhà tư bản phải bán được hàng hoá mới tiến hành tái sản xuất. Do đó, không có lưu thông không tạo ra giá trị. Như vậy, lưu thông không tạo ra giá trị, nhưng không có lưu thông không tạo ra giá trị.

C.Mác đã khẳng định “Vậy là tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông”. Đó chính là mâu thuẫn chứa đựng trong công thức chung của tư bản. Như vậy, mâu thuẫn của công thức chung của tư bản biểu hiện: Giá trị thặng dư vừa không được tạo ra trong quá trình lưu thông, vừa được tạo ra trong quá trình lưu thông.

- Bản chất “hàng hóa sức lao động” là gì?

Hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt. Hàng hóa sức lao động có giá trị và giá trị sử dụng có tính chất đặc biệt. Giá trị hàng hóa sức lao động đặc biệt vì nó được đo gián tiếp bằng giá trị của những tư liệu sinh hoạt cần thiết để tái sản xuất sức lao động của công nhân; đồng thời giá trị của hàng hóa sức lao động mang tính tinh thần và lịch sử. Giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động đặc biệt vì quá trình tiêu dùng sức lao động đồng thời cũng là quá trình tạo ra một giá trị sử dụng mới (tức hàng hóa thông thường); mặt khác đó cũng là quá trình tạo ra một lượng giá trị mới, lớn hơn giá trị của bản thân nó, bằng giá trị sức lao động cộng với giá trị thặng dư.

- Tại sao nói, Hàng hóa sức lao động - chìa khoá giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản. Hàng hoá sức lao động là “chìa khoá” giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản, vì:

- Vì với việc tìm ra hàng hoá sức lao động C. Mác đã chứng minh lưu thông không tạo ra giá trị, chỉ trong quá trình sản xuất nhà tư bản mua được hàng hoá đặc biệt - hàng hoá sức lao động có giá trị sử dụng có tính chất đặc biệt khi được sử dụng nó làm tăng giá trị, tạo ra giá trị lớn hơn giá trị bản thân nó.

- Tuy nhiên, không có lưu thông không tạo ra giá trị: Nếu không có lưu thông thì không mua được các yếu tố đầu vào của sản xuất, đặc biệt là hàng hoá sức lao động và không bán được hàng hoá sản xuất, nên cũng không thu được giá trị. Do đó, lưu thông là điều kiện, chứ không phải là nguồn gốc tạo ra giá trị.

Như vậy, lưu thông không tạo ra giá trị, lưu thông là điều kiện, chứ không phải là nguồn gốc tạo ra giá trị. Chỉ trong quá trình sản xuất nhà tư bản sử dụng hàng hoá đặc biệt - sức lao động có giá trị sử dụng đặc biệt khi được sử dụng nó làm tăng giá trị, tạo ra giá trị lớn hơn giá trị bản thân nó, mới tạo ra giá trị hàng hoá. Mâu thuẫn công thức chung tư bản đã được giải quyết. Hàng hoá sức lao động là chìa khoá giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản.

Ví dụ 3: Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi dạy học các nội dung - Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư [2; tr.86-88]qua Bài tập kinh tế chính trị.

Trong Kinh tế chính trị Mác - Lênin có hệ thống các khái niệm, phạm trù, quy luật. Để sinh viên nắm bắt bản chất các khái niệm, phạm trù, quy luật cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi để giải các bài tập kinh tế chính trị thông dụng:

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi. Đó là bài tập kinh tế chính trị Mác Lênin. Đây vừa là một nội

dung quan trọng, vừa là nội dung khá trừu tượng, phức tạp trong chương trình môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Qua phương pháp đàm thoại tìm tòi giải quyết các bài tập sinh viên sẽ hiểu một loạt các khái niệm, phạm trù, quy luật, nguyên lý cốt lõi của môn học. Chẳng hạn, một bài tập mang tính thông dụng, tích hợp dưới đây:

Năm 2003 một doanh nghiệp sản xuất Máy vi tính ứng trước 45 triệu USD đầu tư như sau: 25 triệu USD xây dựng nhà xưởng, kho hàng khấu hao trong 50 năm; 10 triệu USD cho lắp đặt máy móc, thiết bị khấu hao trong 20 năm; 5 triệu USD xây dựng các công trình khác phục vụ cho sản xuất, khấu hao trong 20 năm; Còn lại 5 triệu USD đầu tư như sau: 2 triệu USD để mua nguyên, vật liệu 2 tháng một lần; 1,5 triệu USD để mua nhiên liệu 4 tháng một lần; 1,5 triệu USD để trả lương công nhân và quản lí hàng tháng. Cho biết tỷ suất giá trị thặng dư hàng năm là 120%; sản lượng mỗi năm là 100 000 sản phẩm. Hãy xác định:

1) Tổng: Tư bản bất biến, tư bản khả biến, khối lượng giá trị thặng dư, tư bản cố định, tư bản lưu động năm 2003.

2) Giả định khấu hao các yếu tố sản xuất hết trong chu kỳ sản xuất năm 2003 và hao phí lao động cá biệt bằng hao phí lao động xã hội. Tính chi phí thực tế để sản xuất ra một sản phẩm, chi phí tư bản để sản xuất ra một sản phẩm, giá trị thặng dư trong một sản phẩm của năm 2003.

3) Giả định cấu tạo hữu cơ là $3/2$ và tỷ suất giá trị thặng dư là không đổi. Nếu nhà tư bản đầu tư 50 % giá trị thặng dư để tích lũy, đầu tư tái sản xuất mở rộng cho năm 2004 thì lượng tư bản bất biến và khả biến phụ thêm phải là bao nhiêu? Viết sơ đồ tái sản xuất mở rộng năm 2004.

3) Giả định cấu tạo hữu cơ là $3/2$ và tỷ suất giá trị thặng dư là không đổi. Nếu nhà tư bản đầu tư 50 % giá trị thặng dư để tích lũy, đầu tư tái sản xuất mở rộng cho năm 2004 thì lượng tư bản bất biến và khả biến phụ thêm phải là bao nhiêu? Viết sơ đồ tái sản xuất mở rộng năm 2004.

Bước 3: Tổ chức thực hiện đề cương bài giảng trong thực tiễn dạy học môn học. Bám sát đề cương bài giảng, giảng viên tổ chức đàm thoại. Trong đàm thoại giảng viên yêu cầu sinh viên tập trung làm rõ khái niệm, bản chất, cách tính từng nội dung trong yêu cầu của bài tập. Thông qua hệ thống câu trả lời của sinh viên và sự “neo chốt” của giảng viên, sinh viên sẽ nắm nội dung và có kỹ năng tiếp cận vấn đề.

1) Tổng: Tư bản bất biến, tư bản khả biến, khối lượng giá trị thặng dư, tư bản cố định, tư bản lưu động năm 2003.

$$\Sigma(\text{C năm 2003}) = [25/50 + 10/20 + 5/20 + (2 \times 6) + (1,5 \times 3)] = 17,75 \text{ tr USD}$$

$$\Sigma(\text{V năm 2003}) = [1,5 \times 12] = 18 \text{ tr USD.}$$

$$\Sigma(\text{M năm 2003}) = m' \times V = 120\% \times 18 = 21,6 \text{ tr USD.}$$

$$\Sigma(\text{TBCĐ}) = [25/50 + 10/20 + 5/20] = 1,25 \text{ tr USD.}$$

$$\Sigma(\text{TBLĐ}) = [(2 \times 6) + (1,5 \times 3) + (1,5 \times 12)] = 34,5 \text{ tr USD}$$

2) Tính chi phí thực tế để sản xuất ra một sản phẩm, tính chi phí tư bản để sản xuất ra một sản phẩm, giá trị thặng dư thu được trong một sản phẩm của năm 2003.

$$- (C_{2003} + V_{2003} + M_{2003}) / Q_{2001} = (17,75 + 18 + 21,6) / 0,1 = 573,5 \text{ USD/1SP}$$

$$- (C_{2003} + V_{2003}) / Q_{2003} = (17,75 + 18) / 0,1 = 357,5 \text{ USD/1SP.}$$

$$- \text{Giá trị thặng dư} : 573,5 \text{ USD/1SP} - 357,5 \text{ USD/1SP} = 216 \text{ USD/1SP.}$$

3) Giả định cấu tạo hữu cơ là 3/2 và tỷ suất giá trị thặng dư là không đổi. Nếu nhà tư bản đầu tư 50 % giá trị thặng dư để tích lũy, đầu tư tái sản xuất mở rộng cho năm 2004 thì lượng tư bản bất biến và khả biến phụ thêm phải là bao nhiêu? Viết sơ đồ tái sản xuất mở rộng năm 2004.

$$+ C/V = 3/2; m' = 120\%;$$

$$+ 50\% M \text{ năm 2003} = 21,6 \times 50\% = 10,8 \text{ tr USD.}$$

$$+ C(\text{pt2004}) = (10,8 \times 3) / 5 = 6,48 \text{ tr USD.}$$

$$+ V(\text{pt2004}) = (10,8 \times 2) / 5 = 4,32 \text{ tr USD.}$$

+ Viết sơ đồ tái sản xuất mở rộng năm 2004:

$$(18,25 + 6,48)C + (18 + 4,32)V + (2,16 + 5,184)M.$$

Tóm lại, qua thực tiễn vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở nhà trường, cho thấy những giá trị tích cực của phương pháp đàm thoại tìm tòi bước đầu được phát huy trong dạy học môn học: Sinh viên và giảng viên có điều kiện đi sâu khám phá giải quyết được những nội dung cơ bản, phức tạp, trừu tượng; sinh viên trở nên hưng phấn, tích cực, chủ động, sáng tạo hơn; không chỉ tiếp cận được nội dung mà còn phương pháp học tập hiệu quả; giảng viên trở thành người định hướng, hướng dẫn, điều khiển, thiết kế quá trình học tập hiệu quả. Từ kết quả đó, quá trình dạy học môn học, tiếp cận được triết lý dạy học hiện đại, giảng viên dạy cách học, phương pháp học; sinh viên không chỉ học nội dung tri thức mà còn học cách học, phương pháp học; cách dạy, phương pháp dạy của giảng viên. Điều này rất cần thiết trong quá trình đào tạo, nhất là trong đào tạo sinh viên sư phạm của nhà trường.

c) Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học

Phương pháp dạy học nêu vấn đề là phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực tư duy, khả năng nhận biết và giải quyết vấn đề. Học được đặt

trong một tình huống có vấn đề, đó là tình huống chứa đựng mâu thuẫn nhận thức, thông qua việc giải quyết vấn đề, giúp sinh viên lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức. Dạy học giải quyết vấn đề là con đường cơ bản để phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên, có thể áp dụng trong nhiều hình thức dạy học với những mức độ tự lực khác nhau của sinh viên. Các tình huống có vấn đề là những tình huống khoa học chuyên môn, cũng có thể là những tình huống gắn với thực tiễn. Phương pháp dạy học nêu vấn đề là phương pháp giảng viên đặt ra hoặc giúp sinh viên phát hiện một hay hệ thống vấn đề học tập, đưa sinh viên vào tình huống có vấn đề, sau đó giảng viên phối hợp cùng sinh viên giải quyết vấn đề, đi đến những kết luận cần thiết. Phương pháp dạy học nêu vấn đề có các hình thức chủ yếu là: Trình bày nêu vấn đề, nêu vấn đề một phần, nêu vấn đề toàn phần, nêu vấn đề có tính giả thuyết, nêu vấn đề so sánh, tổng hợp.

Giá trị tích cực của phương pháp dạy học nêu vấn đề là có giá trị nổi trội trong việc kích thích, nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên; sinh viên bị lôi cuốn vào tình huống có vấn đề và quá trình giải quyết tình huống có vấn đề; qua đó không chỉ nắm được nội dung kiến thức mà còn nắm được phương pháp, cách thức, kỹ năng giải quyết tình huống có vấn đề; sinh viên có được sự thỏa mãn nhu cầu, niềm vui của khám phá và cảm giác thành công trong học tập; phát triển năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên, giúp sinh viên đạt mục tiêu dạy học...

Điều kiện của dạy học nêu vấn đề có hiệu quả là: 1) Tuân thủ logic tiến trình dạy học nêu vấn đề: Tạo tình huống có vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận vấn đề. 2) Phải xây dựng được tình huống có vấn đề thỏa mãn các điều kiện: phải tồn tại dưới hình thức bài toán nhận thức; phải có quan hệ với chủ thể hành động, phải tạo được niềm tin và kích thích được tính tích cực, hứng thú giải quyết vấn đề của chủ thể. 3) Kỹ năng dẫn dắt, điều khiển sinh viên phát hiện và giải quyết tình huống có vấn đề.

Việc vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin có thể tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Đặt vấn đề

Trọng tâm trong bước này là tạo tình huống vấn đề; phân tích tình huống; nhận biết, trình bày vấn đề cần giải quyết.

Ở bước này, giảng viên đưa ra vấn đề cần trình bày. Phần lớn các trường hợp là đặt ra cho sinh viên câu hỏi có vấn đề, để kích thích sự chú ý, tư duy của sinh viên. Nội dung câu hỏi có vấn đề, tức là bức xúc, “chọc tức” tư duy, hiểu

biết của sinh viên càng nhiều thì giá trị kích thích, nâng cao tính tích cực học tập đối với sinh viên càng cao. Trong câu hỏi đó chứa đựng mâu thuẫn giữa kiến thức cũ và mới, giữa cái đã biết và chưa biết.

Ví dụ 1: Trong Chương 3, “Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường” [2; tr.84-123], Phần I. “Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư”, trong mục “Hàng hoá sức lao động”[2; tr.86-88], khẳng định: Hàng hoá sức lao động là hàng hoá đặc biệt, giá trị sử dụng của nó có thể tạo ra một lượng giá trị cao hơn giá trị bản thân nó.

Từ cách đặt vấn đề trên, giảng viên nhấn mạnh sinh viên cần nghiên cứu, tìm hiểu để giải thích rõ cơ chế: Hàng hoá sức lao động là hàng hoá đặc biệt, giá trị sử dụng của nó có thể tạo ra một lượng giá trị cao hơn giá trị bản thân nó? Hay nói cách khác: Hàng hoá sức lao động là hàng hoá đặc biệt, giá trị sử dụng của nó có thể tạo ra một lượng giá trị cao hơn giá trị bản thân nó, nghĩa là thế nào?

Bước 2: Nghiên cứu và giải quyết vấn đề

So sánh với các nhiệm vụ đã giải quyết; Tìm các cách giải quyết mới; Hệ thống hoá, sắp xếp các phương án giải quyết.

Trong bước này, giảng viên có thể tiếp tục thuyết trình để giải quyết vấn đề đã nêu ra hoặc có thể tiếp tục nêu những câu hỏi ngắn để dẫn dắt sinh viên trả lời.

- Đối với hàng hoá thông thường, khi được sử dụng, giá trị sử dụng của nó tác động như thế nào đến giá trị hàng hoá? (Làm hao mòn, cạn kiệt dần giá trị hàng hoá)

- Đối với hàng hoá sức lao động, khi được sử dụng, giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động tác động như thế nào đến giá trị hàng hoá? (Làm tăng thêm giá trị hàng hoá, tạo ra một lượng giá trị lớn hơn giá trị bản thân nó ban đầu).

- Giải thích

Bước 3: Kết luận vấn đề

Phân tích các phương án; Đánh các phương án; Quyết định; Giải quyết. Trong bước này, trên cơ sở những quan điểm vấn đề giảng viên thuyết trình ở trên hoặc sinh viên tham gia trình bày, giảng viên khái quát hóa nội dung để trả lời câu hỏi chính.

Ví dụ 2: Khi người công nhân bán sức lao động cho nhà tư bản được đảm bảo bằng một hành vi rất văn minh, hiện đại, sảng phẳng là kí kết hợp đồng và nhà tư bản cam kết trả lương theo đúng giá trị hàng hoá sức lao động của người công nhân. Nhưng nhìn lại quá trình người công nhân bán sức lao động cho nhà

tư bản và quá trình sử dụng sức lao động của người công nhân trong quá trình sản xuất tư bản thì thấy có những vấn đề sau:

+ Khi bán sức lao động về nguyên tắc người công nhân chỉ bán được cái gì mà mình có, cái mà công nhân có đó chính là sức lao động cá nhân, (Như vậy, nhà tư bản chỉ trả cho sức lao động cá nhân); nhưng trong quá trình sản xuất tư bản, bằng sản xuất máy móc, dây chuyền hiện đại, nhà tư bản không sử dụng sức lao động cá nhân mà là sử dụng sức lao động tập thể của người công nhân. Sức lao động tập thể của người công nhân có thể tạo ra một lượng giá trị lớn hơn nhiều so với sức lao động cá nhân, riêng rẽ của người công nhân.

+ Trong quá trình sản xuất tư bản, do yêu cầu của đòi hỏi kỹ thuật, hiện đại hoá sản xuất do sức ép của sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, của cạnh tranh, nên người công nhân phải luôn luôn, không ngừng nâng cao trình độ tri thức, kinh nghiệm, tay nghề, kỹ năng công tác...

+ Trong quá trình sản xuất tư bản, sức lao động của người công nhân có đặc tính đặc biệt có khả năng phục hồi, tái sinh, chu chuyển giá trị. Người công nhân qua quá trình lao động, họ có thể mệt nhọc, cạn kiệt sức lao động, nhưng qua nghỉ ngơi, sức lao động của họ có khả năng phục hồi, tái sinh. Hơn nữa, “nó” có khả năng chu chuyển giá trị vào trong “thế giới” các hàng hoá do công nhân sản xuất ra trong quá trình sản xuất lâu dài của mình.

Những vấn đề trên là câu trả lời cho câu hỏi: Hàng hoá sức lao động là hàng hoá đặc biệt, giá trị sử dụng của nó có thể tạo ra một lượng giá trị cao hơn giá trị bản thân nó. Nói cách khác, nó là câu trả lời làm rõ “cơ chế” để hàng hoá sức lao động thể tạo ra một lượng giá trị cao hơn giá trị bản thân nó. Đó là một trong các vấn đề cơ bản, mấu chốt trong các vấn đề lý luận của môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

d) Vận dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học môn học

Phương pháp nghiên cứu trường hợp là phương pháp dạy học, trong đó người học tự lực nghiên cứu một tình huống trong thực tiễn và giải quyết các vấn đề của tình huống đặt ra. Trọng tâm của phương pháp nghiên cứu trường hợp là việc phân tích và giải quyết các vấn đề của một trường hợp (tình huống) được lựa chọn trong thực tiễn.

Mục tiêu của môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin là: Trang bị cho sinh viên những tri thức cốt lõi của Kinh tế Chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước, thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng,

tư duy, phẩm chất dạy học, tính liên thông, khắc phục sự trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với sinh viên các trường Đại học, Cao Đẳng không chuyên lý luận; Hình thành tư duy kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường; Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin đối với sinh viên. Kinh tế chính trị Mác - Lênin là môn học có nội dung gắn bó chặt chẽ với thực tiễn sinh động đang đổi thay hàng ngày. Trong thực tiễn dạy học hiện nay, dạy học giải quyết vấn đề thường chú ý đến những vấn đề khoa học chuyên môn mà ít chú ý hơn đến các vấn đề gắn với thực tiễn. Tuy nhiên, nếu chỉ chú trọng việc giải quyết các vấn đề nhận thức trong khoa học chuyên môn thì sinh viên vẫn chưa được chuẩn bị tốt cho việc giải quyết các tình huống thực tiễn. Vì vậy, bên cạnh dạy học giải quyết vấn đề, lý luận dạy học còn xây dựng quan điểm dạy học theo tình huống, nghiên cứu trường hợp. Vì vậy, vận dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học môn học là rất phù hợp. Trường hợp tốt là phương tiện chuyển tải một mảng thực tế vào phòng để sinh viên và giảng viên cùng học. Những trường hợp như vậy có tác dụng rất lớn, sử dụng thực tiễn để tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên.

Giá trị tích cực của phương pháp nghiên cứu trường hợp là phương pháp dạy học có giá trị trong việc kích thích, nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên, tích cực hóa động cơ người học; tạo điều kiện cho việc xây dựng tình huống nhằm gắn lý thuyết với thực tiễn; tạo điều kiện cho người học thảo luận nhóm và cộng tác làm việc; phát triển các năng lực then chốt chung như năng lực quyết định, năng lực giải quyết vấn đề, tính sáng tạo của người học; góp phần thực hiện một trong các mục tiêu then chốt của môn học gắn lý thuyết với thực hành, thực hành hóa lý thuyết môn học.

Điều kiện của dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp có hiệu quả là: 1) Tuân thủ logic tiến trình phương pháp nghiên cứu trường hợp: Tìm các trường hợp giả định hay thực tế có liên quan phù hợp với mục tiêu, nội dung bài giảng; giảng viên định hướng cho sinh viên nghiên cứu, giải quyết trường hợp. 2) Phải huy động, động viên, khuyến khích được tối đa sinh viên tham gia giải quyết trường hợp. 3) coi trọng vai trò của người điều khiển và cách dẫn dắt buổi giải quyết trường hợp. Nếu không điều khiển và cách dẫn dắt tốt, có thể có những thành viên “quá tích cực”, số khác thụ động.

Sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin có thể theo các bước:

Bước 1: Tìm các trường hợp giả định hay thực tế có liên quan phù hợp với mục tiêu, nội dung bài giảng.

Bước 2: Giảng viên định hướng cho sinh viên nghiên cứu, giải quyết trường hợp. Sau đó giảng viên kết luận, chốt lại kiến thức của bài.

Ví dụ 1: Khi dạy Chương 5, Phần III, “Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam” [2; tr.94-97], phần 2 “Vai trò của Nhà nước trong đảm bảo hài hoà các quan hệ lợi ích”; mục c) “Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với phát triển xã hội” [2; tr.217-219]; giảng viên có thể sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học nội dung này theo các bước như sau:

Bước 1: Tìm các trường hợp giả định hay thực tế có liên quan phù hợp với mục tiêu, nội dung bài giảng.

Việc tìm các trường hợp này có thể thông qua sách, báo, website, liên hệ tri thức lý luận với thực tiễn... Trường hợp có thể được trình bày dưới dạng viết, một đoạn phim, một mẫu kịch ngắn, nhưng thông dụng nhất là dạng viết.

Dựa vào nội dung Chương 5, Phần III, “Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam” [2; tr.94-97], phần 2 “Vai trò của Nhà nước trong đảm bảo hài hoà các quan hệ lợi ích”; mục c) “Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với phát triển xã hội” [2; tr. 217-219], giảng viên có thể đưa ra trường hợp:

1/ Có quan điểm khẳng định vai trò của Nhà nước trong “kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với phát triển xã hội” trong thời kỳ đổi mới đất nước được thực hiện khá tốt?

2/ Anh (chị) cho biết ý kiến của mình trước khẳng định trên? 3/ Nếu nhất trí hoặc không nhất trí với khẳng định trên, thì lý do Anh (Chị) đưa ra là gì?

4/. Anh (chị) có thể đưa ra ý kiến, sáng kiến gì để Nhà nước ta phát huy tốt vai trò của mình trong “kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với phát triển xã hội” trong thời gian sắp tới?

Bước 2: Giảng viên định hướng cho sinh viên nghiên cứu, giải quyết trường hợp. Sau đó giảng viên kết luận, chốt lại kiến thức của bài.

Ở bước này, giảng viên giúp sinh viên nhớ lại những kiến thức đã có liên quan đến nội dung trường hợp, đồng thời tích hợp với những kiến thức bản thân để giải quyết trường hợp. Chẳng hạn, với ví dụ trên ta có thể làm như sau:

1/. Dựa trên giáo trình môn học và gợi mở, hướng dẫn của giảng viên, sinh

viên từng bước tìm ra vai trò của Nhà nước trong “kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với phát triển xã hội” được thể hiện trên các phương diện chủ yếu nào?

2/. Giảng viên gợi mở, hướng dẫn sinh viên từng bước tìm ra các phương diện chủ yếu thể hiện vai trò của Nhà nước trong “kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với phát triển xã hội” trong thực tiễn.

3/ Từ những các phương diện chủ yếu thể hiện vai trò của Nhà nước trong “kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với phát triển xã hội” trong thực tiễn đã tìm được, giảng viên gợi mở, hướng dẫn để sinh viên cho biết ý kiến của mình (nhất trí hoặc không nhất trí) trước khẳng định trên?;

4/. Giảng viên gợi mở, hướng dẫn để sinh viên có thể đưa ra ý kiến, kiến nghị, sáng kiến đóng góp để Nhà nước ta phát huy tốt vai trò của mình trong “kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với phát triển xã hội” trong thời gian sắp tới?. Đây chính là những giải pháp giảng viên cần gợi mở để sinh viên đưa ra cách thức và quan điểm xử lý trường hợp trên.

Ví dụ 2: Khi dạy Chương 3, Phần III, “Sự sản xuất ra giá trị thặng dư” [2; tr. 88-92], giảng viên có thể sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học nội dung này theo các bước như sau:

Bước 1: Tìm các trường hợp giả định hay thực tế có liên quan phù hợp với mục tiêu, nội dung bài giảng.

* Khái quát nội dung quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

- Quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng, giá trị, và giá trị thặng dư. Mục đích cao nhất của nhà tư bản là giá trị, giá trị thặng dư. Mà giá trị, giá trị thặng dư chỉ được tạo ra trong sản xuất.

- Vì vậy, muốn thu được giá trị, giá trị thặng dư nhà tư bản phải bỏ tiền mua các yếu tố đầu vào của sản xuất như tư liệu sản xuất; sức lao động... để tiến hành sản xuất. Do đó, quá trình sản xuất tư bản có đặc điểm: Công nhân làm việc dưới sự kiểm soát của nhà tư bản; Toàn bộ sản phẩm làm ra thuộc về nhà tư bản. Mặt khác, khi nghiên cứu quá trình sản xuất giá trị thặng dư, cần giả định:

- + Nhà tư bản mua tư liệu sản xuất và sức lao động đúng giá trị;
- + Khấu hao máy móc, vật tư đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;
- + Năng suất lao động đạt một trình độ nhất định;

+ Nhà tư bản - người mua sức lao động là chủ sở hữu thuần túy, không tham gia vào quá trình lao động quản lý.

- Trong quá trình sản xuất, bằng lao động cụ thể, công nhân chuyển giá trị tư liệu sản xuất vào trong sản phẩm thông qua khấu hao; bằng lao động trừu tượng, người công nhân tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó. Đó là giá trị thặng dư mà nhà tư bản thu được.

- Đó là toàn bộ quá trình sản xuất giá trị thặng dư. Vậy, giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người bán sức lao động (người lao động làm thuê) tạo ra và thuộc về nhà tư bản (người mua hàng hóa sức lao động). C.Mác ký hiệu giá trị thặng dư là m.

Việc tìm các trường hợp này có thể thông qua sách, báo, website, liên hệ tri thức lý luận với thực tiễn... Trường hợp có thể được trình bày dưới dạng viết, một đoạn phim, một mẫu kịch ngắn, nhưng thông dụng nhất là dạng viết.

* Dựa vào nội dung quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trên đây, giảng viên có thể đưa ra trường hợp: Trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư, đã giả định nhà tư bản - người mua sức lao động là chủ sở hữu thuần túy, không tham gia vào quá trình lao động quản lý. Vì vậy, bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người bán sức lao động (người lao động làm thuê) tạo ra và thuộc về nhà tư bản (người mua hàng hóa sức lao động) gọi là giá trị thặng dư. Và bản chất của giá trị thặng dư là nhà tư bản bóc lột sức lao động của người công nhân. Nhưng trong thực tế đời sống lại nảy sinh các tình huống sau, bạn sẽ giải quyết như thế nào?:

- Trong trường hợp nhà tư bản - người mua sức lao động, không phải là chủ sở hữu thuần túy, họ tham gia vào lao động quản lý, thì có phải toàn bộ giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người bán sức lao động (người lao động làm thuê) tạo ra và thuộc về nhà tư bản (người mua hàng hóa sức lao động) là giá trị thặng dư không? Tại sao?

- Giải thích tại sao khi nghiên cứu về quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư C.Mác phải đặt ra giả định người mua sức lao động là nhà tư bản với tư cách là chủ sở hữu thuần túy, không tham gia vào quá trình lao động để tạo ra giá trị mới?

- Hiện nay, trên thực tế, đa số người mua sức lao động cũng phải tham gia quản lý và hao phí sức lao động. Trong điều kiện này, khi đề cập đến quá trình sản xuất giá trị thặng dư, người học cần nhận thức, phân biệt được vấn đề gì để tránh sai lầm, ngộ nhận?

Bước 2: Giảng viên định hướng cho sinh viên nghiên cứu, giải quyết

trường hợp. Sau đó giảng viên kết luận, chốt lại kiến thức của bài.

đ). Sử dụng kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực học tập của người học

Kỹ thuật dạy học là những cách thức hành động của của giảng viên và sinh viên trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các kỹ thuật dạy học là những đơn vị nhỏ nhất của phương pháp dạy học. Có những kỹ thuật dạy học chung, có những kỹ thuật đặc thù của từng phương pháp dạy học, ví dụ kỹ thuật đặt câu hỏi trong đàm thoại. Ngày nay người ta chú trọng phát triển và sử dụng các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học như “động não”, “tia chớp”, “bể cá”, XYZ, Bản đồ tư duy...

** Sử dụng kỹ thuật công não trong dạy học*

Kỹ thuật công não do nhà nghiên cứu người Mỹ A. Osborn đưa ra từ những năm 1950, dựa trên kỹ thuật Ấn Độ Prai Barshana. Ông đề ý những người giàu trí tư tưởng có khả năng đề xuất nhiều ý tưởng, có những người khác lại giỏi phân tích, phê phán những ý tưởng đã sẵn có. Trong các cuộc bàn bạc hai loại người này thường “ngáng chân” nhau. Do sợ bị phê phán, chỉ trích những người hay đề xuất ý tưởng trở nên rụt rè, e ngại nên một cuộc họp bàn “trang trọng” thường không có được những ý tưởng bất ngờ, độc đáo. Ông đề nghị tách thành hai giai đoạn: Giai đoạn đề xuất ý tưởng và giai đoạn phân tích, phê phán ý tưởng để hình thành một kỹ thuật dạy học - kỹ thuật công não (Brain Stomning).

Động não (công não) là một kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra “con lốc” các ý tưởng). Công não (động não, tập kích não...) là một kỹ thuật dạy học huy động những ý tưởng mới mẻ, độc đáo và sự cộng hưởng các ý tưởng sáng tạo của sinh viên nhằm tạo ra một “con lốc các ý tưởng”, về một chủ đề nhất định trong một thời gian ngắn để giải quyết bài toán nhận thức. Nó hướng tới kích thích tư duy và phát triển các ý tưởng sáng tạo của đông đảo sinh viên. Thực chất kỹ thuật dạy học công não là giảng viên đặt ra bài toán nhận thức và huy động đông đảo sinh viên đề xuất ý tưởng để giải quyết mà không có sự nhận xét, đánh giá, phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng. Sự phân tích, lựa chọn các ý tưởng sáng tạo từ sinh viên để giải quyết vấn đề học tập chỉ diễn ra sau khi thu thập các ý tưởng.

Kỹ thuật dạy học công não được ứng dụng rộng rãi trong giai đoạn nhập đề vào một chủ đề, tìm kiếm các phương án giải quyết vấn đề, thu thập các khả năng lựa chọn khác nhau. Sử dụng kỹ thuật dạy học công não cần tuân theo các nguyên tắc: Mỗi thành viên phải nêu ra một ý tưởng hay một đề nghị; Mỗi ý tưởng dù sai lầm hay thực tế đều được đưa ra mà không đánh giá, phê phán trong quá trình thu thập; đối với mỗi vấn đề có một “vòng động não”, trong mỗi “vòng động não” cần được tiến hành từ 05 – 10 phút, mỗi thành viên chỉ được đưa ra một ý tưởng; tất cả các ý tưởng đều được chép lên bảng để cho các thành viên nhìn thấy. *Các bước tiến hành kỹ thuật dạy học công não:* Người điều phối dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề; Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình: trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau; Kết thúc việc đưa ra ý kiến; Đánh giá: Lựa chọn sơ bộ các suy nghĩ, chẳng hạn theo khả năng ứng dụng Có thể ứng dụng trực tiếp; Có thể ứng dụng nhưng cần nghiên cứu thêm; Không có khả năng ứng dụng. Đánh giá những ý kiến đã lựa chọn. Rút ra kết luận hành động. *Ưu điểm kỹ thuật dạy học công não:* Dễ thực hiện; Không tốn kém; Sử dụng được hiệu ứng cộng hưởng, huy động tối đa trí tuệ của tập thể; Huy động được nhiều ý kiến; Tạo cơ hội cho tất cả thành viên tham gia. *Nhược điểm kỹ thuật dạy học công não:* Có thể đi lạc đề, tản mạn; Có thể mất thời gian nhiều trong việc chọn các ý kiến thích hợp; Có thể có một số HS „quá tích cực“, số khác thụ động.

Quy trình thực hiện kỹ thuật công não trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Từ việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn vận dụng, chúng tôi rút ra quy trình thực hiện kỹ thuật công não trong dạy học như sau:

Bước 1: Giảng viên đưa ra một hệ thống thông tin làm tiền đề dẫn nhập chủ đề và xác định rõ vấn đề cần tìm kiếm giải quyết trước lớp.

Bước 2: Kích thích, khích lệ người học suy nghĩ, nghiên cứu, trao đổi, thảo luận đề xuất ý tưởng, đóng góp ý kiến.

Bước 3: Thu thập các ý tưởng, các cách giải quyết vấn đề của các thành viên. Liệt kê tất cả các ý tưởng lên bảng, không loại trừ ý kiến nào trừ trùng lặp.

Bước 4: Đánh giá, lựa chọn các ý tưởng, các phương án giải quyết các vấn đề học tập.

Như vậy, thực hiện kỹ thuật dạy học công não cần phải tuân thủ quy trình trên. Trong quy trình mỗi bước có chức năng, nhiệm vụ của nó và để lại những giá trị dạy học riêng. Cần tránh hai thái cực: Coi nhẹ, xem thường, tự ý cắt bỏ

hay quá đề cao, coi trọng một bước nào đó. Vì thực chất đây là hai thái cực của cùng một sai lầm, làm sai lệch quy trình. Thực hiện đúng, đủ, hiệu quả các bước trong quy trình là cơ sở để đem lại giá trị tích cực của kỹ thuật dạy học công não.

Vận dụng kỹ thuật công não dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Kinh tế chính trị Mác – Lênin đã và đang là môn học quan trọng trong hệ thống các môn học lý luận chính trị ở trường đại học. Môn học là sự khái quát những vấn đề kinh tế cơ bản nhất trong học thuyết Mác - Lênin, mang tính trừu tượng cao, trữ lượng kiến thức lớn, gắn bó chặt chẽ với thực tiễn sinh động đang đổi thay hàng ngày. Người học là những sinh viên trưởng thành, có trình độ, giàu ý tưởng đang thực hiện hoạt động học xét về bản chất là hoạt động nhận thức của nhà khoa học trẻ. Kiến thức môn học, đối tượng người học, trình độ dạy học đòi hỏi giảng viên bộ môn phải có phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học tương ứng để hướng dẫn, tổ chức cho sinh viên học tập có hiệu quả. Một trong những biện pháp cần vận dụng dạy học môn học là kỹ thuật công não. Dưới đây là một vài ví dụ minh họa mà chúng tôi đã áp dụng trong dạy học cho sinh viên :

Ví dụ 1: Sử dụng kỹ thuật công não dạy học mục (2) – “Hàng hoá” [2; tr. 37-46]. Giảng viên thực hiện như sau:

Bước 1: Đặt vấn đề chúng ta đã nghiên cứu về hai thuộc tính của hàng hoá. Vậy, hai thuộc tính đó có điểm giống và khác nhau như thế nào ?

Bước 2: Khích lệ người học suy nghĩ, đề xuất ý tưởng giải quyết bài toán nhận thức: Việc tìm ra lời giải cho bài toán sẽ giúp chúng ta có một cái nhìn sâu hơn, hệ thống hơn về hai thuộc tính của hàng hoá.

Bước 3: Gọi sinh viên đề xuất các ý tưởng và liệt kê các ý tưởng lên bảng.

Bước 4: Đánh giá, lựa chọn các ý tưởng. Tập hợp ý tưởng đó cần đạt.

Giống nhau: Giá trị sử dụng và giá trị đều là một thuộc tính của hàng hoá; thiếu một trong hai thuộc tính vật phẩm không phải là hàng hoá.

Khác nhau: Giá trị sử dụng là phạm trù vĩnh viễn, là thuộc tính tự nhiên của hàng hoá và giá trị là phạm trù lịch sử, là thuộc tính xã hội của hàng hoá; Giá trị sử dụng do thuộc tính tự nhiên của vật phẩm quy định, phụ thuộc vào trình độ phát triển của khoa học kỹ thuật và giá trị do hao phí lao động xã hội của người sản xuất...quyết định, phụ thuộc vào năng suất lao động xã hội; Giá trị sử dụng là điều kiện của giá trị trao đổi vì người ta chỉ trao đổi hàng hoá có giá trị sử dụng khác nhau và giá trị là cơ sở, nội dung của giá trị trao đổi. Trong trao đổi phải dựa trên nguyên tắc ngang giá trị; Giá trị sử dụng của những hàng

hoá khác nhau, giá trị sử dụng khác nhau về chất và giá trị của những hàng hoá khác nhau đồng nhất với nhau về chất chỉ khác nhau về lượng; Giá trị sử dụng được thực hiện trong lĩnh vực tiêu dùng và giá trị được thực hiện trong lĩnh vực lưu thông; Giá trị sử dụng là mục đích của người mua, nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng và giá trị là mục đích của người sản xuất, nhằm thoả mãn nhu cầu sản xuất...

Ví dụ 2: Sử dụng kỹ thuật công não dạy phần I - “Nguồn gốc của giá trị thặng dư” [2; tr. 85]. Giảng viên thực hiện như sau:

Bước 1: Khẳng định chúng ta đã nghiên cứu: Mâu thuẫn công thức chung tư bản và hàng hoá sức lao động, vấn đề đặt ra là: Tại sao nói, hàng hoá sức lao động là chìa khoá giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản?

Bước 2: Khuyến khích sinh viên suy nghĩ, đề xuất ý tưởng giải quyết bài toán nhận thức: Tìm ra được câu trả lời sẽ giúp ta hiểu sâu sắc kết cấu logic tri thức của bài học.

Bước 3: Gọi sinh viên đề xuất ý tưởng giải quyết bài toán nhận thức và liệt kê tất cả các ý tưởng lên bảng trừ trùng lặp.

Bước 4: Đánh giá, lựa chọn ý tưởng. Ý tưởng được lựa chọn cần đạt: Với việc tìm ra hàng hoá sức lao động đã chứng tỏ lưu thông không tạo ra giá trị. Nguồn gốc của giá trị tăng thêm trong công thức chung tư bản là do giá trị sử dụng của hàng hoá đặc biệt sức lao động tạo ra trong quá trình sản xuất.

Ví dụ 3: Dạy phần “Tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v)” [2; tr. 92-93], bằng kỹ thuật công não.

Bước 1: Khẳng định chúng ta nghiên cứu “Tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v)”. Để diễn tả vai trò của các loại hình tư bản trên trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư, C. Mác dùng hình ảnh: *Vai trò của bình cổ cong trong phản ứng hoá học. Hãy cho biết dụng ý so sánh của C. Mác?*

Bước 2: Sau khi xác định vấn đề cần tìm kiếm, khuyến khích sinh viên đề xuất ý tưởng giải quyết vấn đề: Tìm ra được dụng ý so sánh của C. Mác sẽ giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về bản chất của quá trình sản xuất giá trị thặng dư (m).

Bước 3: Gọi sinh viên đề xuất ý tưởng giải quyết bài toán nhận thức và liệt kê các ý tưởng lên bảng trừ trùng lặp. Nếu cần có những gợi mở cần thiết.

Bước 4: Đánh giá lựa chọn ý tưởng. Ý tưởng được lựa chọn là: C. Mác ví tư bản bất biến (c) có vai trò như “bình cổ cong” đối với phản ứng hoá học, không có “bình cổ cong”, không thực hiện được phản ứng hoá học, nhưng có nó thì nó không tham gia vào việc tạo ra chất mới. Tương tự, không có tư bản

bất biến (c) thì không thực hiện được quá trình sản xuất giá trị thặng dư (m) mà có tư bản bất biến (c) thì nó cũng không tham gia vào tạo ra giá trị mới trong kết cấu giá trị của hàng hoá. Còn tư bản khả biến (v) có vai trò như những chất hoá học được xúc tác trong “bình cổ công” tạo ra chất mới, giá trị mới. Do vậy, nguồn gốc duy nhất của giá trị thặng dư (m) là do tư bản khả biến (v) tạo ra và giá trị thặng dư (m) là bóc lột sức lao động không công của người công nhân.

Ví dụ 4: Khi giảng dạy xong phần I, II, III, của Chương 3, “*Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường*” [2; tr. 112], muốn tạo ra sự tập trung sự chú ý của sinh viên vào bài giảng, giảng viên có thể dẫn dắt: Theo tư duy thông thường thì trong nền kinh tế thị trường, nhà tư bản cá biệt phải bán hàng hoá cao hơn giá trị thì mới có lãi, tuy nhiên trong Giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin lại khẳng định nhà tư bản cá biệt có thể bán hàng hoá thấp hơn hoặc bằng giá trị hàng hoá và cao hơn chi phí sản xuất tư bản thì đã có lãi. Giảng viên dẫn dắt mang tính chất đặt vấn đề: Điều khẳng định trên trong Giáo trình có vẻ phi lý, mâu thuẫn?

Từ đó giảng viên đặt vấn đề: Để giải quyết điều có vẻ phi lý, mâu thuẫn trên đây, theo Anh (Chị), ta cần phải vận dụng khối kiến thức cơ bản nào môn học để giải quyết và giải quyết như thế nào?

- Vận dụng khối kiến thức cơ bản môn học để giải quyết: Lý luận của Kinh tế chính trị Mác – Lênin về kết cấu giá trị của hàng hoá; về quá trình sản xuất giá trị thặng dư; đặc biệt là lý luận về lợi nhuận, chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa...

- Vận dụng khối kiến thức trên đây để giải quyết và giải quyết như sau:

+ Để sản xuất một đơn vị hàng hoá nhà tư bản cá biệt chỉ cần đầu tư một khoản Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là K, bao gồm: (c) và (v). Khi sản xuất do (v) - hàng hoá sức lao động là hàng hoá đặc biệt, giá trị sử dụng của nó có thể tạo ra một lượng giá trị bản thân nó. Do đó, kết cấu giá trị hàng hoá trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là: $G = c + v + m$. Như vậy, để sản xuất một đơn vị hàng hoá nhà tư bản cá biệt chỉ phải bỏ ra chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là $K = c + v$.

+ Vì vậy, trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa: Nhà tư bản cá biệt chỉ cần bán hàng hóa với giá cao hơn chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là đã có lợi nhuận. Bán hàng hóa bằng hoặc thấp hơn giá trị (với điều kiện cao hơn chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa) cũng có thể đã có lợi nhuận.

Như vậy, qua các ví dụ trên đây cho thấy vận dụng kỹ thuật dạy học công nghệ nào cho sinh viên cho thấy giá trị tích cực của kỹ thuật này là: Đặt người học

trước vấn đề học tập, tức là tạo ra điểm giao tiếp giữa tri thức đã biết với tri thức chưa biết, kích thích sự tìm tòi theo đuổi tri thức từ những tri thức đã có đến tri thức mới; Trên cơ sở đó thúc đẩy nhóm hoặc cá nhân hoạt động tích cực, các thành viên trong nhóm khích lệ lẫn nhau cộng với sự cổ vũ của giảng viên tạo nên không khí sôi nổi, dân chủ, hào hứng, cởi mở trong lớp học; Từ đó tác động mạnh mẽ vào quá trình nhận thức, năng lực hoạt động trí tuệ, rèn luyện bản lĩnh và phong cách tư duy khoa học cho sinh viên. Cuối cùng thu được “một con lóc các ý tưởng sáng tạo” của sinh viên để giải quyết vấn đề học tập trong một thời gian ngắn.

** Sử dụng biện pháp tinh giản nội dung dạy học*

Sự chỉ đạo giảm tải, sự thay đổi tên gọi, mục tiêu môn học, kinh nghiệm tiếp cận lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, đặc trưng kiến thức môn học (trừu tượng, phong phú), trình độ nhận thức của người học quy định nội dung dạy học môn học phải đảm bảo tính cơ bản, sâu sắc, thiết thực. Nội dung tri thức môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin rất phong phú, đề cập đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, quan hệ chặt chẽ với các môn khoa học khác... Vì vậy, giảng viên chỉ có thể tập trung làm nổi bật những nội dung cơ bản nhất, làm cơ sở, nền tảng cho quá trình tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Thực tiễn dạy học môn học cho thấy trình độ nhận thức, khả năng tư duy trừu tượng của người học còn hạn chế. Vì vậy, hướng cho người học tự nắm được những tri thức cơ bản, điển hình, sâu sắc, thiết thực sẽ làm cho họ nắm bắt, nhớ lâu, hiểu sâu vấn đề nghiên cứu. Xuất phát từ những nhân tố của quá trình dạy học môn học (mục tiêu, nội dung, trình độ nhận thức người học...) nói trên, người dạy cần phải biết *tinh giản nội dung dạy học* để chọn lọc những tri cơ bản, điển hình, sâu sắc, thiết thực phù hợp với đối tượng người học.

Tinh giản nội dung dạy học là “làm đơn giản hoá về khối lượng và mức độ khó của một nội dung dạy học để phù hợp với khả năng nhận thức của người học”. Tinh giản nội dung dạy học có hai loại, tinh giản nội dung dạy học theo chiều rộng làm đơn giản hoá về khối lượng nội dung dạy học để phù hợp với khả năng nhận thức của người học và tinh giản nội dung theo chiều sâu làm đơn giản hoá mức độ khó của nội dung dạy học để phù hợp với khả năng nhận thức của người học.

Yêu cầu đặt ra với biện pháp tinh giản nội dung dạy học là chọn đúng nội dung cần phải tinh giản; xác định đúng loại hình tinh giản nội dung dạy học; lựa chọn đúng loại hình tinh giản theo chiều rộng hay chiều sâu; thực hiện

đúng quy trình tinh giản nội dung dạy học; đáp ứng yêu cầu cốt lõi là sinh viên dễ tiếp nhận tri thức, nhớ lâu, hiểu sâu nội dung học tập.

Giá trị tích cực của biện pháp tinh giản nội dung dạy học là: Kiến thức được tinh giản, cô đọng. Sinh viên tiếp thu bài học một cách tích cực, chủ động, sáng tạo, vừa nắm được các thao tác tư duy, các cách thức tinh giản nội dung học tập, vừa nắm được nội dung học tập một cách rõ ràng, dễ hiểu. Để đảm bảo tính cơ bản, sâu sắc, thiết thực nội dung dạy học giảng viên phải biết và hướng dẫn cho sinh viên cách khái quát, phân loại, chọn lọc kiến thức điển hình, hữu ích từ giáo trình. Quy trình thực hiện:

Bước 1: Xác định cấu trúc tri thức của nội dung dạy học

Bước 2: Xác định tri thức đóng vai trò trung tâm, tri thức đóng vai trò thứ yếu trong cấu trúc tri thức của nội dung dạy học.

Bước 3: Xác định những tri thức thứ yếu có thể “lướt qua” và những tri thức đóng vai trò trung tâm cần được “nhấn mạnh” để đảm bảo nội dung cơ bản.

Ví dụ 1: Vận dụng biện pháp tinh giản nội dung dạy học đảm bảo tính cơ bản, sâu sắc, thiết thực vào dạy học nội dung II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa [2; tr. 187].

Với nội dung II. *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* chúng tôi lựa chọn hình thức tinh giản theo chiều rộng. Nghĩa là đơn giản hoá về khối lượng nội dung dạy học để phù hợp với khả năng nhận thức của người học. Quy trình để tinh giản theo chiều rộng nội dung dạy học này là:

Bước 1: Xác định cấu trúc tri thức của nội dung dạy học: Sự cần thiết hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Bước 2: Xác định tri thức đóng vai trò trung tâm, tri thức đóng vai trò thứ yếu trong cấu trúc tri thức của nội dung dạy học.

- Tri thức đóng vai trò trung tâm là nội dung chính của hai nội dung sự cần thiết hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được trình bày.

- Tri thức đóng vai trò thứ yếu trong cấu trúc tri thức của nội dung dạy học là sự phân tích, giảng giải hai nội dung chính: Sự cần thiết hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được trình bày.

Bước 3: Xác định những tri thức thứ yếu có thể “lướt qua” và những tri thức đóng vai trò trung tâm cần được “nhấn mạnh” để đảm bảo nội dung cơ bản.

- Xác định những tri thức thứ yếu có thể “lướt qua”: Tri thức đóng vai trò thứ yếu trong cấu trúc tri thức của nội dung dạy học là sự phân tích, giảng giải hai nội dung: Sự cần thiết hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được trình bày.

- Xác định những tri thức đóng vai trò trung tâm cần được “nhấn mạnh” để đảm bảo nội dung cơ bản: Tri thức đóng vai trò trung tâm là nội dung chính của sự cần thiết hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được trình bày.

** Trích dẫn kinh điển một cách hợp lý trong dạy học*

Một nét đặc trưng trong quá trình giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin là sử dụng các trích dẫn từ các tác phẩm kinh điển. Việc trích dẫn từ các tác phẩm kinh điển vừa làm tăng mức độ tin cậy, chính xác của các quan điểm trình bày, vừa làm cho văn phong trình bày thêm biến hoá, linh hoạt, uyển chuyển, tránh nhàm chán; làm tăng sức hấp dẫn, kích thích tính tích cực tư duy của người nghe. Song, nếu lạm dụng trích dẫn kinh điển quá nhiều sẽ làm cho bài giảng khô khan, cứng nhắc, thiếu sức thuyết phục, hoặc nếu trích dẫn kinh điển quá ít, nghệ thuật trình bày trích dẫn kinh điển hạn chế trong quá trình giảng dạy sẽ làm giảm độ tin cậy, sức hấp dẫn của bài giảng. Vì vậy, trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin để kích thích tính tích cực học tập, nâng cao hiệu quả giảng dạy phải sử dụng biện pháp trích dẫn kinh điển hợp lý. Thực chất của biện pháp này là trong quá trình giảng dạy môn học giảng viên phải biết lựa chọn những lời trích dẫn kinh điển điển hình, phù hợp với nội dung bài giảng, trình độ nhận thức của sinh viên để đưa vào bài giảng với nghệ thuật trình bày trích dẫn kinh điển giàu sức thuyết phục để lôi cuốn sự tập trung, kích thích tính tích cực tư duy của sinh viên.

Cơ sở lựa chọn biện pháp này là xuất phát từ nguồn nội lực kinh điển to lớn của môn học, từ yêu cầu dạy học môn học cũng như từ giá trị tích cực được tạo ra từ việc sử dụng biện pháp. Tính tích cực của biện pháp này là ở chỗ trích dẫn kinh điển hợp lý tạo nên độ tin cậy vững chắc của tri thức; sự biến hoá linh hoạt trong văn phong trình bày; xen lẫn sự "cài đặt" trạng thái xúc cảm, tình cảm, thái độ của người dạy, lôi cuốn, tập trung sự chú ý của sinh viên, làm cho sinh viên tích cực,

chủ động trong nhận thức bài giảng.

Đây là biện pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực học tập mà tinh thần cơ bản là người dạy sử dụng nguồn kinh điển hợp lý phù hợp với nội dung tri thức, trình độ nhận thức của người học kết hợp với nghệ thuật trình bày trích dẫn kinh điển giàu sức thuyết phục nhằm lôi cuốn, kích thích tính tích cực tư duy của người học. Quy trình thiết kế cho biện pháp là:

Bước 1: Xác định chuẩn xác nội dung kiến thức. Để xác định nội dung kiến thức, giảng viên cần nghiên cứu kỹ, tìm hiểu sâu chương trình, giáo trình môn học. Đó là cơ sở "nền tảng" và "chất liệu" cơ bản để xây dựng cấu trúc lôgic tri thức bài học, từ đó xác định đúng đắn nội dung tri thức nào cần trích dẫn kinh điển.

Bước 2: Căn cứ vào giáo trình rà soát, phát hiện điểm hợp lý và chưa hợp lý của việc trích dẫn kinh điển (trích dẫn quá nhiều hoặc quá ít) với nội dung tri thức bài học, trình độ nhận thức của người học.

Bước 3: Nghiên cứu, sưu tầm, điều chỉnh nguồn trích dẫn kinh điển phù hợp với nội dung tri thức, trình độ nhận thức của người học, khả năng của người dạy... Việc trích dẫn kinh điển hợp lý phụ thuộc vào nhiều nhân tố nhưng nhân tố quan trọng và quyết định nhất là nội dung tri thức bài học. Đảm bảo sự sát hợp, tương thích giữa trích dẫn kinh điển với nội dung tri thức bài học là nhân tố quyết định nhất sự thành công của biện pháp.

Ví dụ 1: Vận dụng biện pháp trích dẫn kinh điển một cách hợp lý vào dạy học nội dung tư bản bất biến và tư bản khả biến [2; tr. 92-93],

Bước 1: Xác định chuẩn xác nội dung kiến thức – Sự khác biệt bản chất giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến trong mối quan hệ với việc tạo ra giá trị thặng dư.

Bước 2: Căn cứ vào giáo trình rà soát, phát hiện điểm hợp lý và chưa hợp lý của việc trích dẫn kinh điển (trích dẫn quá nhiều hoặc quá ít) với nội dung tri thức bài học, trình độ nhận thức của người học. Trong giáo trình chưa đưa ra trích dẫn kinh điển để làm rõ sự khác biệt bản chất giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến trong mối quan hệ với việc tạo ra giá trị thặng dư.

Bước 3: Nghiên cứu, sưu tầm, điều chỉnh nguồn trích dẫn kinh điển phù hợp với nội dung tri thức, trình độ nhận thức của người học, khả năng của người dạy... C. Mác dùng hình ảnh: “vai trò của bình cổ công trong phản ánh hoá học” để diễn tả tư bản bất biến là điều kiện (cái bình cổ công trong phản ứng hoá học); tư bản khả biến là nguồn gốc tạo giá trị thặng dư (các hợp chất trong phản ứng hoá học)... Với cách nói hình ảnh, gần gũi với sinh viên như trên sẽ làm cho người

học dễ hiểu, thú vị hơn, tích cực hơn trong học tập.

Ví dụ 2: Vận dụng biện pháp trích dẫn kinh điển một cách hợp lý vào dạy học chương 5: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam” [2; tr. 169-224],

Bước 1: Xác định chuẩn xác nội dung kiến thức – Sự cần thiết khách quan của phát triển Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Bước 2: Căn cứ vào giáo trình rà soát, phát hiện điểm hợp lý và chưa hợp lý của việc trích dẫn kinh điển (trích dẫn quá nhiều hoặc quá ít) với nội dung tri thức bài học, trình độ nhận thức của người học. Trong giáo trình chưa đưa ra trích dẫn kinh điển để làm rõ sự cần thiết khách quan của phát triển Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Bước 3: Nghiên cứu, sưu tầm, điều chỉnh nguồn trích dẫn kinh điển phù hợp với nội dung tri thức, trình độ nhận thức của người học, khả năng của người dạy... Các quan điểm của C. Mác, Ph. Ăng-ghen, V.I. Lênin về tư bản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như:

- Ph. Ăng-ghen nhận định: “Không có chế độ nô lệ thì không có quốc gia Hy Lạp, không có nghệ thuật và khoa học Hy Lạp; không có chế độ nô lệ thì không có Đế chế La Mã. Mà không có cái cơ sở của nền văn minh Hy Lạp và Đế chế La Mã thì không có châu Âu hiện đại... Theo ý nghĩa đó, chúng ta có quyền nói rằng: không có chế độ nô lệ cổ đại, thì không có chủ nghĩa xã hội hiện đại”.

- Chủ nghĩa tư bản ra đời “thấm đầy máu và bùn nhơ trong mỗi lỗ chân lông của nó”, nhưng nó lại tiến bộ hơn sản xuất nhỏ, phân tán của nông dân và thợ thủ công độc lập, cá thể, mặc dù sản xuất hàng hóa nhỏ không có quan hệ bóc lột. Vì lẽ đó, C. Mác đã nhấn mạnh: “Chúng ta đau khổ không những vì sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, mà còn đau khổ vì nó phát triển chưa đầy đủ. Ngoài những tai họa của thời đại hiện nay ra, chúng ta còn phải chịu đựng cả một loạt những tai họa kế thừa do chỗ các phương thức sản xuất cổ xưa lỗi thời vẫn tiếp tục sống dai dẳng với những quan hệ chính trị và xã hội trái mùa do chúng đẻ ra” [6; tr.19]

- Lênin viết: “Nếu có kinh tế nhỏ, nếu có tự do trao đổi, là chủ nghĩa tư bản xuất hiện. Nhưng chủ nghĩa tư bản ấy có đáng sợ không...? Lúc đó tôi đã nói và bây giờ tôi nhắc lại - và cho đó là điều không bác bỏ được - rằng đối với chúng ta chủ nghĩa tư bản ấy không đáng sợ” [14; tr.68-69].

- “Dưới sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân, có thể sử dụng chủ nghĩa tư bản tư nhân (chứ đừng nói gì chủ nghĩa tư bản nhà nước nữa) để xúc

tiến chủ nghĩa xã hội. Điều đó hình như là ngược đời: chủ nghĩa tư bản tư nhân mà lại đóng vai trò trợ thủ cho chủ nghĩa xã hội à? Nhưng điều đó không có gì là ngược đời cả” [15; tr. 266 - 268]... Với cách nói hình ảnh, gần gũi với sinh viên như trên sẽ làm cho người học dễ hiểu, thú vị hơn, tích cực hơn trong học tập.

2.2.2.4. Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học

a. Tầm quan trọng của việc hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Tự học, tự nghiên cứu là cốt lõi của học tập, nghiên cứu; là một mục tiêu quan trọng; là bản chất, động lực nội lực quyết định chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học chỉ là ngoại lực, là tác nhân, hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo cho sinh viên tự học; vấn đề quan trọng cơ bản nhất không phải là dạy của sinh viên, mà là học tập, nghiên cứu của sinh viên; hơn nữa, xét về thời gian việc học cơ bản diễn ra không phải bên trong mà là bên ngoài lớp học. Bản chất của việc dạy học nói chung và dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin nói riêng, cũng như thực tiễn dạy học hiện nay, quy định hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu thành một mục tiêu quan trọng. Môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin có tri thức khá trừu tượng, phong phú, sinh động. Nhiều nội dung tri thức môn học, sinh viên tự mình khó có thể tự học, tự nghiên cứu hiệu quả nếu không có hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Hiện nay, các trường đại học đang triển khai đào tạo môn học theo học chế tín chỉ, quá trình dạy học được rút ngắn thời gian trên lớp, tăng thời gian tự học của sinh viên, trong khi đó, ở khả năng, năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên là rất hạn chế; sinh viên ít có được sự hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu phù hợp giúp họ sử dụng tối ưu hóa cơ hội học tập đến với họ. Từ đó cho thấy, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên và hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên là rất cần thiết, quan trọng. Vì vậy, phải coi trọng tự học, tự nghiên cứu và tiến hành đổi mới phương pháp dạy học, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu để nâng cao năng lực tự học môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên.

Giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là tài liệu “hạt nhân”, là nguồn kiến thức chính, chủ đạo, là sự triển khai và phát triển chương trình trong quá trình dạy học môn học. Để dạy học có chất lượng, sinh viên phải định hướng, dẫn dắt, gợi mở để sinh viên biết cách và thực hiện có hiệu quả việc nghiên cứu giáo trình; khai thác, phát huy được vai trò, giá trị của giáo trình trong dạy học. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của phương pháp truyền thống, hầu hết quá trình dạy học môn học được triển khai theo hướng sinh viên đọc, nghiên cứu, tóm lược kiến thức cơ bản giáo trình, sau đó truyền thụ thẳng, trực tiếp

đến sinh viên. Do đó, giá trị của “tam giác dạy học” (Giáo trình, nội dung dạy học - khách thể; sinh viên - chủ thể; sinh viên - tác nhân) không khai thác được nhiều; sinh viên thiếu phương pháp, cách thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết để nghiên cứu giáo trình. Đó là lực cản chủ yếu làm giảm khả năng, hiệu quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Vì vậy, để hiệu quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được phát huy cần đặc biệt coi trọng hướng dẫn nghiên cứu giáo trình cho sinh viên. Tìm ra các biện pháp hướng dẫn sinh viên nghiên cứu giáo trình, nâng cao chất lượng tự học, tự nghiên cứu là đòi hỏi khách quan, vừa mang tính cơ bản lâu dài, vừa mang tính cấp bách trong dạy học. Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin cho sinh viên là đưa ra những định hướng, dẫn dắt, gợi mở để sinh viên nghiên ngẫm, suy xét, nghiên cứu, tìm ra phương pháp, cách thức, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cơ bản, cần thiết để khai thác, phát huy, giá trị, hiệu quả của giáo trình môn học.

b) Mục tiêu, nội dung và cách thực hiện hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin: Nghiên cứu hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin nhằm tìm ra các cách thức, biện pháp có hiệu quả để hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu, nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin - với tư cách là tài liệu chính, chủ yếu của quá trình học tập, nhằm nâng cao năng lực tự học môn học của sinh viên.

Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu là định hướng, dẫn dắt, gợi mở của sinh viên để sinh viên tự giác, chủ động, độc lập, tự mình phát huy các phẩm chất, năng lực trí tuệ và hành động, sức mạnh trí tuệ và cơ bắp trong học tập, nghiên cứu để chiếm lĩnh tri thức của nhân loại, phát triển và hoàn thiện các năng lực, phẩm chất của cá nhân. Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu, có nhiều cách thức: Hướng dẫn cách lập kế hoạch tự học; cách tự xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, biện pháp học tập; cách nghe, cách ghi, cách nhớ nội dung dạy học; cách nghiên cứu giáo trình; cách khai thác, lựa chọn tài liệu học tập và huy động các nguồn lực phục vụ cho quá trình tự học, tự nghiên cứu... Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu cần triển khai theo hướng: Lựa chọn nội dung; xác định loại hình; thiết kế và thực hiện nội dung dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu.

c). Quy trình thực hiện hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin:

Bước 1: Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trong giáo trình môn học có những vấn đề

sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu được; có những vấn đề sinh viên không hoặc khó tự học, tự nghiên cứu được. Đối với những vấn đề trong giáo trình sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu được thì không phải hướng dẫn; có những vấn đề sinh viên không hoặc khó tự học, tự nghiên cứu được thì cần thiết phải hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Vì vậy, khâu đầu tiên của hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học là phải xác định, nghiên cứu, tìm hiểu lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình.

Bước 2: Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Căn cứ vào nội dung trong giáo trình; đối tượng, trình độ, tư duy người học; năng lực giảng viên, xác định, lựa chọn loại hình thức hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình cho phù hợp.

Bước 3: Thiết kế và thực hiện dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin

d) Vận dụng một số vấn đề lý luận vào việc thực hành hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu, có nhiều cách thức, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một loại hình của hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu môn học. Cơ bản quy trình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin cần triển khai theo hướng: Lựa chọn nội dung; xác định loại hình; thiết kế và thực hiện nội dung dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu.

Ví dụ 1: Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình nội dung - “thuộc tính của hàng hóa” trong môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin, bằng phương pháp đặt câu hỏi gợi mở.

Bước 1: Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu - “thuộc tính của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Bước 2: Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Căn cứ vào nội dung trong giáo trình; đối tượng, trình độ, tư duy người học; năng lực giảng viên, xác định, lựa chọn loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình cho phù hợp.

Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu nội dung - “thuộc tính của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Bước 3: Thiết kế và thực hiện nội dung - “thuộc tính của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin dạy học theo hướng hướng dẫn tự

học, tự nghiên cứu.

Nghiên cứu giáo trình môn học, Anh (Chị) hãy cho biết: Phương pháp nghiên cứu có hiệu quả nội dung - “thuộc tính của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Nghiên cứu từng thuộc tính của hàng hóa, sau đó đặt trong mối tương quan so sánh).

* Nghiên cứu từng thuộc tính của hàng hóa - Giá trị sử dụng của hàng hóa

Giá trị sử dụng là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người (nhu cầu vật chất hoặc nhu cầu tinh thần; cũng có thể cho nhu cầu tiêu dùng cá nhân, có thể là nhu cầu tiêu dùng cho sản xuất).

Giá trị sử dụng gắn liền với vật phẩm, là một phạm trù vĩnh viễn. Giá trị sử dụng do thuộc tính tự nhiên của vật phẩm, trình độ phát triển khoa học công nghệ; trình độ nhận thức của con người...

Giá trị sử dụng của những hàng hóa khác nhau là khác nhau về chất. Giá trị sử dụng là điều kiện của giá trị trao đổi, vì trong trao đổi người ta phải trao đổi hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau.

Giá trị sử dụng chỉ thể hiện khi con người sử dụng hay tiêu dùng, được thực hiện trong lĩnh vực tiêu dùng. Giá trị sử dụng là cái cần cơ bản của người tiêu dùng, người mua. Vì trong mua bán, người tiêu dùng, người mua cũng quan tâm đến giá trị, nhưng mối quan tâm lớn nhất của người mua là giá trị sử dụng...

* Đặt trong mối tương quan so sánh - Giá trị sử dụng với giá trị của hàng hóa

Nghiên cứu giáo trình môn học, Anh (Chị) hãy cho biết:

1. Giá trị trao đổi của hàng hóa là gì? Tại sao, hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau lại có thể trao đổi được với nhau?

2. Căn cứ, cơ sở để hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau lại có thể trao đổi được với nhau là gì? Làm rõ quan điểm: Thực chất của quá trình trao đổi hàng hóa là trao đổi “lao động xã hội cần thiết” kết tinh trong hàng hóa?

3. Sau khi đặt cơ sở cho việc nghiên cứu giá trị của hàng hóa, giảng viên hướng dẫn sinh viên thiết lập bảng so sánh, gọi mở, giá trị sử dụng với giá trị của hàng hóa, theo mô hình gọi mở dưới đây:

Giá trị sử dụng của hàng hóa	Giá trị của hàng hóa
Giá trị sử dụng là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người (nhu cầu vật chất hoặc nhu cầu tinh thần; cũng có thể cho nhu cầu tiêu dùng cá nhân, có thể là nhu cầu tiêu dùng	Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa.

cho sản xuất).	
Giá trị sử dụng gắn liền với vật phẩm, là một phạm trù vĩnh viễn.	Giá trị hàng hóa chỉ tồn tại trong nền sản xuất hàng hóa, là một phạm trù lịch sử.
Giá trị sử dụng do thuộc tính tự nhiên của vật phẩm, trình độ phát triển khoa học công nghệ; trình độ nhận thức của con người...	Giá trị hàng hóa do hao phí lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng quyết định.
Giá trị sử dụng của những hàng hóa khác nhau là khác nhau về chất.	Giá trị của những hàng hóa khác nhau đồng nhất với nhau về chất, chỉ khác nhau về lượng.
Giá trị sử dụng là điều kiện của giá trị trao đổi, vì trong trao đổi người ta phải trao đổi hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau.	Giá trị là nội dung, cơ sở của giá trị trao đổi, vì trong trao đổi người ta phải dựa trên cơ sở giá trị của hàng hóa.
Giá trị sử dụng chỉ thể hiện khi con người sử dụng hay tiêu dùng, được thực hiện trong lĩnh vực tiêu dùng.	Giá trị thể hiện thông qua giá trị trao đổi, được thực hiện trong lĩnh vực trao đổi, lưu thông...
Giá trị sử dụng là cái căn cơ bản của người tiêu dùng, người mua. Vì trong mua bán, người tiêu dùng, người mua cũng quan tâm đến giá trị, nhưng mối quan tâm lớn nhất của người mua là giá trị sử dụng...	Giá trị là cái căn cơ bản của người sản xuất, người bán. Vì trong mua bán, người bán, người sản xuất cũng quan tâm đến giá trị sử dụng, nhưng mối quan tâm lớn nhất của họ là giá trị, là thu được nhiều tiền hơn...

Qua nghiên cứu, so sánh trên đây, cho thấy một vật, khi đã là hàng hóa thì nhất thiết nó phải có giá trị sử dụng. Nhưng không phải bất cứ vật gì có giá trị sử dụng cũng đều là hàng hóa. Một vật, ngoài giá trị sử dụng muốn trở thành hàng hóa nó phải được bán, được trao đổi, cũng có nghĩa là vật đó phải có giá trị, giá trị trao đổi. Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hoá. Nhưng không phải hao phí lao động nào của con người kết tinh trong sản phẩm cũng là giá trị hàng hóa. Chỉ trong những xã hội người ta làm ra sản phẩm để trao đổi thì hao phí lao động đó mới mang hình thái giá trị; chỉ có hao phí lao động xã hội cần thiết của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa mới là giá trị hàng hóa.

Như vậy, thuộc tính tự nhiên của hàng hóa là giá trị sử dụng, thuộc tính xã hội của hàng hóa là hao phí lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa và là giá trị hàng hoá. Bất kỳ một vật nào muốn trở thành hàng hóa đều phải có đủ hai thuộc tính: Giá trị sử dụng và giá trị, nếu thiếu một trong hai thuộc tính đó không thể là hàng hóa.

Nghiên cứu giáo trình môn học, Anh (Chị) hãy lấy ví dụ minh họa và giải thích nội dung quan điểm:

Không phải hao phí lao động nào của con người kết tinh trong sản phẩm cũng là giá trị hàng hóa. Chỉ trong những xã hội người ta làm ra sản phẩm để trao đổi thì hao phí lao động đó mới mang hình thái giá trị; chỉ có hao phí lao động xã hội cần thiết của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa mới là giá trị hàng hóa.

Ví dụ 2: Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình nội dung - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa” trong môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin [2; tr.25-26], bằng phương pháp dạy cách học, kỹ năng học.

Bước 1: Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Bước 2: Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu nội dung - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là dạy cách học, kỹ năng học.

Bước 3: Thiết kế và thực hiện nội dung - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu.

Anh (Chị) hãy cho biết:

Muốn hiểu mệnh đề - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa”, cần phải nắm vững, xác định được những vấn đề then chốt nào? (Lượng giá trị của hàng hóa là gì? Lượng giá trị của hàng hóa được đo bằng gì? Vì sao mọi nhân tố ảnh hưởng đến thời gian lao động xã hội cần thiết đều là nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa? Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa là nhân tố nào?)

Căn cứ vào giáo trình môn học, cho biết: Cách học, kỹ năng học có hiệu quả nội dung - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa” là gì? (Xác định được có mấy nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa?)

Khi trình bày về các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa các tác giả viết giáo trình trình bày theo logic như thế nào?)

- *Năng suất lao động*: Là sức sản xuất của người lao động được đo bằng lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian, hay lượng thời gian lao động hao phí để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm. Năng suất lao động phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Người lao động (sức khỏe, năng lực, trình độ, kinh nghiệm...); mức độ phát triển của khoa học - kỹ thuật, công nghệ và mức độ ứng dụng những thành tựu đó vào sản xuất; điều kiện tự nhiên. Tùy điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, muốn nâng cao năng suất lao động cần tận dụng tốt các nhân tố trên. Năng suất lao động có: năng suất lao động cá biệt; năng suất lao động xã hội.

Lượng giá trị hàng hóa tỷ lệ nghịch với năng suất lao động xã hội. Bởi vì, khi năng suất lao động xã hội tăng lên thì cùng một thời gian lao động nhưng khối lượng hàng hóa sản xuất ra tăng lên làm cho thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa giảm xuống tức là giá trị của một đơn vị hàng hóa sẽ giảm xuống. Tương tự, khi năng suất lao động xã hội giảm xuống thì giá trị một đơn vị hàng hóa tăng lên. Lượng giá trị hàng hóa tỷ lệ thuận với mức độ hao phí sức lao động xã hội cần thiết, tỷ lệ nghịch với năng suất lao động xã hội.

- *Cường độ lao động*: Là đại lượng chỉ mức độ hao phí sức lao động trong một đơn vị thời gian. Nó cho thấy mức độ khẩn trương, nặng nhọc hay căng thẳng của lao động. Cường độ lao động phụ thuộc nhiều vào thể chất và tinh thần của người lao động...

Lượng giá trị của một hàng hóa không thay đổi khi tăng cường độ lao động. Tăng cường độ lao động về thực chất giống như kéo dài ngày lao động tương ứng với một cường độ lao động trung bình. Vì vậy, khi tăng cường độ lao động thì tổng giá trị của tổng số hàng hóa tăng lên, nhưng lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa không đổi.

[?] Anh (Chị) hãy cho biết, tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động ảnh hưởng như thế nào đến lượng giá trị của mỗi đơn vị hàng hóa và tổng chung của lượng giá trị hàng hóa?

- *Mức độ phức tạp của lao động*: Căn cứ vào mức độ phức tạp của lao động, người ta chia lao động thành lao động giản đơn và lao động phức tạp.

+ Lao động giản đơn là lao động mà một người lao động bình thường có sức khỏe bình thường không cần qua đào tạo cũng có thể làm được (lao động phổ thông).

+ Lao động phức tạp là lao động mà một người lao động đòi hỏi phải được học tập, đào tạo thành lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất định mới có thể tiến hành được.

Trong một đơn vị thời gian, lao động phức tạp tạo ra một lượng giá trị hàng hóa lớn hơn lao động giản đơn. Lao động phức tạp là lao động giản đơn được nhân gấp bội lên. Chẳng hạn, trong một giờ lao động, người thợ sửa chữa đồng hồ tạo ra nhiều giá trị hơn người rửa bát. Bởi vì, lao động của người rửa bát là lao động giản đơn, có nghĩa là bất kỳ một người bình thường nào, không phải trải qua đào tạo, không cần có sự phát triển đặc biệt, cũng có thể làm được. Còn lao động của người thợ sửa chữa đồng hồ là lao động phức tạp đòi hỏi phải có sự đào tạo, phải có thời gian huấn luyện tay nghề.

Trong trao đổi người ta lấy lao động giản đơn làm đơn vị tính toán và quy tất cả lao động phức tạp thành lao động giản đơn trung bình. C. Mác viết: “Lao động phức tạp,... chỉ là lao động giản đơn *được nâng lên lũy thừa*, hay nói cho đúng hơn, là lao động giản đơn được nhân lên...”.

Ví dụ 3: Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình nội dung - “Hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản” trong môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin [2; tr.54-56], bằng phương pháp nêu vấn đề.

Bước 1: Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu - “Hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Bước 2: Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu nội dung - “Hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là nêu vấn đề.

Bước 3: Thiết kế và thực hiện nội dung - “Hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu.

Sau khi nghiên cứu xong công thức chung của tư bản, Anh (Chị) hãy cho biết, công thức chung của tư bản và mâu thuẫn công thức chung của tư bản là gì?

Sau khi nghiên cứu xong công thức chung của tư bản và mâu thuẫn

công thức chung của tư bản. Giảng viên có thể dựa trên hai khối kiến thức nền tảng vừa được nghiên cứu để đặt câu hỏi:

*) Anh (Chị) hãy cho biết: Tại sao nói “hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản”?

*) Để làm rõ nội dung “tại sao nói hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản” ta phải làm sáng tỏ những vấn đề gì? (Công thức chung tư bản là gì? Mâu thuẫn công thức chung tư bản là gì? Vì sao hàng hóa sức lao động là “chìa khóa” giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản?). Sau khi trả lời được những câu hỏi trên, sinh viên sẽ thấy được mối quan hệ logic, chỉnh thể của các nội dung kiến thức đang được nghiên cứu.

- Công thức chung tư bản : $T - H - T'$ (1). $T' = T + \Delta t$. Công thức (1) là công thức chung tư bản vì mọi tư bản đều vận động theo công thức này. C. Mác chỉ rõ: “Vây $T - H - T'$ thực sự là công thức chung của tư bản, đúng như nó trực tiếp thể hiện ra trong lĩnh vực lưu thông”.

- Mâu thuẫn công thức chung tư bản: Theo lý luận về giá trị, giá trị hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hoá; do đó giá trị chỉ được tạo ra trong sản xuất. Lưu thông dưới bất kỳ hình thức nào dù ngang giá, hay không ngang giá, dù có những kẻ luôn mua rẻ bán đắt cũng không tạo ra giá trị. Nhìn vào công thức trên, ta thấy, một mặt, giá định (T) bỏ trong két, (H) bỏ trong kho thì nhà tư bản cũng không thu được (T'); mặt khác, nhà tư bản phải bán được hàng hóa mới tiến hành tái sản xuất. Do đó, không có lưu thông không tạo ra giá trị. Như vậy, lưu thông không tạo ra giá trị, nhưng không có lưu thông không tạo ra giá trị. Đó là mâu thuẫn công thức chung tư bản.

- Hàng hóa sức lao động là “chìa khóa” giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản, vì: với việc tìm ra hàng hóa sức lao động C. Mác đã chứng minh lưu thông không tạo ra giá trị, chỉ trong quá trình sản xuất nhà tư bản mua được hàng hóa đặc biệt - hàng hóa sức lao động có giá trị sử dụng có tính chất đặc biệt khi được sử dụng nó làm tăng giá trị, tạo ra giá trị lớn hơn giá trị bản thân nó.

Tuy nhiên, không có lưu thông không tạo ra giá trị: Nếu không có lưu thông thì không mua được các yếu tố đầu vào của sản xuất, đặc biệt là hàng hóa sức lao động và không bán được hàng hóa sản xuất, nên cũng không thu được giá trị. Do đó, lưu thông là điều kiện, chứ không phải là nguồn gốc tạo ra giá trị.

Như vậy, lưu thông không tạo ra giá trị, lưu thông là điều kiện, chứ không

phải là nguồn gốc tạo ra giá trị. Chỉ trong quá trình sản xuất nhà tư bản sử dụng hàng hóa đặc biệt - sức lao động có giá trị sử dụng đặc biệt khi được sử dụng nó làm tăng giá trị, tạo ra giá trị lớn hơn giá trị bản thân nó, mới tạo ra giá trị hàng hóa. Mâu thuẫn công thức chung tư bản đã được giải quyết. Hàng hóa sức lao động là chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản.

2.2.2.5. Đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học

** Cơ sở của biện pháp:*

Xuất phát từ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kiểm tra, đánh giá, đổi mới cách kiểm tra, đánh giá với việc nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên và những hạn chế thực tế trong công tác kiểm tra, đánh giá môn học ở nhà trường. Kiểm tra- đánh giá kết quả học tập của người học là một mắt xích quan trọng trong quá trình đào tạo; thường nằm ở giai đoạn cuối cùng của một giai đoạn giáo dục và sẽ trở thành khởi điểm của một giai đoạn giáo dục tiếp theo với yêu cầu cao hơn, chất lượng mới hơn trong cả một quá trình giáo dục; là một trong các công cụ của hệ thống điều khiển quá trình đào tạo. Đó là quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của người học về tác động và nguyên nhân của tình hình đó, nhằm tạo cơ sở cho những quyết định của giảng viên và nhà trường, cho bản thân người học để họ học tập ngày một tiến bộ hơn. Kiểm tra-đánh giá có hệ thống và thường xuyên sẽ cung cấp kịp thời những thông tin cần thiết giúp người học tự điều chỉnh hoạt động học, giúp giảng viên có thông tin phản hồi để điều chỉnh và hoàn thiện quá trình dạy để từ đó nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường. Kiểm tra, đánh giá không đúng đắn, chính xác phù hợp không những làm nghèo nàn đi cả nội dung và phương pháp dạy học, mà còn làm sai lệch cả mục tiêu dạy học. Kiểm tra, đánh giá đúng đắn, chính xác, thực chất sẽ tạo động lực phát huy tính tích cực học tập, chủ động, sáng tạo trong học tập, nâng cao chất lượng dạy và học.

** Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp:* Cải tiến cách kiểm tra, đánh giá cần được triển khai theo hướng:

Một là, xây dựng “bộ công cụ” cho công tác kiểm tra, thi, đánh giá, đặc biệt chú ý cải tiến cách ra đề kiểm tra, thi theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên (Bám sát mục tiêu môn học và bài học, nội dung chương trình môn học, xây dựng nội dung kiểm tra đánh giá toàn diện, hệ thống, với các tiêu chí phù hợp với mục tiêu dạy học môn học; việc ra đề kiểm tra, thi phải luôn dựa trên quan điểm tích cực hoá hoạt động học tập của sinh viên; thực hiện đúng quy trình kiểm tra, thi kết quả học tập môn học nhằm nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên). Thống nhất với quan điểm đổi mới đánh giá như

trên việc kiểm tra, đánh giá sẽ hướng vào việc bám sát mục tiêu của từng bài, từng chương và mục tiêu giáo dục của môn học ở từng lớp cấp. Các câu hỏi bài tập sẽ đo được mức độ thực hiện các mục tiêu được xác định.

Hai là, nâng cao năng lực của các chủ thể kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học; đa dạng hóa, sử dụng linh hoạt các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, coi trọng việc sinh viên đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá trong học tập môn học. sinh viên có nhìn nhận được kết quả học tập, thấy được mình có những thu nhận và cống hiến gì trong học tập thì mới tích cực suy nghĩ làm thế nào để cải thiện tình hình học tập. Vì vậy, để nâng cao tính tích cực học tập môn học của sinh viên điều quan trọng là chính bản thân sinh viên đánh giá mình và sinh viên tham gia đánh giá lẫn nhau.

Ba là, hướng tới yêu cầu kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan kết quả học tập của sinh viên, bộ công cụ đánh giá sẽ được bổ sung các hình thức đánh giá khác như đưa thêm dạng câu hỏi, bài tập trắc nghiệm; chú ý hơn tới đánh giá cả quá trình lĩnh hội tri thức của sinh viên, quan tâm tới mức độ hoạt động tích cực, chủ động của sinh viên trong từng tiết học, kể cả ở tiết tiếp thu tri thức mới lẫn tiết thực hành, thí nghiệm. Điều này đòi hỏi giảng viên bộ môn đầu tư nhiều công sức hơn cũng như công tâm hơn.

Bốn là, hệ thống câu hỏi kiểm tra đánh giá cũng cần thể hiện sự phân hóa, đảm bảo 70% câu hỏi bài tập đo được mức độ đạt trình độ chuẩn - mặt bằng về nội dung học vấn dành cho mọi sinh viên và 30% còn lại phản ánh mức độ nâng cao, dành cho sinh viên có năng lực trí tuệ và thực hành cao hơn.

Năm là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đánh giá khách quan, chính xác, công bằng kết quả học tập của người học. Cải tiến cách kiểm tra, đánh giá sẽ làm cho công tác kiểm tra, đánh giá môn học khoa học, chính xác, khách quan và hợp lý hơn, từ đó tạo ra động lực thúc đẩy tính tích cực học tập môn học.

* Ý nghĩa của biện pháp: Dạy học là một quá trình toàn vẹn, thống nhất, đồng bộ, để nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở trường Đại học Hoa Lư, không thể không áp dụng biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học. Thực hiện tốt biện pháp sẽ góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sinh viên nâng cao tính tích cực học tập hơn trong học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, góp phần cải thiện chất lượng giáo dục của nhà trường.

Việc đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học tại nhà trường đã được nhóm tác giả xây dựng bộ đề môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở trường

Đại học Hoa Lư. Kết quả việc đổi mới đó đã đem lại hiệu quả tích cực, qua phỏng vấn, trao đổi với các em sinh viên và giảng viên giảng dạy, cho thấy các em sinh viên tích cực, hào hứng hơn với cách thức kiểm tra, đánh giá này, và kết quả học tập của các em được cải thiện, nâng cao.

2.2. Thực nghiệm biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở trường Đại học Hoa Lư

2.2.1. Khái quát chung về thực nghiệm

2.2.1.1. Khảo sát thực nghiệm

2.2.1.2. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành nhằm kiểm chứng tính đúng đắn của giả thuyết khoa học đã đề ra và khẳng định tính cần thiết, khả thi của các biện pháp đã được đề xuất. Cụ thể, thực nghiệm nhằm đánh giá mức độ phát triển kỹ năng mềm của sinh viên khi áp dụng các biện pháp đề xuất. Qua đó chứng tỏ rằng, những biện pháp đề xuất có thể nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở trường Đại học Hoa Lư.

2.2.1.3. Đối tượng, địa điểm và thời gian thực nghiệm

- *Đối tượng thực nghiệm:*

+ Đối tượng thực nghiệm lần 1 là:

Lớp D14 mã số lớp độc lập 2022102070110208 (57 sinh viên), làm lớp thực nghiệm (TN₁) và lớp D14 mã số lớp độc lập 202210207 0110206 (51 sinh viên) làm lớp đối chứng (ĐC₁).

+ Đối tượng thực nghiệm lần 2 là:

Lớp D14 mã số lớp độc lập 2022102070110205 (35 sinh viên), làm lớp thực nghiệm (TN₂) và lớp D14 mã số lớp độc lập 2022102070110202 (57 sinh viên), làm lớp đối chứng (ĐC₂).

- *Địa điểm thực nghiệm:* Trường Đại học Hoa Lư

- *Thời gian thực nghiệm:* Học kỳ 2 năm học 2021 - 2022

2.2.1.4. Nội dung thực nghiệm

Đề tài thực nghiệm 5 biện pháp .

Đối với nhóm thực nghiệm: Áp dụng các biện pháp đã xây dựng trong việc nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên.

Đối với nhóm đối chứng: Thực hiện việc nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên theo cách thông thường, không áp dụng các biện pháp trên.

2.2.2.5. Quy trình thực nghiệm

- Bước 1: Chuẩn bị thực nghiệm

- + Chọn đối tượng thực nghiệm và đối chứng;
- + Xác định các công việc theo từng biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên;
 - + Xây dựng, hoàn thiện các biện pháp thực nghiệm;
 - + Chuẩn bị các điều kiện để thực nghiệm: phòng dạy học, phòng họp rút kinh nghiệm, máy móc thiết bị, chương trình và tài liệu dạy học;
 - + Xây dựng tiêu chí và thang đánh giá để đo kết quả thực nghiệm;
 - + Giảng viên dạy thực nghiệm: là giảng viên chuyên ngành dạy học Kinh tế chính trị Mác- Lênin của Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Hoa Lư.

- Bước 2: Triển khai thực nghiệm

Thực hiện dạy thực nghiệm và đánh giá mức độ nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên. Việc giảng dạy thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch giảng dạy đã đề ra; đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện theo quy chế ban hành.

2.2.2. Phân tích kết quả thực nghiệm

2.2.2.1. Kết quả trước thực nghiệm

- Chúng tôi chọn lớp D14, mã số lớp độc lập 2022102070110208, có 57 sinh viên và lớp D14, mã số lớp độc lập 2022102070 110206, có 51 sinh viên để khảo sát trước thực nghiệm, thông qua bài kiểm tra Test nhanh sau khi học kết thúc bài 1 chương trình môn học.

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm X
Lớp độc lập có mã số 2022102070110208, (57 SV)	12	37	1	0	7
Tỉ lệ %	21.05	64.91	1.75	0.0	12.28
Lớp độc lập có mã số 2022102070110206, (51 SV)	10	33	3	0	5
Tỉ lệ %	19.6	64.7	3.92	0.0	7.84

Kết quả trước thực nghiệm, cho thấy: Tỉ lệ sinh viên xếp loại hệ số 3, trên các phổ điểm A, B, C, D của lớp độc lập có mã số 2022102070110208, (57 SV) và lớp độc lập có mã số 2022102070110206, (51 SV), về cơ bản là tương

đương nhau, không có chỉ số chênh lệch nào quá cao. Do đó, mặt bằng chất lượng học tập là tương đương nhau, do đó chúng tôi lựa chọn lớp độc lập có mã số 2022102070110208, (57 SV) là lớp TN₁ và lớp độc lập có mã số 2022102070110206, (51 SV), là lớp ĐC₁.

- Chúng tôi chọn lớp D14, mã số lớp độc lập 2022102070110205, có 35 sinh viên và lớp D14, mã số lớp độc lập 2022102070110202, có 57 sinh viên, để khảo sát trước thực nghiệm, thông qua bài kiểm tra Test nhanh sau khi học kết thúc bài 1 chương trình môn học.

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm X
Lớp độc lập có mã số 2022102070110205, (35 SV)	6	27	2	0	0
Tỉ lệ %	17.14	77.14	5.71	0	0
Lớp độc lập có mã số 2022102070110202, (57 SV)	9	45	2	0	1
Tỉ lệ %	16.36	78.94	3.5	0.0	1.75

Kết quả trước thực nghiệm, cho thấy: Tỉ lệ sinh viên xếp loại hệ số 3, trên các phổ điểm A, B, C, D của lớp độc lập có mã số 2022102070110205, (35 SV) và lớp độc lập có mã số 2022102070110202, (57 SV), về cơ bản là tương đương nhau, không có chỉ số chênh lệch nào quá cao. Do đó, mặt bằng chất lượng học tập là tương đương nhau, do đó chúng tôi lựa chọn lớp độc lập có mã số 2022102070110205, (35 SV) là lớp TN₁ và lớp độc lập có mã số 2022102070110202, (57 SV), là lớp ĐC₂.

2.2.2.2. Kết quả sau thực nghiệm lần 1

*** Kết quả học tập của sinh viên thông qua điểm tổng kết đánh giá học phần lớp TN₁ và ĐC₁ sau thực nghiệm lần 1**

Chúng tôi chọn lớp D14, mã số lớp độc lập 2022102070110208, có 57 sinh viên làm lớp thực nghiệm (TN₁) và lớp D14, mã số lớp độc lập 2022102070110206, có 51 sinh viên làm lớp đối chứng (ĐC₁).

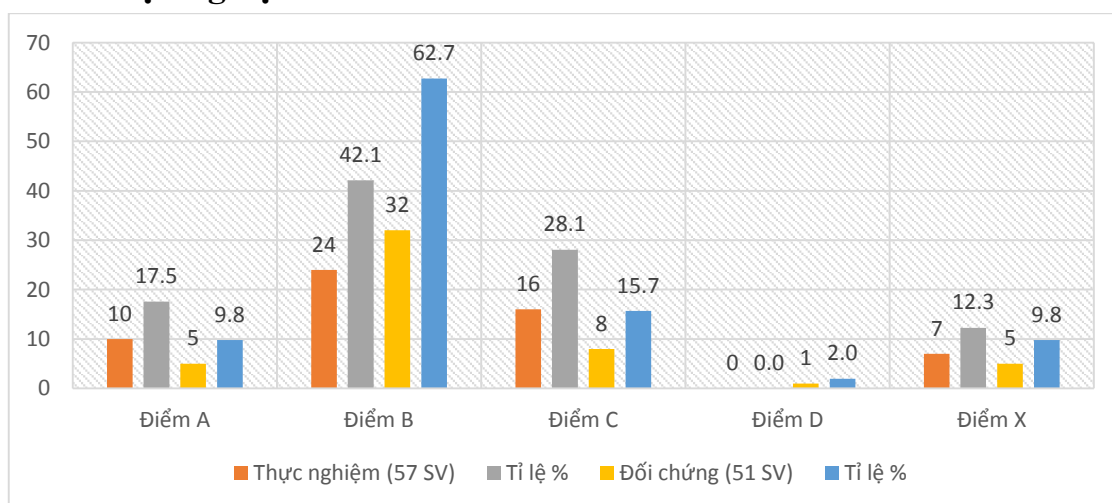
Trong quá trình dạy thực nghiệm, tại lớp thực nghiệm đối với môn học, chúng tôi áp dụng 5 biện pháp, tập trung vào việc nâng cao tính tích cực học tập môn học của sinh viên đó là: 2.2.2.1. Kích thích động cơ, nâng cao hứng

thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin; 2.2.2.2. Đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ; 2.2.2.3. Đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực (Đổi mới phương pháp thuyết trình – theo hướng sử dụng các hình thức thuyết trình phù hợp nâng cao được tính tích cực học tập của người học...; Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học; Vận dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học môn học; Sử dụng các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực); 2.2.2.4. Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học; 2.2.2.5. Đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.

Tại lớp đối chứng, chúng tôi không áp dụng 5 biện pháp, việc dạy học diễn ra bình thường. Qua quá trình đó chúng tôi thu được kết quả điểm đánh giá học phần ở lớp TN₁ và ĐC₁ như sau:

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm X
Thực nghiệm (57 SV)	10	24	16	0	7
Tỉ lệ %	17.5	42.1	28.1	0.0	12.3
Đối chứng (51 SV)	5	32	8	1	5
Tỉ lệ %	9.8	62.7	15.7	2.0	9.8

Bảng 2.1. Thống kê đánh giá kết quả học tập của sinh viên lớp TN1 và ĐC1 sau thực nghiệm lần 1



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ so sánh kết quả học tập của sinh viên lớp TN1 và ĐC1 sau thực nghiệm lần 1

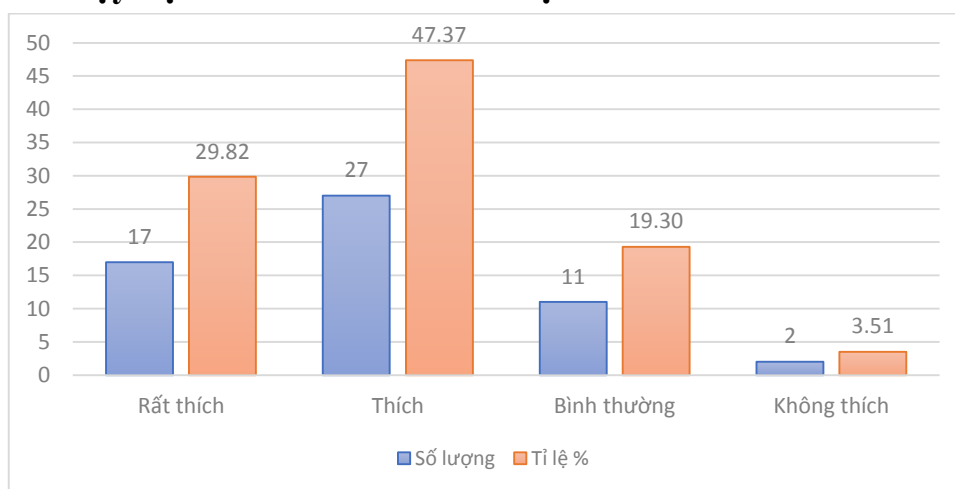
Kết quả thực nghiệm biểu hiện qua Bảng 2.1 và Sơ đồ 2.1, cho thấy: Ở lớp TN₁ không có sinh viên nào có điểm D, ở lớp ĐC₁ vẫn có 1/51 SV, chiếm 2.0% có điểm D; Ở lớp TN₁ sinh viên có điểm B,C là 40/57 SV, chiếm 70,2%, ở lớp ĐC₁ có 40/51 SV, chiếm 78.4% có điểm B,C; Ở lớp TN₁ sinh viên có điểm A là 10/57 SV, chiếm 17.5 %, ở lớp ĐC₁ có 5/51 SV, chiếm 9.8 % có điểm A. Như vậy, sau thực nghiệm có sự khác biệt đáng kể về chất lượng học tập của sinh viên nhóm TN₁ so với sinh viên nhóm ĐC₁. Điều đó chứng tỏ mức độ nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên nhóm TN₁ so với sinh viên nhóm ĐC₁.

** Khảo sát đánh giá của sinh viên lớp TN₁ về tính hiệu quả của từng biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học.*

- Về biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên. Trước câu hỏi đánh giá của bạn về “Biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn học”, sinh viên trả lời, kết quả được thống kê và sơ đồ hoá như sau:

Mức độ	Rất thích	Thích	Bình thường	Không thích
Số lượng (57 SV)	17	27	11	2
Tỉ lệ %	29.82	47.37	19.30	3.51

Bảng 2.2: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

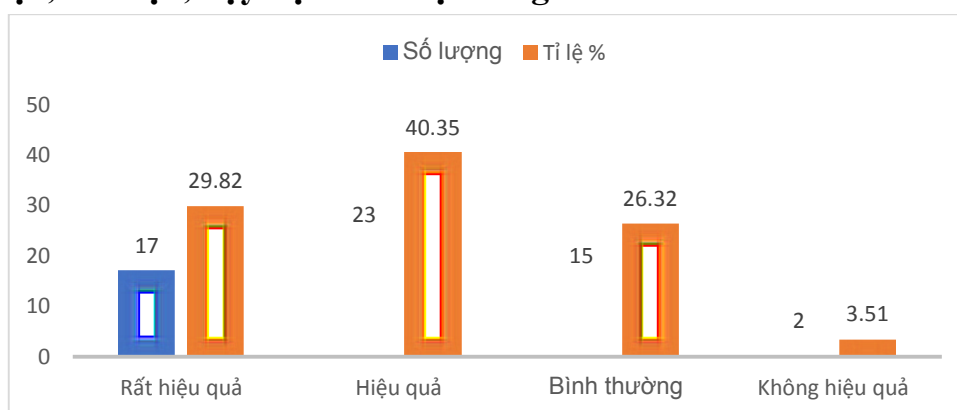


Sơ đồ 2.2: Sơ đồ đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

- Về biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ, trước câu hỏi: Đánh giá của bạn về hiệu quả của “Biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ?”, sinh viên trả lời, kết quả được thống kê và sơ đồ hoá như sau:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (57 SV)	17	23	15	2
Tỉ lệ %	29.82	40.35	26.32	3.51

Bảng 2.3: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ.

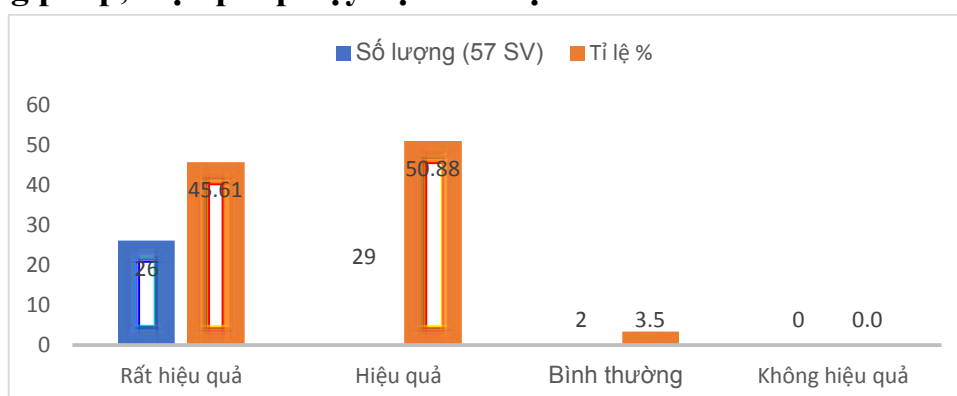


Sơ đồ 2.3: Sơ đồ đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ.

- Về biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực, trước câu hỏi “Hiệu quả của biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực?”, sinh viên trả lời, kết quả được thống kê và sơ đồ hoá như sau:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (57 SV)	26	29	2	0
Tỉ lệ %	45.61	50.88	3.5	0.0

Bảng 2.4: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực.

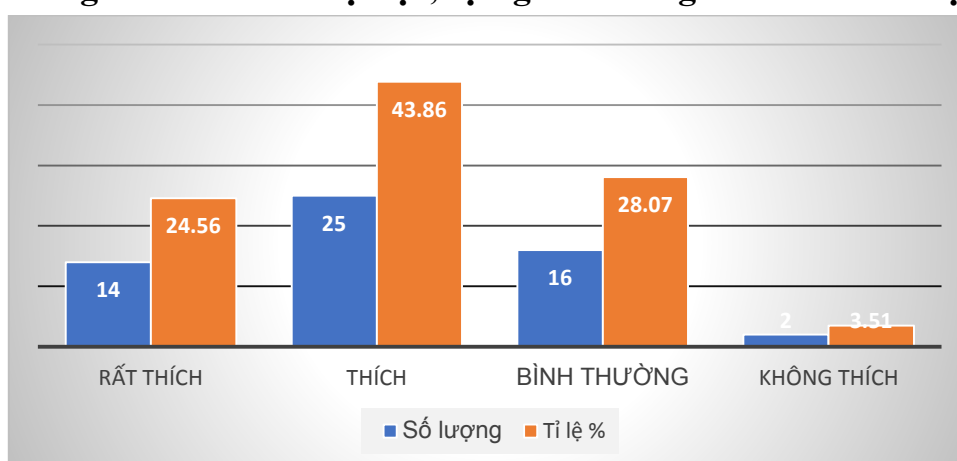


Sơ đồ 2.4: Sơ đồ đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực.

- Về biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học, trước câu hỏi “Hiệu quả của biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học?”, sinh viên trả lời:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (57 SV)	14	25	16	2
Tỉ lệ %	24.56	43.86	28.07	3.51

Bảng 2.5: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học.

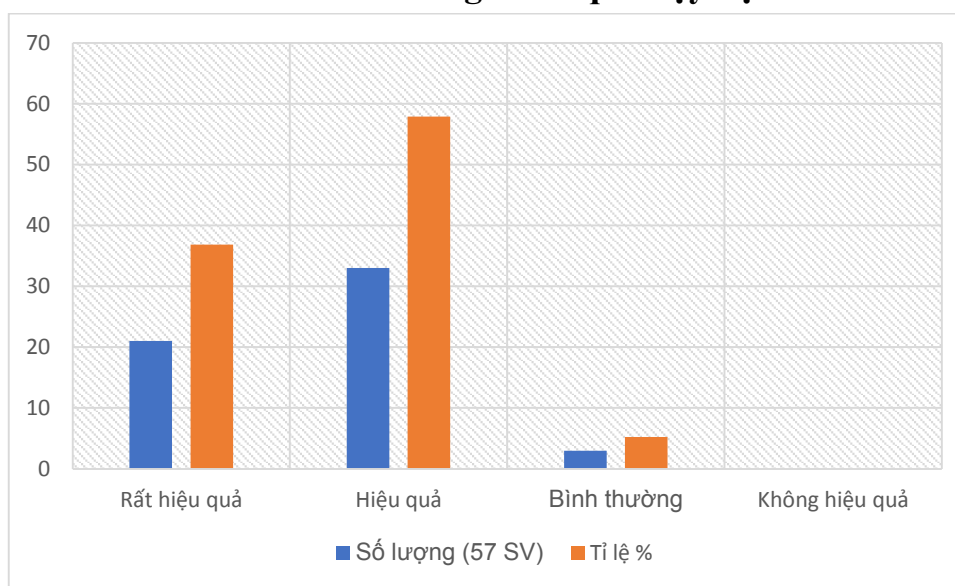


Sơ đồ 2.5: Sơ đồ đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học.

- Về biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học, trước câu hỏi “Hiệu quả của biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học?”, sinh viên trả lời:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (57 SV)	21	33	3	0
Tỉ lệ %	36.84	57.89	5.3	0.0

Bảng 2.6: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.



Sơ đồ 2.6: Sơ đồ đánh giá của sinh viên về hiệu quả biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.

Tóm lại, kết quả khảo sát đánh giá của sinh viên lớp TN₁ về tính hiệu quả của từng biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học trong dạy học môn học cho thấy: Tỉ lệ sinh viên đánh giá các biện pháp không hiệu quả, không thích là rất thấp; Tỉ lệ sinh viên đánh giá các biện pháp rất hiệu quả, hiệu quả là rất cao (đặc biệt là biện pháp 3, 5). Như vậy, theo đánh giá của sinh viên lớp TN₁, các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở nhà trường là có hiệu quả, tích cực.

2.2.2.3. Kết quả sau thực nghiệm lần 2

*** Kết quả học tập của sinh viên thông qua điểm tổng kết đánh giá học phần lớp TN₂ và ĐC₂ sau thực nghiệm lần 2**

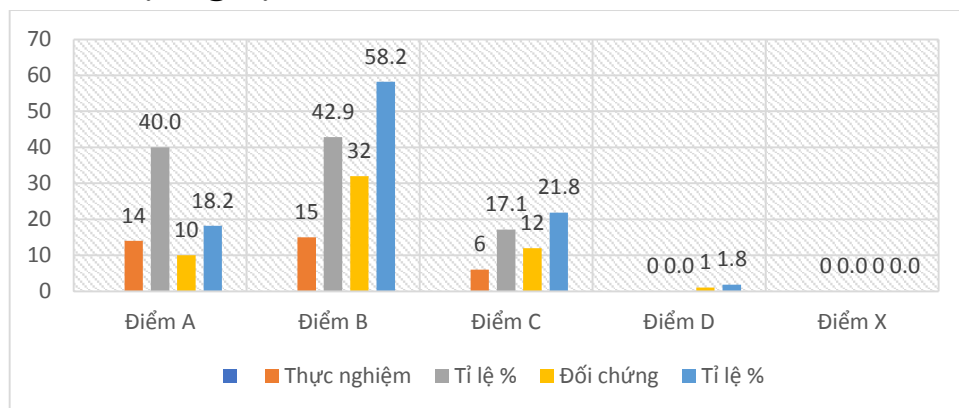
Chúng tôi chọn lớp D14, mã số lớp độc lập 2022102070110205, có 35 sinh viên làm lớp TN₂ và lớp D14, mã số lớp độc lập 2022102070110202, có 57 sinh viên làm lớp ĐC₂. Trong quá trình dạy TN, tại lớp TN₂ đối với môn

học, chúng tôi áp dụng 5 biện pháp, tập trung vào việc nâng cao tính tích cực học tập môn học của sinh viên đó là: 2.2.2.1. Kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin; 2.2.2.2. Đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ; 2.2.2.3. Đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực (Đổi mới phương pháp thuyết trình – theo hướng sử dụng các hình thức thuyết trình phù hợp nâng cao được tính tích cực học tập của người học...; Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học; Vận dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học môn học; Sử dụng các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực); 2.2.2.4. Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học; 2.2.2.5. Đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.

Tại lớp ĐC₂, chúng tôi không áp dụng 5 biện pháp, việc dạy học diễn ra bình thường. Qua quá trình đó chúng tôi thu được kết quả điểm đánh giá học phần, ở lớp TN₂ và ĐC₂ như sau:

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm X
Thực nghiệm (35 SV)	14	15	6	0	0
Tỉ lệ %	40.0	42.9	17.1	0.0	0.0
Đối chứng (57 SV)	10	32	12	1	0
Tỉ lệ %	18.2	58.2	21.8	1.8	0.0

Bảng 2.7. Thống kê đánh giá kết quả học tập của sinh viên lớp TN2 và ĐC2 sau thực nghiệm lần 2



Sơ đồ 2.7. Sơ đồ so sánh kết quả học tập của sinh viên lớp TN2 và ĐC2 sau thực nghiệm lần 2

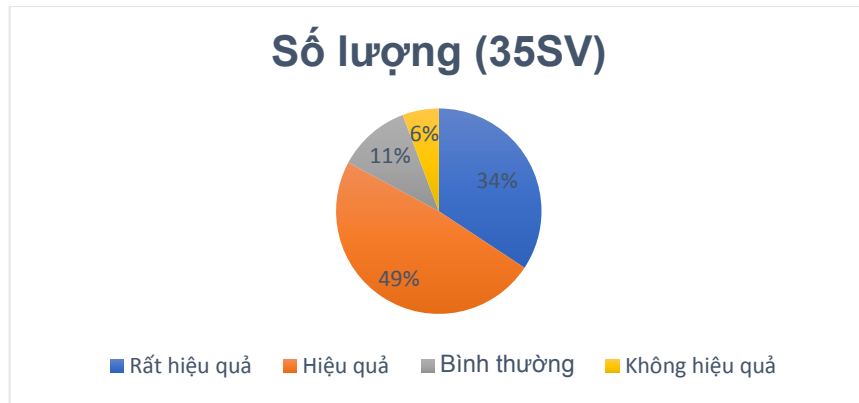
Kết quả thực nghiệm cho thấy: Ở lớp TN₂ không có sinh viên nào có điểm D, ở lớp ĐC₂ vẫn có 1/57 SV, chiếm 1.8% có điểm D; Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm C là 6/35 SV, chiếm 17.1 %, ở lớp ĐC₂ có 12/57 SV, chiếm 21.8 % có điểm C; Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm B là 15/35 SV, chiếm 42.9 %, ở lớp ĐC₂ có 32/57 SV, chiếm 58.2 % có điểm B; Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm A là 14/35 SV, chiếm 40.0 %, ở lớp ĐC₂ có 10/57 SV, chiếm 18.2 % có điểm A. Như vậy, sau thực nghiệm có sự khác biệt rõ nét về chất lượng học tập của sinh viên nhóm TN₂ so với sinh viên nhóm ĐC₂. Ở lớp TN₂ không có sinh viên nào có điểm dưới trung bình, có tới 14/35 SV, chiếm 40.0 % có điểm loại A. Điều đó chứng tỏ mức độ nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên nhóm TN₂ so với sinh viên nhóm ĐC₂. Điều này cho thấy hiệu quả của các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

*** Khảo sát đánh giá của sinh viên lớp TN₂ về tính hiệu quả của từng biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học.**

- Về biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Trước câu hỏi đánh giá của bạn về “Biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn học”, sinh viên lớp TN₂ trả lời, kết quả được thống kê và sơ đồ hoá như sau:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (35 SV)	12	17	4	2
Tỉ lệ %	34.3	48.6	11.4	5.7

Bảng 2.8: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

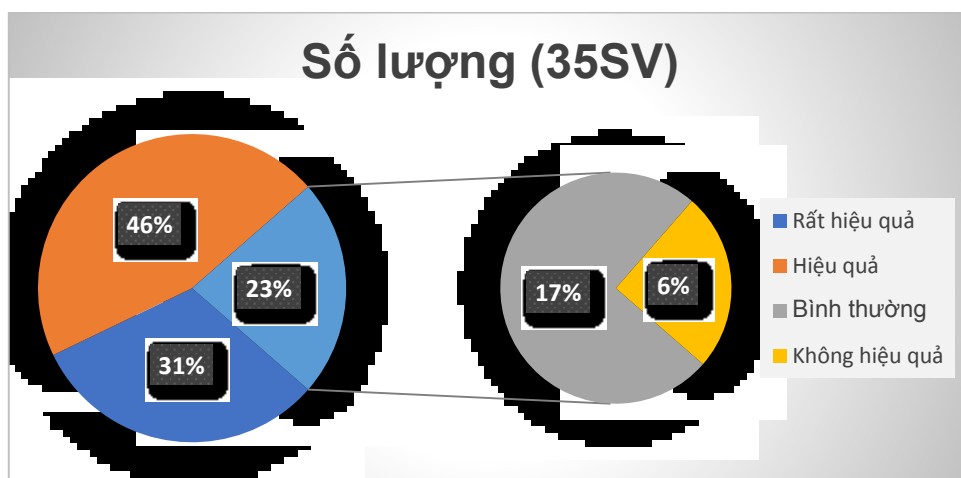


Sơ đồ 2.8: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

- Về biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ, trước câu hỏi: Đánh giá của bạn về hiệu quả của “Biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ?”, sinh viên lớp TN₂ trả lời, kết quả được thống kê và sơ đồ hoá như sau:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (35 SV)	11	16	6	2
Tỉ lệ %	31.4	45.7	17.1	5.7

Bảng 2.9: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ.

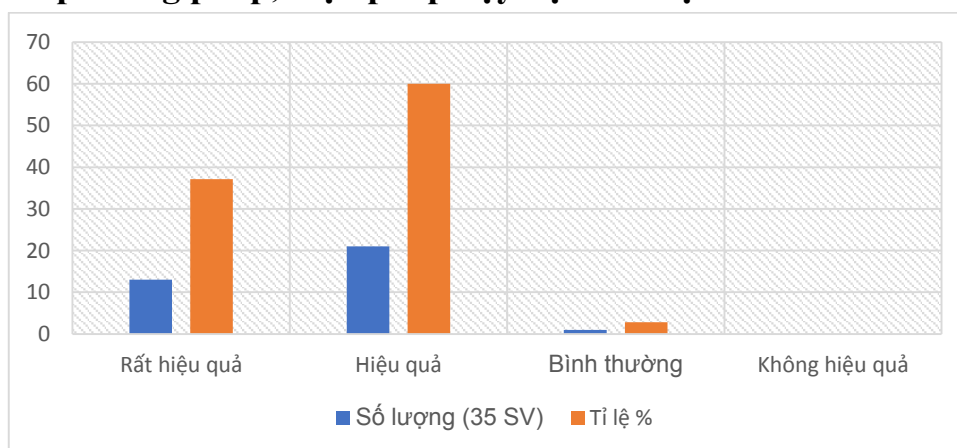


Sơ đồ 2.9: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ.

- Về biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực, trước câu hỏi “Hiệu quả của biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực?”, sinh viên lớp TN₂ trả lời, kết quả được thống kê và sơ đồ hoá như sau:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (35 SV)	13	21	1	0
Tỉ lệ %	37.14	60.00	2.9	0.0

Bảng 2.10: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực.

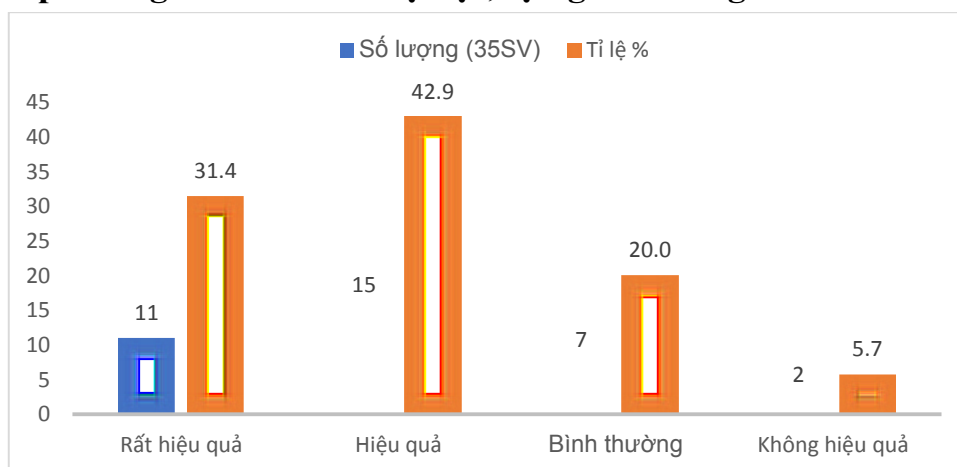


Sơ đồ 2.10: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực.

- Về biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học, trước câu hỏi “Hiệu quả của biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học?”, sinh viên trả lời:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (35 SV)	11	15	7	2
Tỉ lệ %	31.4	42.9	20.0	5.7

Bảng 2.11: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học.

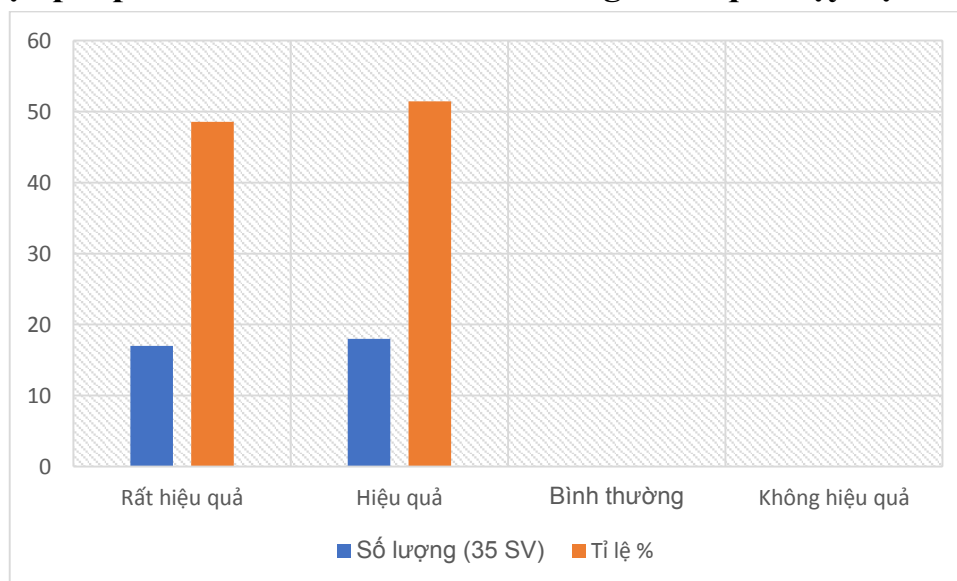


Sơ đồ 2.11: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học.

- Về biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học, trước câu hỏi “Hiệu quả của biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học?”, sinh viên lớp TN₂ trả lời:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (35 SV)	17	18	0	0
Tỉ lệ %	48.57	51.43	0.0	0.0

Bảng 2.12: Bảng thống kê đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.



Sơ đồ 2.12: Sơ đồ đánh giá của sinh viên lớp TN2 về hiệu quả biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.

Tóm lại, kết quả khảo sát đánh giá của sinh viên lớp TN₂ về tính hiệu quả của từng biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học trong dạy học môn học cho thấy: Tỷ lệ sinh viên đánh giá các biện pháp không hiệu quả, không thích là rất thấp; Tỷ lệ sinh viên đánh giá các biện pháp rất hiệu quả, hiệu quả là rất cao. Như vậy, theo đánh giá của sinh viên lớp TN₂, các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin ở nhà trường là đã phát huy tác dụng, đem lại hiệu quả, tích cực. Trong đó, cũng như đánh giá của của sinh viên lớp TN₁, sinh viên lớp TN₂ cho rằng biện pháp thứ 3, 5 đem lại hiệu quả rất tích cực trong việc nâng cao tính tích cực học tập của người học trong dạy học môn học.

*** Khảo sát đánh giá của giảng viên về tính hiệu quả của từng biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học.**

Để có cơ sở hơn về tính hiệu quả của từng biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học, sau 2 lần thực nghiệm chúng tôi có xin phỏng vấn, trao đổi, xin ý kiến đánh giá của 05 giảng viên trực tiếp giảng dạy môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin, kết quả trả lời như sau:

- Về biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên, trước câu hỏi đánh giá của giảng viên về “Biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn học”, giảng viên trả lời, kết quả được thống kê như sau:

- Về biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên, trước câu hỏi đánh giá của giảng viên về “Biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn học”, giảng viên trả lời, kết quả được thống kê như sau:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (5 GV)	1	3	1	0
Tỷ lệ %	20.0	60.0	20.0	0.0

Bảng 2.13: Bảng thống kê đánh giá của giảng viên về biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên.

- Về biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ, trước câu hỏi: Đánh giá của giảng viên về hiệu quả của “Biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy

học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ?”, giảng viên trả lời, kết quả được thống kê như sau:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (5 GV)	2	2	1	0
Tỉ lệ %	40.0	40.0	20.0	0.0

Bảng 2.14: Bảng thống kê đánh giá của giảng viên về biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ.

- Về biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực, trước câu hỏi “Hiệu quả của biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực?”, giảng viên trả lời, kết quả được thống kê như sau:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (5 GV)	2	3	0	0
Tỉ lệ %	40.0	60.0	0.0	0.0

Bảng 2.15: Bảng thống kê đánh giá của giảng viên về biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực.

- Về biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học, trước câu hỏi “Hiệu quả của biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học?”, giảng viên trả lời, kết quả được thống kê như sau:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (5 GV)	1	2	1	1
Tỉ lệ %	20.0	40.0	20.0	20.0

Bảng 2.16: Bảng thống kê đánh giá của giảng viên về biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học.

- Về biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học, trước câu hỏi “Hiệu quả của biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học?”, giảng viên trả lời, kết quả được thống kê như sau:

Mức độ	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Không hiệu quả
Số lượng (5 GV)	3	2	0	0
Tỉ lệ %	60.0	40.0	0.0	0.0

Bảng 2.17: Bảng thống kê đánh giá của giảng viên về biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học.

Tóm lại, từ những kết quả thống kê trên cho thấy, hầu hết các giảng viên được hỏi đều đánh giá cao các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học trong dạy học môn học. Số lượng giảng viên đánh giá các biện pháp áp dụng nhằm nâng cao tính tích cực học tập của người học trong dạy học môn học không mang lại hiệu quả là rất thấp. Đặc biệt, ở biện pháp thứ 3, 5, không giảng viên nào đánh giá là không hiệu quả, hiệu quả bình thường; đa số giảng viên đánh giá là rất hiệu quả, hiệu quả. Kết quả này đồng thuận với nhận xét, đánh giá của sinh viên qua hai lần thực nghiệm, cũng như kết quả đánh giá học tập môn học của các em.

2.2.2.4. Kết luận chung về thực nghiệm

Từ kết quả thu được qua 2 lần thực nghiệm cho phép khẳng định tính hiệu quả của bài thực nghiệm sư phạm là ổn định. Sau khi có những tác động sư phạm, bước đầu đã mang lại những hiệu quả đối với việc nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên thông qua dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin. Mức nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên lớp TN₁ và lớp TN₂ đã tăng lên, đã phát triển hơn so với mức độ tính tích cực học tập của sinh viên nhóm ĐC₁ và ĐC₂. Điều đó khẳng định việc áp dụng các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư.

Qua hai lần tiến hành thực nghiệm các biện pháp đã đề xuất cho thấy: Khi thực hiện nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên thông qua dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư có sử dụng các biện pháp trên, tính tích cực học tập của sinh viên cũng đã được thay đổi và phát triển theo chiều hướng đi lên.

Kết quả trên đây đã chứng minh việc vận dụng các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư đã có hiệu quả góp phần nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên, kết quả dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin và hiệu quả đào tạo của nhà trường.

Kết luận chương 2

Chương 2, chúng tôi nghiên cứu: Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư, trong đó đề xuất các nguyên tắc và các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học. Thực nghiệm biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. Nhóm tác giả đã tập trung làm rõ 05 nguyên tắc đề xuất các biện pháp và 05 biện pháp nhằm nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư. Nhóm tác giả đã: Khái quát chung về thực nghiệm; vận dụng 05 biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin; Tiến hành thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm. Qua tiến hành thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm, nhóm tác giả thu được các kết quả căn bản như sau:

Một là, kết quả học tập của sinh viên lớp TN cao hơn kết quả học tập của sinh viên lớp ĐC. Ở lớp TN₁, TN₂ không có sinh viên nào có điểm D, ở lớp ĐC₁, ĐC₂ sinh viên có điểm D. Ở lớp TN₁ sinh viên có điểm A là 10/57 SV, chiếm 17.5 %; ở lớp ĐC₁ có 5/51 SV, chiếm 9.8 % có điểm A. Ở lớp TN₂ sinh viên có điểm A là 14/35 SV, chiếm 40.0 %; ở lớp ĐC₂ có 10/57 SV, chiếm 18.2 % có điểm A.

Hai là, sau 2 lần TN, 2 lần lấy ý kiến thăm dò, phản hồi từ sinh viên về hiệu quả của từng biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin, cho kết quả khả quan. Tuy ở hầu hết các biện pháp, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ sinh viên cho rằng chưa hiệu quả, nhưng về căn bản đa số sinh viên đều cho rằng các biện pháp được triển khai hiệu quả và rất hiệu quả. Trong đó, các biện pháp: Đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực; đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học, được sinh viên đánh giá rất hiệu quả, hiệu quả ở tỷ lệ khá cao.

Ba là, đánh giá của giảng viên về hiệu quả của các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin cũng cho thấy, cá biệt cũng có giảng viên đánh giá thấp, không hài lòng về hiệu quả của từng biện pháp cụ thể. Tuy nhiên, đa số giảng viên được hỏi đều đánh giá cao hiệu quả của các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin được đề xuất trong đề tài.

Kết quả đánh giá trên đây cho thấy hiệu quả của các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin ở nhà trường.

III. PHẦN KẾT LUẬN

Tính tích cực học tập và biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học là một trong các nhân tố ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao chất lượng dạy học, chất lượng đào tạo trong mọi thời đại, đặc biệt trong điều kiện môi trường hiện đại hiện nay. Tìm ra các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học và tính tích cực học tập của người học được nâng cao là “chìa khoá” căn bản, cốt lõi để nâng cao chất lượng dạy học, chất lượng đào tạo trong các nhà trường hiện đại. Từ đó một trong các sứ mệnh trọng tâm và giá trị tích cực của giảng viên là tìm ra biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học đối với môn học mà mình phụ trách. Dạy học môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin ở trường Đại học Hoa Lư không nằm ngoài xu thế đòi hỏi chung đó. Tức là, tìm ra các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn học của sinh viên ở nhà trường là một đòi hỏi khách quan, cấp thiết.

Để có cơ sở khoa học cho việc tìm ra các biện pháp, về mặt lý luận, đề tài đã nghiên cứu có hệ thống các vấn đề như: Tính tích cực, tính tích cực nhận thức, tính tích cực học tập, đặc điểm môn học, tính tích cực và biện pháp phát huy tính tích cực học tập môn học... Từ sự nghiên cứu đó, cho thấy: chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng & Nhà nước, của ngành Giáo dục và Đào tạo, của các nhà lý luận trong và ngoài nước về sự cần thiết phải đổi mới phương pháp và biện pháp dạy học; tầm quan trọng của tính tích cực học tập và biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn học của người học. Về mặt thực tiễn, qua khảo sát điều tra, trưng cầu ý kiến cho thấy tính tích cực học tập và biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn học của SV ở trường đã có tiến bộ nhất định, tuy nhiên còn nhiều yếu kém, bất cập, đòi hỏi phải kịp thời khắc phục và hoàn thiện hơn để nâng cao chất lượng dạy học bộ môn. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đó, nhóm tác giả của đề tài đề xuất 5 biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn học của sinh viên là: Kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ; Đổi mới phương pháp dạy học, theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực (Đổi mới phương pháp thuyết trình – theo hướng sử dụng các hình thức thuyết trình phù hợp nâng cao được tính tích cực học tập của người học...; Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Vận dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn học; Vận dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học môn học; Sử dụng các

kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực); Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học; Đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học).

Để thẩm định tính đúng đắn và giá trị khoa học của các biện pháp trong dạy học, tác giả đã tiến hành thực nghiệm khoa học sư phạm: Xây dựng chương trình, kế hoạch thực nghiệm, thiết kế thực nghiệm; dạy bài thực nghiệm tại lớp thực nghiệm, đồng thời dạy lớp đối chứng cùng bài với lớp thực nghiệm nhưng không có vận dụng các biện pháp nêu trên. Sau khi tiến hành thực nghiệm, kết quả cho thấy: Sinh viên lớp thực nghiệm có ý thức, thái độ, kỷ luật học tập; hành động trí tuệ và nghị lực trong học tập, kết quả học tập cao hơn so với lớp đối chứng. Điều này đồng nghĩa với tính tích cực học tập môn học của sinh viên được nâng cao và hiệu quả của các biện pháp đề xuất được khẳng định. Tức là, các biện pháp đó có tính khả thi, phù hợp và sát với thực tiễn môi trường đào tạo của nhà trường.

Kết quả thực nghiệm đã chứng minh tính đúng đắn của giả thuyết khoa học mà đề tài đặt ra, khẳng định qui trình và biện pháp sư phạm nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường Đại học Hoa Lư có tính khả thi, có thể áp dụng rộng rãi cho việc dạy học bộ môn hiện nay. Kết quả thực nghiệm sư phạm về mặt định tính và định lượng đã chứng minh tính hiệu quả, tính bền vững của các biện pháp đã được đề xuất trong đề tài.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

1. Sách tham khảo có 01 sách: “*Hỏi và đáp môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin*”, Nhà xuất bản Đại học Huế. Số xác nhận đăng kí xuất bản: 1486-2022/CXBIPH/4-25/ĐHH. Quyết định xuất bản số: 98/QĐ-NXB, cấp ngày 17/5/2022. ISBN: 978-604-337-481-0. (Liên quan đến nội dung nghiên cứu đề tài; ThS. Đỗ Thị Yên – Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu; ThS. Nguyễn Thuý Mai – thành viên nghiên cứu đề tài tham gia biên soạn)

2. Bài báo có 01 bài: “*Một số biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Hoa Lư*”, (Liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài; ThS. Đỗ Thị Yên – Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học, đăng trên Tạp chí Thiết bị dạy học Số đặc biệt 7/2022).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Bí thư, Đề án tiếp tục đổi mới giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, (Ban Bí thư kết luận sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo tại Tờ trình số 148-TTr/BTGTW, ngày 07-10-2013)
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.
- [3]. Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 9/2/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.
- [4]. Chương trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin ban hành Quyết định số 4890/2019/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [5]. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t. 20
- [6]. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t. 23.
- [7]. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2006), *Tóm tắt lý thuyết và bài tập thực hành KTCT Mác - Lênin: Phần TBCN*, Nxb Đại học Quốc gia.
- [9]. M.C.Chéc-Nen-Cô, IU.I.Pan-Kin (1981), *Tổ chức quá trình học tập KTCT*, người dịch Hồ Chiểu, Nxb SGK Mác - Lênin.
- [10]. Nguyễn Việt Dũng, Vũ Hồng Tiên, Nguyễn Văn Phúc (1999), *PPGD KTCT ở các trường ĐH và CD* (Tập 1), Nxb Giáo dục.
- [11]. Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị về “Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”.
- [12]. Trường Đại học Tổng hợp Leningrat (1977), “*PPGD KTCT và triết học ở các trường Đại học*” (Những cơ sở chung).
- [13]. Trần Thị Mai Phương (2009), *Dạy học KTCT theo phương pháp tích cực*, Nxb Đại học sư phạm.
- [14]. V. I. Lênin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t43.
- [15]. V. I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, 1978, t. 43.

[16]. Bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" <https://binhdinh.dcs.vn/hoat-dong-tuyen-truyen>.

Phụ lục 01: Mẫu phiếu điều tra, khảo sát**MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA 01**

(Dành cho sinh viên lớp D13,C27)

Để nắm rõ thực trạng tích tích cực học tập và biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư, xin Anh (chị), vui lòng cho biết:

Câu 1. Nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất quan trọng	
Quan trọng	
Bình thường	
Không quan trọng	

Câu 2. Bạn đánh giá như thế nào về nhu cầu, hứng thú học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất mong muốn	
Mong muốn	
Bình thường	
Không mong muốn	

Câu 3. Bạn đánh giá như thế nào về mức độ thực hiện hoạt động tự học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Thường xuyên	
Thỉnh thoảng	
Không bao giờ	

Xin anh (chị) vui lòng cho biết một số thông tin:

- Họ và tên:.....

- Lớp:.....

Xin trân trọng cảm ơn!

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA 02

(Dành cho giảng viên Kinh tế chính trị Mác – Lênin)

Để nắm rõ thực trạng tích cực học tập và biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư, xin Thầy (Cô), vui lòng cho biết:

Thầy (Cô) đánh giá như thế nào về tính tích cực học tập và biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất tích cực	
Tích cực	
Không tích cực	

Xin Thầy (Cô) vui lòng cho biết một số thông tin:

- Họ và tên:.....

- Đơn vị công tác:.....

Xin trân trọng cảm ơn!

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA 03

(Dành cho sinh viên D14,C28 lớp TN₁ và TN₂)

Để thực hiện đề tài NCKH “Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư”, xin Anh (chị), vui lòng cho biết:

Câu 1. Đánh giá của mình về biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất thích	
Thích	
Bình thường	
Không thích	

Câu 2. Hiệu quả của biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất hiệu quả	
Hiệu quả	
Bình thường	
Không hiệu quả	

Câu 3. Hiệu quả của biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất hiệu quả	
Hiệu quả	
Bình thường	
Không hiệu quả	

Câu 4. Hiệu quả của biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất hiệu quả	
Hiệu quả	
Bình thường	
Không hiệu quả	

Câu 5. Hiệu quả của biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất hiệu quả	
Hiệu quả	
Bình thường	
Không hiệu quả	

Xin anh (chị) vui lòng cho biết một số thông tin:

- Họ và tên:.....

- Lớp:.....

Xin trân trọng cảm ơn!

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA 04

(Dành cho giảng viên)

Để thực hiện đề tài NCKH “Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở trường Đại học Hoa Lư”, xin Thầy (Cô), vui lòng cho biết:

Câu 1. Đánh giá của mình về biện pháp kích thích động cơ, nâng cao hứng thú, tính tích cực học tập của sinh viên trong quá trình dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất thích	
Thích	
Bình thường	
Không thích	

Câu 2. Hiệu quả của biện pháp đổi mới hình thức tổ chức dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất hiệu quả	
Hiệu quả	
Bình thường	
Không hiệu quả	

Câu 3. Hiệu quả của biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học tích cực trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất hiệu quả	
Hiệu quả	
Bình thường	
Không hiệu quả	

Câu 4. Hiệu quả của biện pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất hiệu quả	
Hiệu quả	
Bình thường	
Không hiệu quả	

Câu 5. Hiệu quả của biện pháp đổi mới cách kiểm tra- đánh giá kết quả dạy học môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin?

Các mức độ	Đánh dấu (X)
Rất hiệu quả	
Hiệu quả	
Bình thường	
Không hiệu quả	

Xin Thầy (Cô) vui lòng cho biết một số thông tin:

- Họ và tên:.....

- Lớp:.....

Xin trân trọng cảm ơn!

**Phụ lục 02: Bộ đề thi trắc nghiệm khách quan kết thúc học phần
Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

I. THÀNH PHẦN THAM GIA LÀM ĐỀ

1. Chỉ đạo chung, thư ký
 - TS. Đoàn Sỹ Tuấn - Chỉ đạo chung
 - ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký
2. Nhóm giảng viên trực tiếp soạn thảo đề thi, hướng dẫn chấm
 - ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy (Trưởng nhóm biên soạn)
 - ThS. Đỗ Thị Yên
 - ThS. Nguyễn Thuý Mai

**II. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN, BỘ ĐỀ THI
VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BỘ ĐỀ**

1. Những thông tin chung về học phần
 - Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác – Lênin
 - Số tín chỉ: 02 TC (0,2)
2. Nhiệm vụ xây dựng câu hỏi trắc nghiệm của các thành viên
 - Th.S Nguyễn Thị Thu Thủy phụ trách xây dựng câu hỏi trắc nghiệm của chương 1, phần II – chương 4 và chương 5.
 - Th.S Nguyễn Thuý Mai phụ trách xây dựng câu hỏi trắc nghiệm của chương 2, phần I, III - chương 4 và phần I – chương 6.
 - Th.S Đỗ Thị Yên phụ trách xây dựng câu hỏi trắc nghiệm của chương 3 và phần II - chương 6.
3. Những thông tin chung về bộ đề thi
 - Thời gian xây dựng: Từ tháng 10/2022 - tháng 4/2022
 - Bộ đề dành cho đối tượng: Hệ D14, C28
 - Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan
 - Thời gian làm bài: 50 phút
 - Tổng số lượng câu hỏi, đáp án: 120 câu; được lựa chọn để xây dựng 03 mã đề thi, với số lượng 40 câu/ 1 đề thi cho mỗi lần thi.
3. Hướng dẫn sử dụng bộ đề:

Số lượng câu hỏi/đề: 40 câu được lựa chọn từ 120 câu trong bộ đề. Số điểm: 0.25đ/ câu, tổng điểm của mỗi đề thi 10 điểm.

TT	Chương	Tổng số câu xây dựng	Mức độ hiểu	Mức độ phân tích		Số câu chọn	Mức độ hiểu	Mức độ phân tích	Ghi chú
1	Chương 1	6	4	2		2	1	1	

2	Chương 2	24	17	7		8	6	2	
3	Chương 3	30	21	9		10	7	3	
4	Chương 4	24	17	7		8	6	2	
5	Chương 5	18	13	5		6	4	2	
6	Chương 6	18	13	5		6	4	2	
	TỔNG	120	85	35		40	28	12	

III. NỘI DUNG HỆ THỐNG CÂU HỎI VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO NHÓM CÂU HỎI

CHƯƠNG 1- ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

A. CÂU HỎI MỨC ĐỘ HIỂU (CLO 1)

Câu 1: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống?

Sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin trên cơ sở kế thừa và phát triển trực tiếp những giá trị khoa học của.....

- Chủ nghĩa trọng thương
- Chủ nghĩa trọng nông
- Kinh tế chính trị cổ điển Anh*
- Kinh tế chính trị tầm thường

Câu 2: Điền các cụm từ theo thứ tự thích hợp vào chỗ trống?

Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin là các của sản xuất và trao đổi mà các quan hệ này được đặt trong sự liên hệ biện chứng với trình độ phát triển của và tương ứng của phương thức sản xuất nhất định

- lực lượng sản xuất - kiến trúc thượng tầng - quan hệ xã hội
- cơ sở hạ tầng – quan hệ xã hội - lực lượng sản xuất
- quan hệ xã hội - lực lượng sản xuất - kiến trúc thượng tầng*
- kiến trúc thượng tầng - lực lượng sản xuất - quan hệ xã hội

Câu 3: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống?

Mục đích nghiên cứu ở cấp độ cao nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin là nhằm phát hiện ra các.....chi phối mối quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi

- Quan hệ
- Quy luật*
- Chính sách
- Đường lối

Câu 4: Chức năng phương pháp luận của kinh tế chính trị Mác – Lênin là?

- a. Vận dụng các quy luật kinh tế vào thực tiễn hoạt động lao động cũng như quản trị quốc gia
- b. Xây dựng nền tảng tư tưởng mới cho những người lao động tiên bộ, biết quý trọng thành quả lao động của bản thân và của xã hội
- c. *Nền tảng lý luận khoa học cho việc nhận diện sâu hơn nội hàm khoa học của các khái niệm, phạm trù của các khoa học kinh tế chuyên ngành*
- d. Cung cấp hệ thống tri thức mở về những quy luật chi phối sự phát triển của sản xuất và trao đổi, gắn với phương thức sản xuất

B. CÂU HỎI MỨC ĐỘ PHÂN TÍCH (CLO 2)

Câu 1: Trên cơ sở kế thừa, bổ sung và phát triển lý luận kinh tế chính trị theo phương pháp luận của C.Mác, V.I.Lênin đã có đóng góp khoa học lớn, nổi bật là?

- a. Phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa
- b. *Chỉ ra những đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*
- c. Xây dựng hệ thống tri thức về học thuyết giá trị
- d. Xây dựng hệ thống tri thức về học thuyết giá trị thặng dư

Câu 2: Phương pháp chủ yếu để nghiên cứu môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin là?

- a. Phép biện chứng duy vật
- b. Phương pháp tổng kết thực tiễn
- c. Phương pháp logic kết hợp lịch sử
- d. *Phương pháp trừu tượng hóa khoa học*

CHƯƠNG 2 - HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

A. CÂU HỎI MỨC ĐỘ HIỂU (CLO 1)

Câu 1: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Nền kinh tế hàng hóa hình thành và phát triển dựa trên những điều kiện nào?

- a. Phân công lao động cá biệt và chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất
- b. Phân công lao động chung và chế độ sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất
- c. Phân công lao động xã hội và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất
- d. *Phân công lao động xã hội và sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất*

Câu 2: Hai thuộc tính của hàng hoá là?

- a. Giá trị sử dụng và giá trị trao đổi
- b. *Giá trị sử dụng và giá trị*
- c. Giá trị và giá trị trao đổi
- d. Tất cả phương án trên

Câu 3: Lựa chọn nhận định sai?

- a. Giá trị sử dụng của hàng hoá là công dụng của sản phẩm, có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người
- b. *Lượng giá trị của hàng hoá là lượng lao động cá biệt đã hao phí để tạo ra hàng hoá*
- c. Lượng giá trị của hàng hoá là lượng lao động đã hao phí để tạo ra hàng hoá
- d. Giá trị là lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá

Câu 4: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống?

Giá trị hàng hóa là ... của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.

- a. Lao động giản đơn
- b. Lao động cá biệt
- c. *Lao động xã hội*
- d. Lao động cụ thể

Câu 5: Lựa chọn nhận định sai?

- a. *Lao động trừu tượng tạo ra giá trị sử dụng của hàng hoá*
- b. Lao động trừu tượng tạo giá trị của hàng hoá
- c. Lao động trừu tượng phản ánh tính xã hội của lao động sản xuất hàng hoá
- d. Lao động trừu tượng là sự hao phí sức lao động nói chung của người sản xuất hàng hoá về cơ bắp, thần kinh, trí óc

Câu 6: Lựa chọn nhận định đúng?

- a. Sở dĩ hàng hoá có hai thuộc tính là giá trị sử dụng và cụ thể là do lao động của người sản xuất hàng hoá có tính hai mặt: mặt giá trị và mặt trừu tượng của lao động
- b. Sở dĩ lao động của người sản xuất hàng hoá có tính hai mặt: mặt cụ thể và mặt trừu tượng của lao động là do hàng hoá có hai thuộc tính là giá trị sử dụng và giá trị
- c. *Sở dĩ hàng hoá có hai thuộc tính là giá trị sử dụng và giá trị là do lao động của người sản xuất hàng hoá có tính hai mặt: mặt cụ thể và mặt trừu tượng của lao động*

d. Sở dĩ lao động của người sản xuất hàng hoá có tính hai mặt: mặt cụ thể và giá trị sử dụng của lao động là do hàng hoá có hai thuộc tính là giá trị và trù tượng

Câu 7: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Lượng giá trị của hàng hoá được tính bằng?

- a. Thời gian lao động xã hội cần thiết
- b. Năng suất lao động
- c. Cường độ lao động
- d. Lao động giản đơn và lao động phức tạp

Câu 8: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Những nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá là?

- a. Năng suất lao động
- b. Cường độ lao động
- c. Tính chất phức tạp của lao động
- d. Tất cả phương án trên

Câu 9: Một trong những vai trò của thị trường là?

- a. Thị trường khắc phục được xu hướng cạn kiệt tài nguyên không thể tái tạo
- b. Thị trường thực hiện phân phối công bằng trong xã hội
- c. Thị trường tự khắc phục được rủi ro khủng hoảng
- d. Thị trường thực hiện giá trị hàng hoá, là điều kiện, môi trường cho sản xuất phát triển

Câu 10: Yêu cầu của quy luật giá trị là?

- a. Sản xuất hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội
- b. Sản xuất và trao đổi hàng hoá dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết
- c. Sản xuất và trao đổi dựa trên cơ sở hao phí lao động cá biệt
- d. Trao đổi phải dựa trên nguyên tắc ngang giá

Câu 11: Những tác động cơ bản của quy luật giá trị trong nền kinh tế hàng hoá là?

- a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa
- b. Thúc đẩy cải tiến kỹ thuật
- c. Tăng năng suất lao động
- d. Tất cả phương án trên

Câu 12: Cơ chế tác động của quy luật giá trị là?

- a. Giá cả thị trường lên xuống xoay quanh giá trị hàng hoá

- b. Giá trị hàng hoá lên xuống xoay quanh giá cả độc quyền
- c. Giá cả thị trường lên xuống xoay quanh giá trị độc quyền
- d. Giá trị hàng hoá lên xuống xoay quanh giá cả thị trường

Câu 13: Quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hóa là?

- a. Quy luật cung cầu
- b. Quy luật lưu thông tiền tệ
- c. Quy luật cạnh tranh
- d. *Quy luật giá trị*

Câu 14: Một số chủ thể chính tham gia thị trường là?

- a. Chủ thể trung gian trong thị trường
- b. Người sản xuất và người tiêu dùng
- c. Nhà nước
- d. *Tất cả phương án trên*

Câu 15: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống?

Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông tỷ lệ thuận với tổng giá cả hàng hoá đưa ra thị trường và

- a. tỷ lệ nghịch với khối lượng hàng hoá
- b. tỷ lệ nghịch với giá cả hàng hoá
- c. *tỷ lệ nghịch với tốc độ lưu thông của tiền tệ*
- d. tỷ lệ nghịch với tổng giá cả hàng

Câu 16: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống?

Khi tăng cường độ lao động thì.....

- a. lượng thời gian lao động xã hội cần thiết hao phí để sản xuất ra một đơn vị hàng hoá tăng lên
- b. lượng thời gian lao động xã hội cần thiết hao phí để sản xuất ra một đơn vị hàng hoá giảm xuống
- c. *lượng thời gian lao động xã hội cần thiết hao phí để sản xuất ra một đơn vị hàng hoá không đổi*
- d. lượng thời gian lao động xã hội cần thiết hao phí để sản xuất ra một đơn vị hàng hoá tăng lên gấp đôi

Câu 17: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian đòi hỏi để sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó trong những điều kiện nào dưới đây?

- a. Sản xuất bình thường của xã hội
- b. Cường độ lao động trung bình
- c. Trình độ thành thạo trung bình

d. Tất cả phương án trên

B. CÂU HỎI MỨC ĐỘ PHÂN TÍCH (CLO 2)

Câu 1: Trong 8 giờ, công nhân sản xuất được 16 sản phẩm có tổng giá trị là 80 USD. Khi năng suất lao động tăng lên 2 lần thì giá trị của một sản phẩm làm ra trong ngày là bao nhiêu?

- a. 2.5 USD
- b. 5 USD
- c. 7.5 USD
- d. 10 USD

Câu 2: Trong 8 giờ, công nhân sản xuất được 16 sản phẩm có tổng giá trị là 80 USD. Khi cường độ lao động tăng lên 1.5 lần thì giá trị của một sản phẩm làm ra trong ngày là bao nhiêu?

- a. 2.5 USD
- b. 5 USD
- c. 7.5 USD
- d. 10 USD

Câu 3: Lựa chọn nhận định đúng?

- a. Trong cùng một đơn vị thời gian lao động như nhau, lao động giản đơn tạo ra nhiều giá trị hơn lao động phức tạp
- b. Khi tăng năng suất độ lao động thì lượng thời gian lao động xã hội cần thiết hao phí để sản xuất ra một đơn vị hàng hoá tăng lên
- c. *Khi tăng cường độ lao động thì lượng thời gian lao động xã hội cần thiết hao phí để sản xuất ra một đơn vị hàng hoá không đổi*
- d. Trong cùng một đơn vị thời gian lao động như nhau, lao động cụ thể tạo ra nhiều giá trị hơn lao động trừu tượng

Câu 4: Lựa chọn nhận định sai?

- a. Lao động giản đơn là lao động không đòi hỏi có quá trình đào tạo một cách hệ thống
- b. Lao động phức tạp là lao động giản đơn nhân bội lên
- c. Lao động phức tạp là những hoạt động lao động yêu cầu phải trải qua một quá trình đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ theo yêu cầu của nghề nghiệp
- d. *Lao động phức tạp là lao động không đòi hỏi có quá trình đào tạo một cách hệ thống*

Câu 5: Lựa chọn nhận định đúng?

- a. Quy luật giá trị là quy luật chung của mọi hình thái kinh tế xã hội
- b. *Quy luật giá trị là quy luật cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá*

- c. Quy luật giá trị là quy luật riêng của chủ nghĩa tư bản
- d. Quy luật giá trị là quy luật riêng của chủ nghĩa cộng sản

Câu 6: Lựa chọn nhận định đúng?

- a. Giá cả hàng hoá luôn lớn hơn giá trị hàng hoá
- b. Giá cả hàng hoá luôn nhỏ hơn giá trị hàng hoá
- c. *Giá cả hàng hoá chịu sự chi phối của giá trị hàng hoá*
- d. Giá cả hàng hoá luôn bằng giá trị hàng hoá

Câu 7: Vai trò cơ bản của nhà nước trong nền kinh tế thị trường là?

- a. Là người định hướng quá trình sản xuất
- b. Là người kết nối, trao đổi thông tin trong các quan hệ mua, bán
- c. Quản lý nhà nước về kinh tế, thực hiện những biện pháp để khắc phục những khuyết tật của thị trường
- d. Là trực tiếp tạo ra của cải vật chất, sản phẩm cho xã hội để phục vụ tiêu dùng

CHƯƠNG 3 - GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

A. CÂU HỎI MỨC ĐỘ HIỂU (CLO 1)

Câu 1: Công thức chung của tư bản là?

- a. $H - T - H'$
- b. $H - T - H$
- c. $T - H - T$
- d. $T - H - T' (T' = T + t (t > 0))$

Câu 2: Lựa chọn nhận định đúng?

- a. Tư bản là máy móc, thiết bị, nhà xưởng
- b. Tư bản là số tiền nhà tư bản đầu tư
- c. *Tư bản là giá trị đem lại giá trị thặng dư*
- d. Tư bản là khối lượng tiền tệ lớn nhờ đó có nhiều lợi nhuận

Câu 3: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hoá là?

- a. Phân công lao động xã hội và sự tách biệt về mặt kinh tế giữa các chủ thể sản xuất
- b. Phân công lao động xã hội và người lao động được tự do thân thể
- c. *Người lao động được tự do thân thể và không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hoá để bán*
- d. Người lao động được tự do thân thể và sự tách biệt về mặt kinh tế giữa các chủ thể sản xuất

Câu 4: Để làm rõ nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư, C.Mác phân chia tư bản ứng trước thành?

- a. Tư bản bất biến và tư bản khả biến
- b. Tư bản cố định và tư bản lưu động
- c. Tư bản lưu động và tư bản khả biến
- d. Tư bản cố định và tư bản bất biến

Câu 5: Lựa chọn nhận định đúng?

- a. Tư bản khả biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị biến đổi trong quá trình sản xuất
- b. Tư bản bất biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất
- c. Tư bản khả biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động mà giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất
- d. Tư bản bất biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động mà giá trị biến đổi trong quá trình sản xuất

Câu 6: Lựa chọn nhận định đúng?

- a. Tư bản cố định là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới hình thái tư liệu lao động mà giá trị của nó chuyển dần từng vào giá trị sản phẩm theo mức độ hao mòn
- b. Tư bản lưu động là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới hình thái tư liệu lao động mà giá trị của nó chuyển dần từng vào giá trị sản phẩm theo mức độ hao mòn
- c. Tư bản cố định là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động, nguyên nhiên vật liệu phụ mà giá trị của nó chuyển dần từng vào giá trị sản phẩm theo mức độ hao mòn
- d. Tư bản lưu động là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động, nguyên nhiên vật liệu phụ mà giá trị của nó chuyển dần từng vào giá trị sản phẩm theo mức độ hao mòn

Câu 7: Lựa chọn nhận định sai?

- a. Tư bản khả biến là nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư
- b. Bản chất của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa mang bản chất kinh tế - xã hội là quan hệ giai cấp
- c. Giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra, là kết quả của lao động không công của công nhân cho nhà tư bản

d. Giá trị thặng dư là hiệu số giữa giá cả sản xuất với chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa

Câu 8: Tỷ suất giá trị thặng dư (m') phản ánh?

- a. Trình độ khai thác sức lao động làm thuê
- b. Mức doanh lợi đầu tư tư bản
- c. Chỉ cho nhà tư bản biết nơi đầu tư có lợi
- d. Quy mô lợi nhuận mà chủ sở hữu tư liệu sản xuất thu được

Câu 9: Công thức tính tỷ suất giá trị thặng dư là?

- a. $m' = \frac{v}{m} \times 100\%$
- b. $m' = \frac{t}{t'} \times 100\%$
- c. $m' = \frac{m}{v} \times 100\%$
- d. $m' = \frac{m}{c+v} \times 100\%$

Câu 10: Lựa chọn nhận định đúng?

- a. Giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối
- b. Giá trị thặng dư tương đối là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư siêu ngạch
- c. Giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tuyệt đối
- d. Giá trị thặng dư tuyệt đối là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư siêu ngạch

Câu 11: Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là?

- a. Kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi
- b. Rút ngắn ngày lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi
- c. Tăng năng suất lao động xã hội để rút ngắn thời gian lao động tất yếu và kéo dài thời gian lao động thặng dư trong khi ngày lao động không đổi hoặc thậm chí rút ngắn
- d. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý ở một vài xí nghiệp riêng biệt làm cho hàng hoá có giá trị cá biệt thấp hơn giá trị xã hội của nó

Câu 12: Điền các cụm từ thích hợp vào chỗ trống?

Giá trị thặng dư tương đối là giá trị thặng dư thu được thu được nhờ, do đó trong khi độ dài ngày lao động không đổi, thậm chí rút ngắn

- a. rút ngắn thời gian lao động thặng dư – kéo dài thời gian lao động tất yếu
- b. rút ngắn thời gian lao động tất yếu – kéo dài thời gian lao động thặng dư
- c. giữ nguyên thời gian lao động tất yếu – kéo dài thời gian lao động thặng dư
- d. kéo dài thời gian lao động tất yếu – giữ nguyên thời gian lao động thặng dư

Câu 13: Lựa chọn nhận định đúng nhất ?

- a. Hàng hoá sức lao động tồn tại trong cơ thể của một con người đang sống
- b. Hàng hoá sức lao động mang yếu tố tinh thần và lịch sử
- c. Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động có khả năng tạo ra giá trị mới
- d. Tất cả phương án trên

Câu 14: Công thức tính giá trị của hàng hoá (G) là?

- a. $G = C + V$
- b. $G = K + P$
- c. $G = C + K$
- d. $G = C + V + M$

Câu 15: Lựa chọn phương án đúng?

- a. Tích lũy tư bản là tái sản xuất giản đơn tư bản chủ nghĩa
- b. Tích lũy tư bản là tái sản xuất mở rộng tư bản chủ nghĩa
- c. Tích lũy tư bản là sự chuyển hoá một phần giá trị thặng dư thành tư bản
- d. Tích lũy tư bản là biến một phần lợi nhuận để mở rộng sản xuất

Câu 16: Nguồn gốc duy nhất của tích lũy là?

- a. $v + m$
- b. $c + v$
- c. m
- d. $c + m$

Câu 17: Lựa chọn phương án đúng về ký hiệu cấu tạo hữu của tư bản?

- a. c/m
- b. v/k
- c. c/v
- d. k/v

Câu 18: Công thức tính chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là?

- a. $k = c + m$
- b. $k = c + v$
- c. $k = G + m$
- d. $k = m + v$

Câu 19: Tỷ suất lợi nhuận phản ánh?

- a. Trình độ khai thác sức lao động làm thuê
- b. Mức doanh lợi đầu tư tư bản
- c. Quy mô giá trị thặng dư mà chủ sở hữu tư liệu sản xuất thu được
- d. Sự cạnh tranh gay gắt giữa các chủ thể đầu tư

Câu 20: Công thức tính tỷ suất lợi nhuận là?

$$a. p' = \frac{p}{c+v} \times 100\% \qquad b. p' = \frac{p}{c+m} \times 100\%$$

$$c. p' = \frac{p}{m+v} \times 100\% \qquad d. p' = \frac{k}{c+v} \times 100\%$$

Câu 21: Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là?

- a. Phần giá trị của hàng hoá, bù lại giá cả của những tư liệu sản xuất đã tiêu dùng và giá cả của sức lao động đã được sử dụng để sản xuất ra hàng hoá ấy
- b. Phần giá trị mà nhà tư bản sử dụng để mua máy móc, nguyên vật liệu
- c. Phần giá trị mà nhà tư bản sử dụng để trả lương cho công nhân làm thuê
- d. Phần giá trị mà nhà tư bản thu được sau khi bán hàng hoá

B. CÂU HỎI MỨC ĐỘ PHÂN TÍCH (CLO 2)

Câu 1. Năm 2022, một doanh nghiệp có tư bản đầu tư (K) là 10.000 USD để sản xuất 1000 đơn vị hàng hóa. Tổng giá trị hàng hoá mà doanh nghiệp tạo ra (G) là 20.000 USD. Giá trị thặng dư của một đơn vị hàng hoá (m) là bao nhiêu?

- a. 10 USD
- b. 20 USD
- c. 30 USD
- d. 40 USD

Câu 2. Một doanh nghiệp có tư bản đầu tư (K) là 10.000 USD để sản xuất 100 đơn vị hàng hóa, có cấu tạo hữu cơ c/v là 4/1, tỷ suất giá trị thặng dư (m') là 200%. Giá trị của 1 hàng hóa (g) là?

- a. 120 (usd/ 1 đv hàng hóa)
- b. 140 (usd/ 1 đv hàng hóa)
- c. 14.000 (usd/ 1 đv hàng hóa)
- d. 80 (usd/ 1 đv hàng hóa)

Câu 3. Một doanh nghiệp có tư bản đầu tư (K) là 10.000 USD để sản xuất 100 đơn vị hàng hóa, có cấu tạo hữu cơ c/v là 4/1, tỷ suất giá trị thặng dư (m') là 200%. Giả định rằng hàng hoá đem bán trên thị trường trong điều kiện giá trị bằng giá cả thì tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp (p') là bao nhiêu?

- a. 20%
- b. 30%
- c. 40%
- d. 25%

Câu 4. Năm 2022, một doanh nghiệp có tư bản đầu tư (K) là 10.000 USD để sản xuất 1000 đơn vị hàng hóa. Tổng giá trị hàng hoá mà doanh nghiệp tạo ra (G) là 30.000 USD. Giá trị thặng dư của một đơn vị hàng hoá (m) là bao nhiêu?

- a. 10 USD
- b. 20 USD
- c. 30 USD
- d. 40 USD

Câu 5: Lựa chọn nhận định đúng nhất?

- a. Điều kiện để tiền biến thành tư bản là khi dùng tiền để mang lại giá trị thặng dư
- b. Điều kiện để tiền biến thành tư bản là khi tiền vận động theo công thức $H - T - H$
- c. Điều kiện để tiền biến thành tư bản là khi bán hàng hoá thấp hơn giá trị của nó
- d. Điều kiện để tiền biến thành tư bản là khi tiền vận động theo công thức $T - H - T$

Câu 6: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Tại sao sức lao động là hàng hoá đặc biệt?

- a. Tồn tại trong cơ thể con người, giá trị sức lao động mang yếu tố tinh thần và lịch sử
- b. Giá trị sức lao động được tính thông qua các giá trị các tư liệu sinh hoạt
- c. Giá trị sử dụng có đặc tính làm tăng giá trị
- d. Tất cả phương án trên.

Câu 7: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Ý nghĩa lý luận hàng hoá sức lao động là?

- a. Chỉ rõ nguồn gốc của giá trị thặng dư
- b. Cơ sở để C. Mác trình bày học thuyết giá trị thặng dư
- c. Phát hiện ra lao động cưỡng bức được thay thế bằng hợp đồng lao động
- d. Tất cả phương án trên

Câu 8: Lựa chọn nhận định đúng?

a. Giá trị thặng dư là bộ phận giá trị cũ dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra, là kết quả của lao động không công của công nhân cho nhà tư bản

b. *Giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra, là kết quả của lao động không công của công nhân cho nhà tư bản*

c. Giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do nhà tư bản tạo ra, là kết quả của việc đầu tư tư bản của các nhà tư bản

d. Giá trị thặng dư là bộ phận giá trị cũ dôi ra ngoài giá trị sức lao động do nhà tư bản tạo ra, là kết quả của việc đầu tư tư bản của các nhà tư bản

Câu 9: Lựa chọn nhận định đúng?

- a. Lợi nhuận luôn lớn hơn giá trị thặng dư
- b. Lợi nhuận luôn nhỏ hơn giá trị thặng dư
- c. Lợi nhuận luôn bằng giá trị thặng dư
- d. *Lợi nhuận chịu sự chi phối của giá trị thặng dư*

CHƯƠNG 4 - CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

A. CÂU HỎI MỨC ĐỘ HIỂU (CLO 1)

Câu 1: Lựa chọn nhận định đúng?

- a. Sự xuất của độc quyền làm thủ tiêu cạnh tranh
- b. *Sự xuất của độc quyền làm cạnh tranh gay gắt hơn*
- c. Sự xuất của độc quyền không tác động đến cạnh tranh
- d. Trong chủ nghĩa tư bản độc quyền không tồn tại cạnh tranh

Câu 2: Đại biểu nào sau đây có đóng góp nổi bật trong việc chỉ ra những đặc điểm kinh tế của độc quyền, độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX?

- a. C. Mác và Ph. Ăng ghen
- b. Thomas Mun
- c. A. Smith
- d. *V.I. Lênin*

Câu 3: Một trong những nguyên nhân hình thành độc quyền trong chủ nghĩa tư bản là?

- a. Do ý muốn của giai cấp công nhân và nhân dân lao động
- b. Do sự can thiệp của nhà nước tư sản
- c. *Do sự phát triển của lực lượng sản xuất.*

d. Do ý chí của giai cấp tư sản

Câu 4: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Nguyên nhân hình thành độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản là?

- a. Do mâu thuẫn giai cấp trong xã hội
- b. Do trình độ xã hội hoá cao của lực lượng sản xuất
- c. Do xu hướng quốc tế hoá kinh tế đời sống kinh tế
- d. Tất cả phương án trên

Câu 5: Lựa chọn nhận định đúng?

- a. Độc quyền nhà nước phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và duy trì, phát triển chủ nghĩa tư bản
- b. Tổ chức độc quyền phục vụ lợi ích cho độc quyền nhà nước và duy trì, phát triển chủ nghĩa tư bản
- c. Độc quyền nhà nước phục vụ lợi ích của các tổ chức độc quyền tư nhân và duy trì, phát triển chủ nghĩa tư bản
- d. Độc quyền nhà nước không phục vụ lợi ích của các tổ chức độc quyền tư nhân và duy trì, phát triển chủ nghĩa tư bản

Câu 6: Một trong những đặc điểm kinh tế của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản là?

- a. Xuất khẩu tư bản trở thành phổ biến
- b. Sự hình thành và phát triển sở hữu nhà nước
- c. Sự kết hợp nhân sự giữa tổ chức độc quyền và nhà nước
- d. Sự điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản

Câu 7: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền là?

- a. Do tích tụ và tập trung sản xuất đến mức cao
- b. Do sự phát triển của khoa học công nghệ
- c. Do sự phát triển của hệ thống tín dụng
- d. Do khủng hoảng kinh tế

Câu 8: Hình thức tổ chức độc quyền cơ bản nào sau đây là thấp nhất?

- a. Cartel (Các-ten)
- b. Consortium (Công-xoóc-xi-om)
- c. Syndicate (Xanh-đi-ca)
- d. Trust (Tờ-rót)

Câu 9: Vai trò mới của ngân hàng trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền là?

- a. Trung gian trong việc thanh toán và tín dụng

b. Nắm hầu hết lượng tiền tệ của xã hội, khống chế mọi hoạt động của nền kinh tế xã hội

- c. Cung cấp nhu cầu vay vốn cho các doanh nghiệp tư bản tư nhân
- d. Tham gia đầu tư bất động sản

Câu 10: Mục đích của xuất khẩu tư bản là?

- a. Làm phương tiện thanh toán quốc tế
- b. Hỗ trợ cho các nước nhập khẩu tư bản
- c. Thu được giá trị thặng dư và các nguồn lợi nhuận khác ở các nước nhập khẩu tư bản*
- d. Giải quyết vấn đề xã hội ở nước nhập khẩu tư bản

Câu 11: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống?

Tổ chức độc quyền là sự liên minh giữa các doanh nghiệp lớn có khả năng thu tóm việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hoá, có khả năng định ra, nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao

- a. giá trị hàng hoá
- b. giá cả thị trường
- c. giá cả sản xuất
- d. giá cả độc quyền*

Câu 12: Tư bản tài chính là?

- a. Sự quan hệ chặt chẽ của quá trình độc quyền hoá trong dịch vụ và ngân hàng
- b. Sự quan hệ chặt chẽ của quá trình độc quyền hoá trong nông nghiệp và ngân hàng
- c. Sự quan hệ chặt chẽ của quá trình độc quyền hoá trong ngân hàng và thương nghiệp
- d. Sự quan hệ chặt chẽ của quá trình độc quyền hoá trong công nghiệp và ngân hàng*

Câu 13: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời câu hỏi: Hình thức xuất khẩu tư bản là?

- a. Đầu tư trực tiếp và xây dựng xí nghiệp mới ở nước nhận đầu tư
- b. Đầu tư gián tiếp và thu mua lợi tức, cổ phần, cổ phiếu
- c. Đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp*
- d. Xây dựng xí nghiệp mới ở nước nhận đầu tư và thu mua lợi tức, cổ phần, cổ phiếu

Câu 14: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời câu hỏi: Cơ chế điều tiết kinh tế của độc quyền nhà nước là?

- a. Cơ chế thị trường

- b. Cơ chế độc quyền tư nhân
- c. Cơ chế điều tiết của nhà nước
- d. *Tất cả phương án trên*

Câu 15: Một trong những vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản là?

- a. Phục vụ lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân lao động
- b. *Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển*
- c. Xoá bỏ sự phân hóa giàu nghèo trong lòng các nước tư bản
- d. Khắc phục được vấn đề khủng hoảng trong nền kinh tế

Câu 16: Một trong những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản là?

- a. Xã hội hoá nền sản xuất
- b. Kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất
- c. *Phân hóa giàu nghèo trong lòng các nước tư bản*
- d. Xoá bỏ nền sản xuất nhỏ, lạc hậu

Câu 17: Lựa chọn nhận định sai?

- a. Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản là luồng xuất khẩu tư bản chảy qua lại giữa các nước phát triển với nhau
- b. Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản là xuất hiện nhiều chủ thể xuất khẩu tư bản từ các nước đang phát triển
- c. Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản là sự áp đặt mang tính chất thực dân trong xuất khẩu tư bản được gỡ bỏ dần
- d. *Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản là hình thức xuất khẩu tư bản chỉ còn tồn tại dưới dạng đầu tư trực tiếp*

B. CÂU HỎI MỨC ĐỘ PHÂN TÍCH (CLO 2)

Câu 1: Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước nhằm mục đích gì?

- a. Phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân
- b. Phục vụ lợi ích của nhân dân lao động
- c. Phục vụ lợi ích của nhà nước tư sản
- d. *Phục vụ lợi ích của tổ chức độc quyền tư nhân và cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản*

Câu 2: Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) thuộc hình thức tổ chức độc quyền nào?

- a. *Cartel (Các-ten)*
- b. Consortium (Công-xoóc-xi-om)
- c. Syndicate (Xanh-đi-ca)
- d. Trust (Tờ-rót)

Câu 3: Mối quan hệ giữa tổ chức độc quyền và nhà nước tư sản trong giai đoạn độc quyền nhà nước là?

- a. Tổ chức độc quyền phụ thuộc vào nhà nước
- b. Nhà nước phụ thuộc vào tổ chức độc quyền
- c. Nhà nước không phụ thuộc vào tổ chức độc quyền
- d. Nhà nước chi phối tổ chức độc quyền

Câu 4: Lựa chọn nhận định sai?

- a. Chủ nghĩa tư bản tự giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội
- b. Mục đích sản xuất của các nhà tư bản trong chủ nghĩa tư bản là vì lợi nhuận
- c. Chủ nghĩa tư bản phát triển đến một trình độ nhất định sẽ bị thay thế bởi một hình thái kinh tế - xã hội tiến bộ hơn
- d. Chủ nghĩa tư bản không thể tồn tại vĩnh viễn

Câu 5: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Cơ chế điều tiết kinh tế của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản là?

- a. Cơ chế thị trường và độc quyền tư nhân
- b. Độc quyền tư nhân và sự điều tiết của nhà nước
- c. Cơ chế thị trường, độc quyền tư nhân và sự can thiệp của nhà nước
- d. Cơ chế thị trường và sự điều tiết của nhà nước

Câu 6: Tại sao trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước đòi hỏi sự can thiệp của nhà nước vào đời sống kinh tế?

- a. Vì nhà nước muốn chi phối các tổ chức độc quyền
- b. Vì nhằm loại bỏ các quy luật kinh tế khách quan
- c. Vì nhằm phục vụ lợi ích cho giai cấp công nhân
- d. Vì nhằm phục vụ lợi ích của chủ nghĩa tư bản độc quyền

Câu 7: Biểu hiện mới của chủ thể xuất khẩu tư bản trong chủ nghĩa tư bản độc quyền ngày nay là?

- a. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng to lớn, xuất hiện nhiều chủ thể xuất khẩu tư bản ở các nước đang phát triển
- b. Xuất hiện nhiều chủ thể xuất khẩu tư bản ở các nước phát triển
- c. Xuất hiện nhiều chủ thể xuất khẩu tư bản ở các nước kém phát triển
- d. Xuất hiện nhiều chủ thể xuất khẩu tư bản ở tất cả các nước trên thế giới

CHƯƠNG 5 - KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

A. CÂU HỎI MỨC ĐỘ HIỂU (CLO 1)

Câu 1: Điền các cụm từ theo thứ tự thích hợp?

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành theo cácđồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; códo Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo

- a. các quy luật của thị trường - sự điều tiết của Nhà nước
- b. quan hệ sản xuất và trao đổi - các quy luật kinh tế
- c. đường lối của Đảng - sự điều tiết của Nhà nước
- d. sự điều tiết của Nhà nước - các quy luật của thị trường

Câu 2: Lựa chọn phương án sai về tính tất yếu khách quan của phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

- a. Phù hợp với xu hướng phát triển khách quan của Việt Nam trong bối cảnh thế giới hiện nay
- b. Phù hợp với nguyện vọng mong muốn dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh của người dân Việt Nam
- c. Do tính ưu việt của kinh tế thị trường trong thúc đẩy phát triển Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa
- d. Do mục tiêu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là củng cố và phát triển các thành phần kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân

Câu 3: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó thành phần kinh tế nào giữ vai trò chủ đạo?

- a. Kinh tế nhà nước
- b. Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác
- c. Kinh tế tư nhân
- d. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 4: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Tại sao phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

- a. Do thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chưa đồng bộ
- b. Do hệ thống thể chế còn chưa đầy đủ

c. Do hệ thống thể chế còn kém hiệu lực, hiệu quả, thiếu đầy đủ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

d. Tất cả phương án trên

Câu 5: Lựa chọn nhận định sai?

a. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là hướng tới phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

b. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối công bằng các yếu tố sản xuất, đồng thời phân phối kết quả làm ra theo kết quả lao động

c. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ưu tiên tăng trưởng kinh tế trước, sau đó thực hiện công bằng xã hội trong giai đoạn phát triển

d. Cơ chế quản lý trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chịu sự làm chủ và giám sát của nhân dân

Câu 6: Trách nhiệm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là của chủ thể nào?

a. Đảng, Nhà nước và toàn xã hội

b. Giai cấp cầm quyền

c. Tầng lớp tri thức

d. Giai cấp công nhân

Câu 7: Lợi ích kinh tế là?

a. Lợi ích tinh thần, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người

b. Lợi ích cả về tinh thần và vật chất, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người

c. Lợi ích chính trị và xã hội, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người

d. Lợi ích vật chất, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người

Câu 8: Bản chất của lợi ích kinh tế là?

a. Là quan hệ xã hội mang tính vĩnh viễn

b. Là quan hệ xã hội mang tính lịch sử

c. Là phạm trù mang tính tự nhiên

d. Là phạm trù kinh tế khách quan

Câu 9: Lựa chọn nhận định sai?

a. Nhà nước có vai trò bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế

b. Nhà nước có vai trò can thiệp, kiểm soát các quá trình hoạt động của các quan hệ lợi ích

c. Nhà nước có vai trò điều hòa lợi ích giữa cá nhân – doanh nghiệp – xã hội

d. Nhà nước có vai trò giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế

Câu 10: Trong các hình thức lợi ích kinh tế, lợi ích nào là cơ sở, nền tảng cho các lợi ích khác?

a. Lợi ích quốc gia

b. Lợi ích tập thể

c. Lợi ích cá nhân

d. Lợi ích nhóm

Câu 11: Đặc trưng phản ánh thuộc tính quan trọng mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam là?

a. Ưu tiên thực hiện tăng trưởng kinh tế

b. Ưu tiên thực hiện công bằng xã hội

c. Thực hiện gắn liền tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội

d. Thực hiện tách rời tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội

Câu 12: Nhân tố quyết định lợi ích kinh tế là?

a. Quan hệ sở hữu

b. Quan hệ phân phối

c. Quan hệ trao đổi

d. Quan hệ tiêu dùng

Câu 13: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là?

a. Phát triển lực lượng sản xuất

b. Nâng cao đời sống nhân dân

c. Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội

d. Tất cả phương án trên

B. CÂU HỎI MỨC ĐỘ PHÂN TÍCH (CLO 2)

Câu 1: Đại hội IX của Đảng đã khẳng định mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là?

a. Kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước

b. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

c. Kinh tế thị trường

d. Kinh tế thị trường hiện đại, có sự quản lý của nhà nước

Câu 2: Đặc điểm riêng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là?

- a. Nền kinh tế mở
- b. Có sự đa dạng về chủ thể kinh tế
- c. *Tính định hướng xã hội chủ nghĩa*
- d. Giá cả được hình thành theo nguyên tắc thị trường

Câu 3: Lựa chọn nhận định sai?

- a. *Kinh tế thị trường là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản*
- b. Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại
- c. Kinh tế thị trường đối lập với kinh tế tự nhiên
- d. Kinh tế thị trường là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường

Câu 4: Giả sử anh A được giám đốc công ty X thuê vào vị trí trưởng phòng kinh doanh của với mức lương 25 triệu việt nam đồng một tháng. Điều gì sẽ gây mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế giữa anh A và giám đốc công ty X?

- a. Anh A bị giám đốc mắng vì ngủ quên trong giờ làm việc
- b. Giám đốc công ty X trả lương cho bạn của anh A gấp 5 lần so với mức lương trả cho anh A
- c. *Giám đốc công ty X trả lương cho anh A ít hơn so với quy định*
- d. Giám đốc công ty X không mời anh A tham dự tiệc sinh nhật công ty

Câu 5 : Chủ thể nào có vai trò chính trong việc đảm bảo hài hoà các lợi ích kinh tế?

- a. *Nhà nước*
- b. Giai cấp công nhân
- c. Nhân dân lao động
- d. Tầng lớp tri thức

CHƯƠNG 6 - CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

A. CÂU HỎI MỨC ĐỘ HIỂU (CLO 1)

Câu 1: Đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là?

- a. Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện, để tạo ra dây chuyền sản xuất hàng loạt

- b. Sử dụng công nghệ thông tin và máy tính, để tự động hoá sản xuất
- c. Liên kết giữa thế giới thực và ảo, để thực hiện công việc thông minh và hiệu quả nhất
- d. Sử dụng năng lượng nước và hơi nước, để cơ khí hoá sản xuất

Câu 2: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống?

Công nghiệp hoá là quá trình chuyển đổi nền sản xuất xã hội từ dựa trên là chính sang nền sản xuất xã hội dựa chủ yếu trên nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao

- a. lao động trí óc – lao động bằng máy móc
- b. lao động thủ công – lao động bằng máy móc
- c. lao động cụ thể – lao động trừu tượng
- d. lao động phức tạp – lao động giản đơn

Câu 3: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Vai trò của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển ở Việt Nam là?

- a. Thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất
- b. Thúc đẩy hoàn thiện quan hệ sản xuất
- c. Thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển
- d. Tất cả phương án trên

Câu 4: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống?

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, từ sử dụng sức lao động ... sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học – công nghệ, nhằm tạo ra cao

- a. trí óc – cường độ lao động
- b. phức tạp – năng suất lao động xã hội
- c. máy móc – cường độ lao động
- d. thủ công – năng suất lao động xã hội

Câu 5: Lựa chọn nhận định sai?

- a. Công nghiệp hoá là quy luật phổ biến mà mọi quốc gia đều trải qua
- b. Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam nhằm xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội
- c. Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam để đẩy nhanh tốc độ phát triển và hội nhập, rút ngắn khoảng cách đối với các nước phát triển
- d. Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam để phù hợp với mô hình kinh tế thị trường của các nước tư bản

Câu 6: Một trong những đặc điểm của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam hiện nay là?

- a. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- b. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa
- c. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá không gắn liền với phát triển kinh tế tri thức
- d. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá không chú trọng phát triển ngành dịch vụ

Câu 7: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hiệu quả là?

- a. Tăng tỷ trọng của ngành dịch vụ, giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp và công nghiệp trong GDP
- b. Tăng tỷ trọng của ngành nông nghiệp, giảm tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ trong GDP
- c. Tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp, giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp và dịch vụ trong GDP
- d. Tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP

Câu 8: Lựa chọn nhận định sai?

- a. Hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan là do xu thế khách quan trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế
- b. Hội nhập kinh tế quốc tế là phương thức phát triển phổ biến của các nước
- c. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp mở cửa thị trường, thu hút vốn, thúc đẩy công nghiệp hoá, tăng tích lũy
- d. Hội nhập kinh tế quốc tế làm giảm khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội giữa các nước phát triển và các nước đang, kém phát triển

Câu 9: Những tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam là?

- a. Tạo điều kiện mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học- công nghệ, vốn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước
- b. Tạo cơ hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- c. Tạo điều kiện để thúc đẩy hội nhập của các lĩnh vực văn hoá, chính trị, củng cố an ninh – quốc phòng
- d. Tất cả phương án trên

Câu 10: Lựa chọn phương án đúng nhất để trả lời cho câu hỏi: Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đến quá trình phát triển của Việt Nam?

a. Làm cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, các ngành trong nước với nước ngoài; làm tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài

b. Gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội, đối mặt với nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và huỷ hoại môi trường

c. Tạo ra một số thách thức đối với quyền lực nhà nước, tăng nguy cơ bản sắc dân tộc và văn hoá truyền thống Việt Nam bị xói mòn, có nguy cơ gia tăng tình trạng khủng bố quốc tế, buôn lậu, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia

d. Tất cả phương án trên

Câu 11: Lựa chọn nhận định sai?

a. Theo quan điểm của Đảng ta, nhà nước là chủ thể duy nhất tham gia hội nhập kinh tế quốc tế

b. Theo quan điểm của Đảng ta, hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân

c. Theo quan điểm của Đảng ta, doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân là lực lượng nòng cốt trong hội nhập kinh tế quốc tế

d. Theo quan điểm của Đảng ta, người dân là vị trí trung tâm trong hội nhập kinh tế quốc tế,

Câu 12: Hội nhập kinh tế quốc tế là?

a. Quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung

b. Quá trình liên kết và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia

c. Quá trình các quốc gia liên kết trên nhiều phương diện kinh tế - chính trị - văn hoá – xã hội

d. Quá trình các quốc gia tiến hành hoạt động kinh tế với các nước trên toàn thế giới

Câu 13: Lựa chọn nhận định sai?

a. Hình thức hội nhập kinh tế quốc tế là hợp tác giữa các quốc gia

b. Hình thức hội nhập kinh tế quốc tế là đầu tư giữa các quốc gia

c. Hình thức hội nhập kinh tế quốc tế là nội thương trong các quốc gia

d. Hình thức hội nhập kinh tế quốc tế là dịch vụ thu ngoại tệ giữa các quốc gia

B. CÂU HỎI MỨC ĐỘ PHÂN TÍCH (CLO 2)

Câu 1: Một trong những lý do cơ bản mà Việt Nam phải thực hiện công nghiệp hoá gắn liền với hiện đại hoá là?

- a. Do công nghiệp hoá luôn gắn liền với hiện đại hoá
- b. Do các quốc gia trên thế giới đều thực hiện đồng thời cả hai quá trình này
- c. *Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu về kinh tế của nước ta so với các nước trong khu vực và trên thế giới*
- d. Do nhu cầu của xã hội

Câu 2: Lựa chọn nhận định sai?

- a. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam là nhiệm vụ tất yếu của mọi nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội
- b. *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa không là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*
- c. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái và sự phát triển bền vững
- d. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam dựa trên động lực nền tảng là sự phát triển công nghiệp và khoa học công nghệ

Câu 3: Quan điểm: “Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hoá thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế”, được nêu rõ trong Đại hội nào của Đảng cộng sản Việt Nam?

- a. Đại hội X
- b. Đại hội XI
- c. Đại hội XII
- d. *Đại hội XIII*

Câu 4: Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào năm nào?

- a. 2006
- b. *2007*
- c. 2008
- d. 2009

Câu 5: Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào năm nào?

- a. *1995*
- b. 1996
- c. 1997
- d. 1998

Phụ lục 03: Danh sách bảng điểm tổng hợp đánh giá học phần các lớp thực nghiệm và đối chứng môn phần Kinh tế chính trị mác – lenin

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế chính trị Mác Lênin

Số tín chỉ: 02

Học kỳ II. Năm học 2021 - 2022

Lần đánh giá: 01

Lớp độc lập: 20220102070110206 (D14)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thành phần			Điểm ĐGHP		Ghi chú
				HS2	HS3	HS5	Thang 10	Điểm chữ	
1	2552010974	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	23/05/2003	9.2	8.0	9.5	9.0	A	
2	2552010975	Vũ Thị Thu Uyên	25/06/2003	0.0	0.0				
3	2552010976	Phạm Thu Uyên	20/03/2003	7.3	8.2	5.5	6.7	C	
4	2552010977	Hà Thị Hà Vi	23/02/2003	8.5	7.1	7.0	7.3	B	
5	2552010991	Nguyễn Thị Hà My	08/09/2003	8.8	7.0	7.0	7.4	B	
6	2552010996	Trần Lan Phương	16/01/2003	9.5	8.0	7.5	8.1	B	
7	2552011014	Nguyễn Huyền Trang	24/09/2003	8.3	7.6	5.5	6.7	C	
8	2552011030	Nguyễn Thị Chúc Quyên	21/11/2003	6.8	0.0				
9	2552010949	Hà Thị Mĩ Duyên	24/05/2001	8.3	8.2	9.0	8.6	A	
10	2552010978	Phạm Thị Lan Anh	29/07/2001	9.3	7.7	5.3	6.8	C	
11	2552010979	Ngô Thị Ngọc Ánh	03/10/2003	8.0	7.9	4.8	6.4	C	
12	2552010980	Nguyễn Thị Bình	23/09/2002	8.5	7.3	7.3	7.5	B	
13	2552010981	Phạm Thị Thùy Dương	07/05/2003	0.0	0.0				
14	2552010982	Hà Thị Giang	13/08/2002	9.3	8.3	8.8	8.8	A	
15	2552010983	Nguyễn Thị Hà	02/11/2003	8.8	8.3	7.8	8.2	B	
16	2552010984	Nguyễn Thị Hoa	21/09/2003	9.0	7.0	4.5	6.2	C	
17	2552010985	Trần Lệ Hồng	01/12/2003	8.9	8.5	6.0	7.3	B	
18	2552010986	Nguyễn Thị Thu Hương	27/01/2003	8.8	7.3	7.5	7.7	B	
19	2552010987	Lê Thị Ngọc Lan	15/10/2003	8.6	8.6	6.0	7.3	B	
20	2552010988	Hà Thị Kiều Linh	25/01/2002	9.3	8.3	6.8	7.8	B	
21	2552010989	Đinh Thị Bảo Linh	05/11/2003	9.5	8.5	6.0	7.5	B	
22	2552010990	Lê Diệu Mai	08/07/2003	0.0	0.0				
23	2552010992	Vũ Thúy Nga	20/12/2002	8.3	8.5	7.5	8.0	B	
24	2552010993	Nguyễn Thảo Nguyên	11/11/2003	6.6	6.8	3.0	4.9	D	
25	2552010994	Nguyễn Thị Nhung	19/10/2003	8.0	7.7	8.0	7.9	B	
26	2552010995	Trịnh Thị Kim Oanh	17/12/2002	9.3	7.1	6.8	7.4	B	
27	2552010997	Hà Thị Thu Phương	10/01/2002	9.0	8.3	9.0	8.8	A	
28	2552010998	Lại Thị Hương Quỳnh	01/02/2002	9.2	8.0	7.8	8.1	B	
29	2552010999	Nguyễn Thị Thanh	21/04/2003	8.2	8.6	7.0	7.7	B	
30	2552011000	Phạm Thị Thanh Thảo	08/04/2002	8.7	8.0	8.3	8.3	B	
31	2552011001	Đinh Thị Thi	25/07/2000	9.1	7.7	7.5	7.9	B	
32	2552011002	Nguyễn Thị Minh Thúy	14/01/2001	8.7	7.7	5.3	6.7	C	
33	2552011003	Hà Thị Hồng Thủy	19/04/2003	8.3	7.3	9.0	8.4	B	
34	2552011004	Vũ Thị Huyền Trang	11/01/2003	8.3	7.7	6.0	7.0	B	
35	2552011005	Bùi Kiều Trang	30/08/2003	7.5	7.9	4.5	6.1	C	

36	2552011006	Lê Thị Thu Uyên	16/01/2003	6.8	8.0	6.8	7.2	B
37	2552011007	An Thị Lan	16/01/2003	8.7	8.5	8.5	8.5	A
38	2552011008	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/10/2003	8.7	8.0	7.3	7.8	B
39	2552011012	Nguyễn Thu Hằng	07/07/2003	7.1	6.8	4.5	5.7	C
40	2552011016	Nguyễn Thị Duyên	25/04/2003	7.7	8.2	7.3	7.7	B
41	2552011017	Trịnh Thị Phương Thanh	27/10/2003	8.7	8.2	8.0	8.2	B
42	2552011018	Hoàng Thị Thanh Huyền	22/08/2001	8.1	7.7	7.8	7.8	B
43	2552011019	Vương Hiếu Linh	04/04/2003	6.3	6.8			
44	2552011020	Ngân Thị Nhật Lệ	27/01/2003	8.1	7.9	6.8	7.4	B
45	2552011021	Nguyễn Thị Thanh Oanh	15/02/2003	8.7	8.5	8.0	8.3	B
46	2552011024	Mai Thúy Hằng	06/01/2003	7.8	8.6	7.0	7.6	B
47	2552011025	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	19/11/2003	7.3	7.6	7.3	7.4	B
48	2552011026	Nguyễn Thị Hằng	14/12/2003	8.8	8.5	7.5	8.1	B
49	2552011028	Đặng Thị Thùy Linh	22/02/2002	8.4	9.0	6.0	7.4	B
50	2552011029	Đỗ Thị Hương	18/05/2002	9.2	7.7	6.0	7.2	B
51	2552011031	Đỗ Thị Quyên	09/08/2003	8.3	7.7	7.3	7.6	B

TP. Đào tạo - QLKH TP. Quản lý chất
lượng

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Giám sát

Cán bộ nhập điểm

TS. Lâm Văn Năng
Ngọc Dương

Nguyễn Hữu Tiến

Hoàng Thị Kim Thao Trưởng

GIÁM HIỆU DUYỆT

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế chính trị Mác Lênin
Học kỳ II. Năm học 2021 - 2022
Lớp độc lập: 20220102070110208 (D14)

Số tín chỉ: 02
Lần đánh giá: 01

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thành phần			Điểm ĐGHP		Ghi chú
			HS2	HS3	HS5	Thang 10	Điểm chữ	
2551030049	Bùi Thị Mai Hoa	12/06/2003	8.3	8.0	9.0	8.6	A	
2551030050	Lê Thanh Hương	26/07/2003	7.8	8.5	8.0	8.1	B	
2551030051	Vũ Thị Hương	21/10/2002	8.8	7.8	6.5	7.4	B	
2551030052	Trịnh Tuấn Kiệt	21/04/2003	8.3	7.5	5.8	6.8	C	
2551030053	Phạm Thị Ánh Nguyệt	21/01/2003	8.4	8.0	7.5	7.8	B	
2551030054	Đặng Minh Quyết	06/11/2003	0.0	0.0				
2551030055	Phạm Tất Thắng	26/07/2001	7.2	8.8	9.7	8.9	A	
2551030056	Vũ Thị Thu	12/06/2003	8.6	7.8	6.8	7.5	B	
2551030057	PHETSOUPHN NAMPHOY	31/10/2003	8.3	7.5	4.3	6.1	C	
2551030058	VAHUA PASALOR	02/05/2003	7.8	7.8	5.0	6.4	C	
2551030059	Nguyễn Thị Linh	18/10/2003	8.3	7.8	6.8	7.4	B	
2551030060	Trần Đình Tiên Dung	04/07/2003	8.7	8.0	9.0	8.6	A	
2552470001	Phạm Tạ Hoàng Anh	10/11/2003	8.8	8.0	6.8	7.6	B	
2552470003	Phạm Thị Thành Hưng	03/05/2003	9.5	8.0	6.8	7.7	B	
2552470005	Nguyễn Đức Mạnh	20/11/2003	9.4	8.8	9.0	9.0	A	
2552470006	Nguyễn Thành Nam	02/12/2002	0.0	0.0				
2552470007	Phạm Hoàng Sơn	28/08/2003	8.3	8.0	7.8	8.0	B	
2552470008	Mai Sỹ Thiên	02/08/2003	7.1	6.8	6.3	6.6	C	
2552470009	Ngô Thị Thùy	22/10/2003	8.8	8.5	7.5	8.1	B	
2552470010	Phạm Phương Anh	25/11/2003	9.3	8.0	9.0	8.8	A	
2552470011	Nguyễn Khánh Linh	06/09/2003	8.6	8.8	5.8	7.3	B	
2552470012	Nguyễn Thị Khánh Huyền	23/08/2003	8.2	7.5	8.0	7.9	B	
2552470013	Nguyễn Phương Thảo	02/05/2003	0.0	0.0				
2552470014	Mai Thị Lâm Hương	15/10/2003	8.3	8.3	9.5	8.9	A	
2552470015	Nguyễn Thùy Linh	25/07/2003	9.0	8.8	9.8	9.3	A	
2552470016	Nguyễn Thị Nga	25/11/2003	9.0	7.5	9.0	8.6	A	
2552490001	Nguyễn Văn Anh	19/11/2003	8.7	8.8	9.3	9.0	A	
2552490002	Nguyễn Thái Bảo	07/09/2003	6.8	8.3	7.0	7.4	B	
2552490003	Trần Thị Kim Chi	31/03/2003	7.7	8.5	6.8	7.5	B	
2552490004	Mai Xuân Đạt	15/10/2003	0.0	0.0				
2552490005	Vũ Thị Thu Hiền	02/05/1999	7.0	7.5	5.5	6.4	C	
2552490006	Nguyễn Thị Diệu Khánh	09/11/2003	8.0	8.0	5.5	6.8	C	
2552490007	Nguyễn Minh Phương	28/09/2003	8.7	8.3	7.8	8.1	B	
2552490008	Phạm Thị Quỳnh Trang	15/09/2003	8.3	8.5	7.8	8.1	B	
2552490009	Vũ Thị Hồng Diệp	24/06/2003	7.2	7.0	6.8	6.9	C	
2552490010	Nguyễn Hà Trang	16/01/2003	9.2	8.3	5.3	7.0	B	
2552490011	Lê Thị Hoài Hương	15/08/2003	9.4	9.0	9.5	9.3	A	
2552490012	Hoàng Văn Anh	30/06/2003	7.8	8.8	7.0	7.7	B	

2552490013	Hà Anh Thư	10/10/2003	9.0	7.0	6.3	7.1	B
2552490014	Trần Như Bảo	12/01/2002	9.2	8.0	5.8	7.1	B
2552490015	Hà Khánh Ly	15/08/2003	6.7	7.5	5.3	6.2	C
2552490016	Đinh Thị Thùy Linh	06/04/2003	8.3	8.0	6.3	7.2	B
2552490017	Lê Thị Diệu Linh	24/11/2003	8.4	8.3	8.3	8.3	B
2552490018	Lê Thị Minh Quyên	18/11/2003	8.0	8.0	6.8	7.4	B
2552490019	Nguyễn Minh Công	20/08/2003	7.8	7.3	6.0	6.8	C
2552490020	Lưu Hoàng Nam	25/06/2003	7.9	8.0	6.8	7.4	B
2552490021	Ngô Thị Ánh Nguyệt	12/08/2003	6.3	0.0			
2552490022	Mã Bảo Trâm	30/09/2003	8.4	8.5	8.0	8.2	B
2552490023	Phạm Thị Thanh Nhi	21/01/2003	6.5	7.3	6.5	6.7	C
2554020195	Nguyễn Thái Sơn	15/03/2002	7.0	7.8	6.3	6.9	C
2554020196	Đào Minh Trang	09/03/2003	7.8	7.8	6.0	6.9	C
2554020197	INTHAVONG SOMVANG	24/09/2002	8.0	7.8	5.3	6.6	C
2554020199	YANG VA	25/06/2002	8.3	7.8	4.3	6.2	C
2554020201	YANG SENGTHID	29/02/2000	7.7	7.8	4.5	6.1	C
2554020204	Nguyễn Quang Văn	22/11/2001	7.0	7.8	5.3	6.4	C
2554020205	Vũ Hải Đăng	21/12/2001	0.0	0.0			
2554020206	Phạm Hồng Phúc	22/12/2003	0.0	0.0			

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2022

TP. Đào tạo - QLKH TP. Quản lý chất lượng

Giám sát

Cán bộ nhập điểm

TS. Lâm Văn Năng
Ngọc Dương

Nguyễn Hữu Tiến

Hoàng Thị Kim Thao Trưởng

GIÁM HIỆU DUYỆT

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế chính trị Mác Lênin
Học kỳ II. Năm học 2021 - 2022
Lớp độc lập: 20220102070110202 (D14)

Số tín chỉ: 02
Lần đánh giá: 01

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thành phần			Điểm ĐGHP		Ghi chú
				HS2	HS3	HS5	Thang 10	Điểm chữ	
1	2552020356	Phạm Thị Thu Hiền	14/04/2003	8.3	8.8	8.0	8.3	B	
2	2552020357	Nguyễn Văn Hiếu	03/10/2003	8.0	8.6	7.8	8.1	B	
3	2552020358	Trần Thị Thu Huệ	04/10/2003	8.8	7.4	7.0	7.5	B	
4	2552020359	Bùi Thị Hồng Huệ	01/03/2003	9.3	8.6	8.0	8.4	B	
5	2552020360	Đinh Thị Lan Hương	02/01/2003	8.3	8.1	5.5	6.8	C	
6	2552020361	Nguyễn Thị Thu Hương	18/05/2002	8.0	8.4	7.0	7.6	B	
7	2552020362	Đinh Thị Khánh Huyền	21/04/2003	9.2	8.0	8.5	8.5	A	
8	2552020363	Phạm Thị Khánh Huyền	12/10/2003	9.0	8.6	8.3	8.5	A	
9	2552020364	Nguyễn Thị Hương Lan	01/09/2003	9.0	8.0	6.3	7.4	B	
10	2552020365	Tống Khánh Linh	12/09/2003	8.3	7.7	5.5	6.7	C	
11	2552020366	Phạm Thị Ngọc Linh	16/08/2003	9.2	8.0	5.3	6.9	C	
12	2552020367	Nguyễn Hoàng Mai	06/09/2003	9.1	8.6	6.3	7.6	B	
13	2552020368	Bùi Thị Thanh Mùi	05/12/2003	7.2	7.6	5.5	6.5	C	
14	2552020369	Nguyễn Thị Phương Ngoan	25/10/2003	9.2	7.4	6.5	7.3	B	
15	2552020370	Vũ Thị Bích Ngọc	19/06/2003	8.3	8.3	6.3	7.3	B	
16	2552020371	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	19/02/2003	7.8	7.8	5.0	6.4	C	
17	2552020372	Phạm Thị Thanh Nhân	23/06/2003	8.4	7.6	8.5	8.2	B	
18	2552020373	Lê Thu Phương	13/04/2003	9.2	8.4	8.3	8.5	A	
19	2552020374	Nguyễn Vũ Ngọc Quỳnh	31/07/2003	7.9	8.1	6.8	7.4	B	
20	2552020375	Phạm Thị Sinh	20/07/2003	8.5	7.7	7.3	7.7	B	
21	2552020377	Nguyễn Thị Phương Thảo	18/08/2003	9.0	8.7	8.8	8.8	A	
22	2552020379	Nguyễn Thị Thúy	11/11/2002	8.3	8.1	6.8	7.5	B	
23	2552020380	Nguyễn Thị Lệ Thủy	16/02/2003	8.2	8.5	7.8	8.1	B	
24	2552020381	Lê Thị Huyền Trang	08/01/2003	9.3	7.8	5.0	6.7	C	
25	2552020382	Lê Thị Hoài Trang	03/03/2003	8.8	7.4	6.3	7.1	B	
26	2552020383	Điền Thị Thùy Trang	02/06/2003	8.7	7.4	6.0	7.0	B	
27	2552020384	Nguyễn Thị Thu Trang	12/04/2003	7.5	7.6	4.3	5.9	C	
28	2552020385	Trần Hải Yến	23/07/2003	8.5	7.3	6.5	7.1	B	
29	2552020509	Trần Thị Thúy Hiền	11/03/2003	8.8	8.0	7.5	7.9	B	
30	2552020510	Phạm Thị Mai	21/10/2003	8.6	7.8	8.0	8.1	B	
31	2552020511	Tạ Thị Thùy Linh	13/01/2003	9.1	8.4	9.5	9.1	A	
32	2552020512	Đinh Thị Mai Lan	21/07/2003	8.5	8.0	8.5	8.4	B	
33	2552020513	Nguyễn Thị Kim Oanh	28/09/2003	0.0	0.0				
34	2552020527	Trần Thị Thanh Nhân	14/04/2003	9.0	7.7	9.3	8.8	A	
35	2552020386	Phạm Thị Ngọc Anh	01/11/2003	7.8	8.5	8.3	8.3	B	
36	2552020387	Lê Tuyết Anh	28/05/2003	8.8	7.6	8.5	8.3	B	
37	2552020388	Phạm Phương Anh	30/07/2003	8.3	8.4	6.8	7.6	B	
38	2552020389	Phạm Thị Ngân Anh	22/07/2003	8.5	7.2	5.8	6.8	C	

39	2552020390	Phạm Minh Anh	05/05/2003	8.0	8.0	5.8	6.9	C
40	2552020391	Đinh Thị Minh Ánh	13/07/2003	9.2	8.7	9.3	9.1	A
41	2552020392	Nguyễn Thị Khánh Chi	22/07/2003	9.2	9.0	9.8	9.4	A
42	2552020393	Phạm Thị Thùy Dung	19/11/2003	8.4	7.6	7.0	7.5	B
43	2552020394	Đặng Hương Giang	13/08/2003	8.3	8.4	6.8	7.6	B
44	2552020395	Dương Khánh Hạ	24/05/2003	9.3	8.7	8.3	8.6	A
45	2552020396	Đỗ Thị Minh Hằng	30/07/1995	7.3	7.1	6.5	6.8	C
46	2552020397	Nguyễn Hồng Hạnh	08/03/2003	8.7	7.2	6.0	6.9	C
47	2552020398	Nguyễn Thu Hiền	04/09/2003	8.5	8.0	7.0	7.6	B
48	2552020399	Lê Thị Thúy Hoài	12/04/2003	8.8	7.6	6.3	7.2	B
49	2552020400	Lê Thanh Huế	27/08/2003	9.3	7.0	6.5	7.2	B
50	2552020401	Nguyễn Ngọc Hưng	28/06/2003	6.2	7.1	8.0	7.4	B
51	2552020403	Nguyễn Thu Huyền	25/02/2003	8.3	8.2	9.3	8.8	A
52	2552020404	Phạm Thị Thanh Huyền	20/05/2003	8.2	8.2	5.3	6.8	C
53	2552020405	Nguyễn Thị Huyền	22/02/2003	8.4	8.3	7.0	7.7	B
54	2552020406	Nguyễn Thị Lan	04/01/2003	9.0	7.5	8.0	8.1	B
55	2552020407	Lê Thị Phương Linh	14/05/2003	9.1	8.2	5.5	7.0	B

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2022

TP. Đào tạo - QLKH TP. Quản lý chất lượng

Giám sát

Cán bộ nhập điểm

TS. Lâm Văn Năng
Ngọc Dương

Nguyễn Hữu Tiến

Hoàng Thị Kim Thao Trưởng

GIÁM HIỆU DUYỆT

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế chính trị Mác Lênin
Học kỳ II. Năm học 2021 - 2022
Lớp độc lập: 20220102070110205 (D14)

Số tín chỉ: 02
Lần đánh giá: 01

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thành phần			Điểm ĐGHP		Ghi chú
				HS2	HS3	HS5	Thang 10	Điểm chữ	
1	2552020402	Nguyễn Quỳnh Hương	13/01/2003	8.0	7.3	5.3	6.4	C	
2	2552020429	Trần Minh Hồng	06/05/2003	8.8	8.3	9.5	9.0	A	
3	2552020472	Vũ Duy Khánh	27/12/2002	7.8	7.5	6.0	6.8	C	
4	2552020473	Phạm Thành Nam	20/11/2003	7.7	7.0	5.3	6.3	C	
5	2552020474	Nguyễn Thị Thu An	25/05/2003	8.8	7.0	9.8	8.8	A	
6	2552020475	Hà Kiều Anh	05/03/2003	8.7	7.5	8.3	8.1	B	
7	2552020476	Trần Thị Ngọc Anh	06/09/2003	8.2	7.8	7.8	7.9	B	
8	2552020477	Lê Thị Lan Anh	16/08/2003	8.5	8.3	9.3	8.8	A	
9	2552020478	Nguyễn Thị Minh Châu	01/12/2003	7.7	7.8	6.5	7.1	B	
10	2552020479	Trần Linh Chi	24/10/2003	8.5	6.8	9.5	8.5	A	
11	2552020480	Phạm Thị Điệp	09/03/2003	9.2	8.0	8.8	8.6	A	
12	2552020481	Nguyễn Thị Hương Giang	26/02/2003	9.5	8.0	9.0	8.8	A	
13	2552020482	Đỗ Lê Thu Hà	17/09/2003	9.3	8.5	7.8	8.3	B	
14	2552020483	Đỗ Thu Hà	21/04/2003	8.0	7.0	8.5	8.0	B	
15	2552020484	Phạm Thị Hằng	18/08/2003	9.0	7.8	9.0	8.6	A	
16	2552020487	Nguyễn Thu Huyền	20/08/2003	9.2	8.0	5.3	6.9	C	
17	2552020488	Trương Thị Linh	20/07/2003	7.8	7.0	8.3	7.8	B	
18	2552020489	Đặng Kim Linh	03/06/2003	8.0	7.8	6.3	7.1	B	
19	2552020492	Trần Hồng Ngọc	13/10/2003	9.2	8.0	7.8	8.1	B	
20	2552020493	Phạm Thị Hồng Nhung	12/09/2003	8.5	7.5	7.3	7.6	B	
21	2552020496	Lê Như Quỳnh	28/03/2002	9.3	9.0	8.8	9.0	A	
22	2552020497	Lê Trung Sơn	02/01/2000	8.7	8.0	9.3	8.8	A	
23	2552020498	Nguyễn Thị Vân Thanh	16/10/2003	9.3	8.5	8.3	8.6	A	
24	2552020499	Trần Thu Thảo	22/12/2003	7.3	6.5	7.0	6.9	C	
25	2552020500	Vũ Thị Thảo	09/02/2003	9.2	8.3	6.8	7.7	B	
26	2552020501	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/04/2003	9.3	8.3	8.3	8.5	A	
27	2552020502	Nguyễn Phương Thảo	29/06/2002	8.2	7.5	9.0	8.4	B	
28	2552020503	Doãn Thị Thu Thúy	09/07/2003	7.8	7.8	7.0	7.4	B	
29	2552020505	Lê Nguyễn Quỳnh Trang	24/09/2003	7.9	7.3	6.0	6.8	C	
30	2552020507	Đặng Bích Vân	27/03/2003	7.7	6.8	8.0	7.6	B	
31	2552020508	Phạm Thị Xuân Vui	18/03/2003	7.8	7.8	6.5	7.2	B	
32	2552020521	Đoàn Hương Giang	17/12/2003	9.3	9.5	9.3	9.4	A	

33	2552020529	Nguyễn Thị Thi Anh	25/06/2003	9.3	8.8	9.3	9.2	A
34	2552020530	Hà Thị Ngọc Anh	25/04/2003	7.5	7.0	7.0	7.1	B
35	2552020531	Phùng Thị Hiền	02/06/2000	9.5	10.0	9.5	9.7	A

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2022

TP. Đào tạo - QLKH TP. Quản lý chất lượng

Giám sát

Cán bộ nhập điểm

TS. Lâm Văn Năng
Ngọc Dương

Nguyễn Hữu Tiến

Hoàng Thị Kim Thao Trưởng

GIÁM HIỆU DUYỆT